

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

---❧❧❧❧---

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

CỦA CƠ SỞ

**“NHÀ MÁY GẠCH NGÓI LONG NGUYÊN,
CÔNG SUẤT 38.945.100 VIÊN GẠCH/NĂM”**

Địa chỉ: Ấp 9, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Bình Dương, năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

---❧❧❧❧---

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA CƠ SỞ

**“NHÀ MÁY GẠCH NGÓI LONG NGUYÊN,
CÔNG SUẤT 38.945.100 VIÊN GẠCH/NĂM”**

Địa chỉ: Ấp 9, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG
BÌNH DƯƠNG



Nguyễn Hồng Châu

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	I
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	III
CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	6
1.1. Tên chủ cơ sở.....	6
1.2. Tên cơ sở.....	6
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở.....	8
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở.....	8
1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	9
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	16
1.4.1. Nguyên liệu, hóa chất sử dụng.....	16
1.4.2. Nhu cầu sử dụng điện, nước.....	17
1.4.3. Máy móc thiết bị sử dụng.....	19
1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....	20
CHƯƠNG II SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	22
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	22
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	22
CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	24
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	24
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	24
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	25
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	35
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn.....	36
3.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt.....	36
3.3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường.....	37
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	37
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	38
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	39
3.7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt đánh giá tác động môi trường.....	44
CHƯƠNG IV : NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	51
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	51
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải.....	53
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.....	53
4.4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	56
CHƯƠNG V : KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	58

5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.	58
5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kì với bụi, khí thải	59
CHƯƠNG VI: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	60
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....	60
6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	60
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm	61
CHƯƠNG VII KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	62
CHƯƠNG VIII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	63

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BOD ₅	- Nhu cầu oxy sinh hoá đo ở 20 ⁰ C - đo trong 5 ngày
BTCT	- Bê tông cốt thép
BVMT	- Bảo vệ môi trường
CBCNV	- Cán bộ công nhân viên
COD	- Nhu cầu oxy hóa học
CTCN	- Chất thải công nghiệp
CTNH	- Chất thải nguy hại
CTR	- Chất thải rắn
DO	- Ôxy hòa tan
KT-XH	- Kinh tế - xã hội
PCCC	- Phòng cháy chữa cháy.
SS	- Chất rắn lơ lửng
QCVN	- Quy chuẩn Việt Nam
UBND	- Ủy Ban Nhân Dân
XLNT	- Xử lý nước thải
WHO	- Tổ chức Y tế Thế giới

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. 1. Tọa độ các điểm mốc của cơ sở.....	6
Bảng 1. 2. Các dòng sản phẩm của Nhà máy.....	8
Bảng 1. 3. Nhu cầu nguyên vật liệu sử dụng.....	17
Bảng 1. 4. Cân bằng vật chất nguyên liệu đầu vào và sản phẩm đầu ra của cơ sở.....	17
Bảng 1. 5. Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng điện của cơ sở.....	17
Bảng 1. 6. Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của cơ sở	18
Bảng 1. 7. Nhu cầu sử dụng nước thực tế tại Công ty	19
Bảng 1. 8. Danh mục máy móc, thiết bị sử dụng tại nhà máy.....	19
Bảng 1. 9. Hạng mục công trình cơ sở.....	20
Bảng 3. 1. Thống kê khối lượng hệ thống thoát nước mưa nhà máy	25
Bảng 3. 2. Số liệu chi tiết hệ thống cống thu gom nước thải sinh hoạt.....	26
Bảng 3. 3. Số lượng bể tự hoại của nhà máy.....	26
Bảng 3. 4. Danh mục máy móc thiết bị HTXL nước thải	29
Bảng 3. 5. Sự cố các thiết bị vận hành và cách khắc phục.....	31
Bảng 3. 6. Sự cố và cách khắc phục bể vi sinh	33
Bảng 3. 7. Khối lượng CTNH phát sinh tại cơ sở năm 2023	38
Bảng 3. 8. Các nội dung của cơ sở đã được điều chỉnh, thay đổi so với đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt	44
Bảng 4. 1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn theo dòng nước thải	51
Bảng 4. 2. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh	54
Bảng 4.3 Khối lượng, chủng loại CTR công nghiệp thông thường phát sinh tại Cơ sở	55
Bảng 4. 4. Giá trị giới hạn của tiếng ồn	56
Bảng 4. 5. Giá trị giới hạn của độ rung	57
Bảng 5. 1. Kết quả quan trắc nước thải năm 2023, 2024	58
Bảng 5.2 Bảng kết quả quan trắc khí thải tại ống khói lò nung và lò sấy (1), (2).....	59

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. 1. Vị trí cơ sở trên vệ tinh.	7
Hình 1. 2. Quy trình sản xuất gạch xây dựng.....	10
Hình 1. 3. Khu tập kết nguyên liệu.	11
Hình 1. 4. Thùng lường nạp liệu	11
Hình 1. 5. Chuyên máy tách đá, nghiền thô	12
Hình 1. 6. Khu phơi khô.....	13
Hình 1. 7. Xe gạch sau phơi chuẩn bị vào buồng sấy.	14
Hình 1. 8. Khu thành phẩm.	15
Hình 3. 1. Sơ đồ mạng lưới thoát nước mưa nhà máy	24
Hình 3. 2. Quy trình xử lý nước thải, công suất 20m ³ /ngày.....	26
Hình 3. 3. Sơ đồ thu gom chất thải.....	36
Hình 3. 4. Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ	42

CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở

- Chủ cơ sở: Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương.
- Địa chỉ văn phòng: Số 306, Đường ĐT743, Phường Bình Thắng, Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.
- Người đại diện: Ông Lê Viết Châu Chức danh: Tổng Giám đốc
- Điện thoại: 0274.3751518
- Email: mc@vlxdbd.com.vn
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700148529 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 06 năm 2010; đăng ký thay đổi lần 8 ngày 01 tháng 03 năm 2023 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

1.2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: Nhà máy gạch ngói Long Nguyên, công suất 38.945.100 viên gạch/năm.
 - Địa điểm cơ sở: ấp 9, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.
- Nhà máy Gạch Long Nguyên thuộc Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương có địa chỉ tại ấp 9, xã Long Nguyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Công ty được chứng nhận quyền sử dụng đất số CT00409 ngày 03/08/2010 và CT07696 ngày 18/6/2014. Các mặt tiếp giáp của cơ sở như sau:

- Phía Bắc giáp mỏ sét của Công ty.
- Phía Tây giáp nhà máy gạch ngói Long Nguyên 2 của Công ty.
- Phía Nam giáp đất trồng cao su.
- Phía Đông giáp suối Bưng Thuốc.

Tọa độ các điểm mốc khu đất cơ sở được trình bày như sau:

Bảng 1. 1. Tọa độ các điểm mốc của cơ sở

Điểm mốc	X (m)	Y (m)
1	1237682	588897
2	1237709	589184
3	1237578	589205
4	1237548	588915

Vị trí tọa độ các điểm mốc khu đất Cơ sở được trình bày tại bảng 1.1. Sơ đồ vị trí thực hiện cơ sở được thể hiện tại hình 1.1.



Hình 1. 1. Vị trí cơ sở trên vệ tinh.

Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần:

- Quyết định số 2967/QĐ-UBND ngày 04/10/2010 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy Gạch Ngói Long Nguyên, công suất 36.682.000 viên gạch/năm và 2.263.100 viên ngói/năm tại xã Long Nguyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương của Công ty Cổ phần Vật liệu & Xây dựng Bình Dương.

Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):

Tổng vốn đầu tư Công ty là 47.679.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi bảy tỷ, sáu trăm bảy mươi chín triệu đồng). Dự án nhóm C căn cứ khoản 2, điều 10, Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 thông qua ngày 13/6/2019.

Theo tiêu chí của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, cơ sở thuộc nhóm III, thứ tự 2, mục II, phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

Căn cứ Khoản 2 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định đối tượng phải có GPMT: Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoạt động trước ngày Luật Bảo vệ môi trường 2020 có hiệu lực thi hành

có tiêu chí về môi trường như Dự án đầu tư nhóm I, nhóm II và nhóm III có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành chính thức.

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định về thẩm quyền cấp giấy phép môi trường cho Cơ sở: Cơ sở đã có Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 2967/QĐ-UBND ngày 04/10/2010 do Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bình Dương cấp vì vậy Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương có thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường cho Cơ sở.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

Theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt thì sản phẩm của cơ sở gồm có 36.682.000 viên gạch./năm và 2.263.100 viên ngói/năm. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động và nắm bắt tình hình thị trường, công ty đã không thực hiện sản xuất ngói, mà chỉ sản xuất gạch với 3 loại gạch chính là Gạch 04 lỗ 80x80x180mm, Gạch thẻ 40x80x180mm, Gạch Demi 80x80x80mm, với công suất tổng là 38.945.100 viên gạch/năm.

Công suất sản phẩm thành phần hiện nay không thay đổi so với nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, cụ thể như sau:

Bảng 1. 2. Các dòng sản phẩm của Nhà máy

TT	Sản phẩm	Công suất	
		Theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt	Công suất hiện tại đạt 100% công suất
		(viên/năm)	(viên/năm)
1	Gạch 04 lỗ 80x80x180mm	30.400.000	33.100.000
2	Gạch thẻ 40x80x180mm	3.180.000	4.180.000
3	Gạch Demi 80x80x80mm	682.000	1.665.100
4	Gạch Hourdis	288.000	-
5	Gạch bánh ú	1.040.000	-
6	Gạch thông gió các loại	896.000	-
7	Gạch cần dây	132.000	-

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

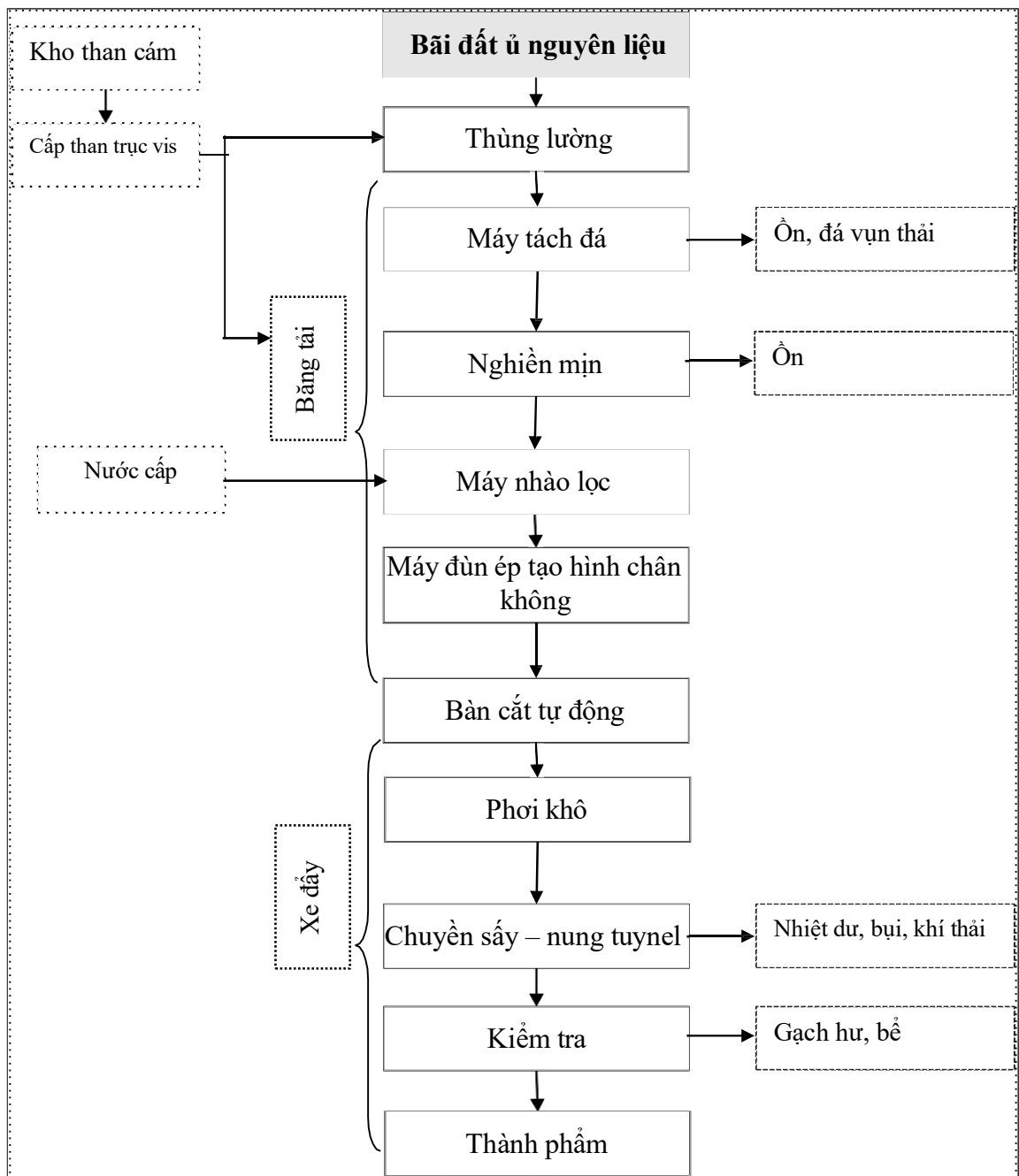
8	Gạch căn mỏng	64.000	-
9	Ngói 22 viên/m ³	2.000.000	-
10	Ngói úp nóc	108.500	-
11	Ngói vảy cá	129.600	-
12	Ngói vẩy rồng, mũi hài	25.000	-
Tổng		38.945.100	38.945.100

Nguồn: Công ty CP Vật liệu và xây dựng Bình Dương, năm 2024

(-) : Công ty hiện tại không còn sản xuất các sản phẩm này.

1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Quy trình sản xuất gạch xây dựng:



Hình 1. 2. Quy trình sản xuất gạch xây dựng.

Thuyết minh quy trình:

Nguyên liệu: Nguyên liệu sản xuất được lấy từ các mỏ của Công ty CP Vật liệu và xây dựng Bình Dương.

Nguyên liệu sau khi nhập về được tập kết tại bãi chứa. Đất được ủ, phong hóa ít nhất 3 tháng để các hạt sét có điều kiện ngậm nước, làm tăng tính dẻo, đồng đều về độ ẩm, các tạp chất hữu cơ có thời gian để phân hủy; làm tăng chất lượng của đất, chủ động về nguyên liệu sản xuất trong những ngày mưa ẩm.



Hình 1. 3. Khu tập kết nguyên liệu.

Gia công nguyên liệu và tạo hình sản phẩm:

Đất ở bãi ủ được xe xúc vào thùng lường – tại đây công nhân sẽ pha trộn đất gồm đất vàng + đất đỏ và than đá, tùy theo yêu cầu về chất lượng sản phẩm thì công nhân đã có kinh nghiệm sẽ pha theo tỷ lệ cho phù hợp.

Khi xúc đất đỏ vào thùng lường phải đổ rải ra, dùng răng gào của xe xúc cào nhiều lần để các cục đất to vỡ ra nhằm tránh nghẹt ở thùng lường. Đất theo băng tải để chuyển qua máy tách đá, trên băng tải có gắn nam châm điện để loại bỏ kim loại có lẫn trong đất sét nhằm bảo vệ cơ cấu máy. Sau mỗi ngày làm việc, công nhân sẽ vệ sinh nam châm điện để lấy các kim loại bị nam châm hút vào.



Hình 1. 4 Thùng lường nạp liệu

Máy tách đá: đất được băng tải đưa vào máy tách đá, máy có cấu tạo gồm 2 rulo: 1 máy có bề mặt nhẵn, 1 cái có bề mặt sọc, có bước xoắn vít để tải đá, gỗ, đất cứng ra ngoài khỏi băng chuyền.



Hình 1. 5. Chuyền máy tách đá, nghiền thô.

Máy nghiền thô:

Than cám (cỡ hạt 0,8mm) mua sẵn từ các đơn vị cung cấp được máy pha than tự động rải đều xuống băng tải để trộn với đất tạo thành phối liệu với lượng than khoảng 70 – 80 gam/1 viên gạch mộc tiêu chuẩn (1,6-1,7kg). Sau đó, phối liệu từ băng tải chuyển qua máy nghiền thô. Tại đây, đất và than được nghiền phá vỡ cấu trúc ban đầu, theo băng chuyền tiếp đến máy nghiền mịn. Đồng thời, máy có đi kèm 1 vòi phun nước để điều chỉnh độ ẩm của đất cho phù hợp.

Máy nghiền mịn:

Máy nghiền mịn có cấu tạo gồm 2 rulo có đường kính bằng nhau, có bề mặt nhẵn, tốc độ quay 2 rulo không đề nhau nhằm tạo độ cán chênh lệch cho mịn đất, độ hở quy định giữa 2 rulo tối đa không quá 2mm.

Máy nhào lọc:

Đất sau khi nghiền mịn ra băng tải và chuyển vào máy nhào lọc. Cấu tạo máy nhào lọc: vỏ máy làm bằng thép dày 5mm nửa hình trụ, trong máy gồm 2 trục dài 3m, trên trục có gắn tay lừa đất và lắp nghiền theo chiều xoắn vít để vừa nhào vừa trộn vừa lừa đất đi, phía cuối máy có gắn 3 vít $\varnothing 500\text{mm}$ để ép đất ra lưới và lọc được cỏ rác –

nếu có. Đồng thời, máy có đi kèm 1 vòi phun nước để điều chỉnh độ ẩm của đất cho phù hợp.

Máy đùn ép tạo hình chân không:

Đất qua máy nhào lọc theo băng tải chuyển qua máy đùn ép và hút chân không. Máy này có cấu tạo 3 trục công tác: 2 trục trên gắn các dao chém và lùa đất vào ép đất, tới buồng hút chân không, có gắn 6 tay đè đất và trục dưới có gắn vít tải để ép đất tạo thành hình qua khuôn sản phẩm. Không khí được hút ra khỏi khuôn, làm tăng độ chắc của gạch bán thành phẩm, tạo độ cứng ban đầu.

Bàn cắt tự động:

Tiếp đến, chuyển gạch mộc qua máy cắt tự động được điều khiển theo chương trình PLC, yêu cầu bàn cắt là vết cắt phải thẳng, khi cắt xong không để lại vết xước trên bề mặt cắt của viên gạch, ứng với mỗi loại gạch có 1 hộp đẩy khác nhau tương ứng với chiều dài yêu cầu sản phẩm. Sử dụng con lăn để đẩy gạch, đồng thời in nhãn hiệu bằng mộc lên thành viên gạch.

Phơi khô:

Gạch bán thành phẩm sau khi được tạo hình có độ ẩm từ 20-22% được phơi trong nhà xưởng để làm giảm độ ẩm của gạch mộc xuống còn 14-16%. Công nhân bốc vào dàn kệ phơi và di chuyển sang khu vực phơi khô. Chế độ phơi phụ thuộc vào khí hậu, nếu thời tiết nắng nóng thì thời gian phơi khô từ 3-10 ngày, có lúc mưa nhiều độ ẩm cao thì thời gian phơi càng cao. Bán thành phẩm được công nhân kiểm tra về độ ẩm của gạch nhờ vào kinh nghiệm sản xuất, gạch đạt yêu cầu được vận chuyển lên xe gòong chuẩn bị đưa vào sấy – nung tuynel.



Hình 1. 6. Khu phơi khô.

Sấy – nung tuynel:

Bán thành phẩm được xếp lên xe goong đưa vào chuyền sấy – nung tuynel nhờ kích thủy lực 30T đặt tại đầu lò. Tác nhân sấy chủ yếu là do khí nóng thu hồi từ vùng làm nguội lò nung, Thời gian sấy khoảng 15 giờ, nhiệt độ sấy từ 80 -140°C. Sau khi sấy, gạch bán thành phẩm đạt độ ẩm < 4% theo chuyền qua lò nung. Nhiệt độ nung dao động khoảng 900 – 1.050°C, thời gian nung khoảng 27 – 32 giờ.



Hình 1. 7. Xe gạch sau phơi chuẩn bị vào buồng sấy.

Nhiên liệu cung cấp cho quá trình nung chính gạch là điện và than cám. Than cám được mua từ các đơn vị cung cấp trên địa bàn tỉnh, phần lớn dùng để phối trộn gạch, một phần theo băng chuyền vận chuyển lên nóc lò và cấp qua các lỗ đổ than theo đúng yêu cầu công nghệ nung, đảm bảo nung chín sản phẩm.

Ra lò, phân loại sản phẩm:

Sản phẩm sau khi ra khỏi vùng nung được làm nguội ở cuối lò nhờ hệ thống thu hồi khí nóng và lượng không khí vào từ cuối lò.

Công nhân bốc dỡ và phân loại sản phẩm theo tiêu chuẩn kỹ thuật, tập kết tại khu vực chứa thành phẩm và giao cho khách hàng.

Sản phẩm lỗi không đạt yêu cầu được công nhân chuyển qua bãi tập kết phế liệu, tận dụng để lấp đường, bãi nguyên liệu.



Hình 1. 8. Khu thành phẩm.

Quy trình vận hành lò nung tuynel di động – thay thế cho lò nung đã sử dụng trước đây:

Châm lửa đốt lò trong vòng 36h để lò ổn định, nhóm lửa bầu đốt phụ đến 600°C và nâng dần nhiệt độ, sử dụng củi đốt với khối lượng từ 30 tấn để châm lò. Đưa than cám có $Q = 4.800 - 5.800 \text{ Kcal/kg}$ có cỡ hạt nhỏ = 1mm lên mặt lò vào các máng chứa than để bổ sung nhiệt và duy trì nhiệt độ của lò. Thời gian tra than phụ thuộc vào nhiệt trị của than và phụ thuộc vào nhiệt độ của vùng nung trung bình cứ 15 - 20 phút tra 1 lần. Chuẩn bị gạch khô có độ ẩm <6%. Cho xếp gạch lên kín mặt lò theo khối xếp đã chọn đưa vào lò.

+ Vùng nung (trong zôn nung) được chia làm 2 khu vực: Phần nung nhiệt từ 600 - nhiệt độ nung, còn lại phân kia là phần lưu ở nhiệt độ nung từ 2 - 3 phân khu xếp mộc. Sản phẩm được nung chín ở vùng nung có nhiệt độ tối đa là 1.050°C.

+ Vùng làm nguội: Nối liền sau vùng nung là vùng làm nguội (là khu vực không tra than hoặc than đã cháy hết nên nhiệt độ giảm dần nhờ gió). Khi cần thiết điều tiết tăng giảm hệ thống thu hồi nhiệt sao cho zôn làm nguội hoạt động tốt. Lò nung tuynel di động của cơ sở hoạt động liên tục 365 ngày trong năm, trong đó thành phẩm được xếp trực tiếp xuống mặt sàn của lò. Lò chuyển động theo chiều dài của lò trên 2 ray đồng tâm cố định. Lò tuynel di động vừa khắc phục được những nhược điểm của lò vòng, cũng như lò tuynel trần bằng không những cải thiện được điều kiện làm việc của người thợ mà nâng cao trình độ sản xuất, chất lượng viên gạch.

Đánh giá việc lựa chọn công nghệ nung tuynel di động hiện tại so với công nghệ nung tuynel trần:

Đầu tư mới đồng bộ các thiết bị gia công nguyên liệu, tạo hình, sấy, nung Tuynel liên hợp, công nghệ sản xuất đạt mức độ tiên tiến so với nước ta hiện nay, cho phép thực hiện các tuyến công nghệ thuận lợi, rút ngắn được các công đoạn trung chuyển trong các khâu sản xuất, phù hợp với điều kiện thời tiết của khu vực, mặt bằng hiện trạng khu đất, thể hiện ở những ưu điểm sau:

- Các thiết bị chế biến tạo hình ở thể hệ mới nhất cho phép hoạt động với tính ổn định cao, có khả năng đa dạng hóa chủng loại sản phẩm, tỉ lệ phế phẩm thấp, tiết kiệm chi phí điện năng.

- Lò nung bằng điện cho hiệu suất sử dụng nhiệt cao hơn lò thường, đảm bảo thân thiện với môi trường và hạn chế gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người lao động. Lò sấy Tuynel được thiết kế trên cơ sở tận dụng tối đa khí nóng từ vùng làm nguội và khí thải của lò nung tạo điều kiện sấy đều, có khả năng sấy tốt với gạch mộc có độ ẩm tối đa tới 16-18% (cao hơn so với 10-14% như trước đây), giảm thời gian phơi trên sân cáng, giảm nhân công phơi đảo gạch mộc, chủ động gạch mộc cung cấp cho lò nung hoạt động hết công suất trong mọi điều kiện thời tiết.

- Lò nung được thiết kế cải tiến kéo dài cho phép độ chênh lệch độ trên mặt cắt ngang của lò ở mức độ thấp nhất, sản phẩm ra lò đảm bảo chất lượng đồng đều tại mọi vị trí trên xe goòng đặc biệt là sản phẩm thành móng chất lượng cao. Các kênh dẫn khí nóng thu hồi từ lò nung sang hầm sấy được thiết kế nằm trong khối xây trên nóc lò cho phép giảm thất thoát nhiệt, giảm chi phí vật liệu cách nhiệt cho kênh dẫn cũng như tăng độ thông thoáng trên mặt lò và đảm bảo mỹ quan cho công trình. Hệ thống cân đo nhiệt độ dài dọc theo chiều lò nung và hầm sấy sẽ truyền tín hiệu về tủ điều khiển trung tâm, sẵn sàng cho việc can thiệp điều chỉnh khi cần thiết.

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.

1.4.1. Nguyên liệu, hóa chất sử dụng

Nhu cầu nguyên vật liệu sử dụng cho sản xuất:

Bảng 1. 3. Nhu cầu nguyên vật liệu sử dụng

TT	Nguyên, nhiên liệu sử dụng	Đơn vị	Khối lượng		Trọng lượng riêng
			Theo ĐTM	Theo thực tế 2023	
1	Đất sét	m ³ /năm	35.050	30.044	1.450kg/m ³
		Tấn/năm	50.822	43.563	
2	Than cám	m ³ /năm	3.271	2.500	700 kg/m ³
		Tấn/năm	2.897	1.750	

Nguồn: Công ty CP Vật liệu và xây dựng Bình Dương.

Cân bằng vật chất nguyên liệu đầu vào và sản phẩm đầu ra khi nhà máy hoạt động tối đa 100% công suất:

Bảng 1. 4. Cân bằng vật chất nguyên liệu đầu vào và sản phẩm đầu ra của cơ sở

TT	Nguyên vật liệu	Khối lượng (tấn/năm)			Tỷ lệ hao hụt % trong quá trình sản xuất
		Nguyên liệu đầu vào	Sản phẩm	Chất thải phát sinh	
1	Đất sét	43.563	33.109,041	Đá lẫn trong đất: 3.661	8,1%
2	Than cám	1.750		Sản phẩm hư, bể: 8.543	18,9%

Nguồn: Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương.

1.4.2. Nhu cầu sử dụng điện, nước

a. Nhu cầu sử dụng điện

Công ty đang sử dụng nguồn điện từ mạng lưới quốc gia do chi nhánh Bình Dương cung cấp để phục vụ cho toàn bộ nhu cầu hoạt động của cơ sở.

Lượng điện tiêu thụ cho các mục đích sau: sản xuất, quạt thông gió, vận hành hệ thống xử lý nước thải, thắp sáng,...

Bảng 1. 5. Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng điện của cơ sở

STT	Thời gian sử dụng	Lượng điện tiêu thụ (kwh/tháng)
1	01/2024	333.000
2	02/2024	54.300
3	03/2024	187.800

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

4	04/2024	511.400
5	05/2024	549.700
6	06/2024	512.500
7	07/2024	521.900
8	08/2024	519.800
9	09/2024	511.500
Trung bình		411.322

Nguồn: Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương, 2024.

b. Nhu cầu sử dụng nước

Nguồn cung cấp nước: Chi nhánh nước Bàu Bàng – Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương và nước dưới đất. Công ty đã được cấp phép tại Giấy phép số 114/GP-STNMT ngày 25/10/2024 về việc cấp phép khai thác nước dưới đất với tổng lượng khai thác của 02 giếng khoan là 35m³/ngày.đêm . Nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt, sản xuất, tưới cây, rửa đường, PCCC,... Lượng nước cấp sử dụng trong 1 ngày khoảng như sau:

Bảng 1. 6. Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của cơ sở

STT	Thời gian sử dụng	Lượng nước cấp sử dụng (m ³)
1	01/2024	500
2	02/2024	270,5
3	03/2024	408,5
4	04/2024	408
5	05/2024	414
6	06/2024	417,5
7	07/2024	395
8	08/2024	431,5
9	09/2024	399
Trung bình		404,89

Nguồn: Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương, 2024.

Như vậy, tổng lượng nước cấp trung bình 01 ngày là 15,57m³/ngày. Nước cấp được sử dụng cho hoạt động sản xuất và sinh hoạt của cơ sở như sau:

Bảng 1. 7. Nhu cầu sử dụng nước thực tế tại Công ty

TT	Mục đích sử dụng	Quy mô	Tiêu chuẩn cấp nước	Khối lượng nước (m ³ /ngày)
1	Nước cấp cho sinh hoạt	60 người	80 lít/người QCVN 01:2021/BXD	4,8
2	Nước dùng phối trộn gạch	-	-	10,27
3	Nước tưới cây	-	-	0,5
Tổng		-	-	15,57

Nguồn: Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương, 2024.

Ngoài ra, nhu cầu sử dụng nước cho hoạt động phòng cháy chữa cháy như sau: Theo TCVN 2622:1995 Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình – Yêu cầu thiết kế thì lưu lượng cấp nước chữa cháy là 15 lít/s cho 1 đám cháy cố định trong 3 giờ, số lượng đám cháy xảy ra đồng thời một lúc là 1 đám cháy, Lượng nước cần dự trữ để chữa cháy trong 3h là: $Q = 15 \times 3,6 \times 3 = 162\text{m}^3$.

1.4.3. Máy móc thiết bị sử dụng

Danh mục máy móc, thiết bị sử dụng tại Nhà máy như sau:

Bảng 1. 8. Danh mục máy móc, thiết bị sử dụng tại nhà máy

STT	TÊN MÁY MÓC/THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ	NƯỚC SẢN XUẤT	TÌNH TRẠNG SỬ DỤNG
1	Hệ thống máy tạo hình tự động	01	Bộ	Hàn Quốc	80%
2	Xe xúc 2 (gàu 2,4m ³)	01	Xe	Hàn Quốc	80%
3	Máy phát điện 250K VA	01	Cái	Hàn Quốc	80%
4	Kệ phơi gạch	2.000	Cái	Hàn Quốc	80%
5	Xe nâng điện	02	Xe	Hàn Quốc	80%
6	Lò nung, sấy	02	cái	Hàn Quốc	80%

Nguồn: Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương, năm 2024

Công ty thường xuyên bảo dưỡng các máy móc, thiết bị này tránh tình trạng hư hỏng xảy ra sẽ ảnh hưởng đến chất lượng của sản phẩm cũng như công nhân sản xuất.

1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

1.5.1. Hạng mục đầu tư xây dựng

Theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt thì tổng diện tích của Nhà máy là 37.874m². Tuy nhiên, công ty đã tăng diện tích lên 40.191,1m², phần diện tích tăng này đã được chấp thuận tại công văn số 1497/UBND-KTN ngày 02/6/2011 do UBND tỉnh Bình Dương cấp. Các hạng mục công trình của Nhà máy đã xây dựng hoàn chỉnh và đưa vào sử dụng với qui mô được trình bày trong bảng như sau:

Bảng 1. 9. Hạng mục công trình cơ sở

TT	Hạng mục công trình	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Hiện trạng
I	Hạng mục công trình chính và phụ trợ của cơ sở			
1	Nhà xưởng sản xuất	11.616	28,9	Đã xây dựng
	Trại lò nung	3.000	7,46	Đã xây dựng
	Trại phơi bán thành phẩm	6.312	15,7	Đã xây dựng
	Trại tạo hình	2.016	5,02	Đã xây dựng
	Kho than	210	0,52	Đã xây dựng
	Nhà kho	78	0,19	Đã xây dựng
2	Trại ủ đất	1.776	4,42	Đã xây dựng
3	Văn phòng	150	0,37	Đã xây dựng
4	Nhà vệ sinh	40	0,1	Đã xây dựng
5	Nhà xe	36	0,09	Đã xây dựng
6	Bảo vệ	9	0,02	Đã xây dựng
7	Bãi chứa đất	6.007,6	14,95	Đã xây dựng
8	Bãi chứa thành phẩm	8.058	20,05	Đã xây dựng
9	Trạm hạ thế	16	0,04	Đã xây dựng
II	Hạng mục công trình bảo vệ môi trường			
10	Khu chứa chất thải	5	0,01	Đã xây dựng
11	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	16,5	0,04	Đã xây dựng
III	Cây xanh thảm cỏ, đường nội bộ	11.970,90	29,78	Đã xây dựng
IV	Hành lang bảo vệ suối	490,1	1,22	
Tổng		40.191,10	100	

Nguồn: Công ty Cổ phần Vật liệu và xây dựng Bình Dương, 2024

Hệ thống thông tin liên lạc

Khu vực Công ty hiện nay đã được lắp đặt hệ thống cáp quang nhằm phục vụ tốt nhất nhu cầu thông tin liên lạc đến từng hạng mục: đảm bảo dung lượng truyền dẫn lớn, chất lượng truyền dẫn đảm bảo, dễ dàng nâng cấp khi có nhu cầu tăng đột biến, có khả năng cung cấp các dịch vụ tích hợp viễn thông: điện thoại nội bộ, điện thoại liên tỉnh và quốc tế, vô tuyến truyền hình, internet,... Tuyến cáp quang được chôn ngầm trong đất và được luồn trong ống chịu lực PVC (HDPE), độ sâu chôn ống tối thiểu là 0,7m.

Hệ thống cấp điện

Hệ thống cấp điện bao gồm đường dây trung thế, trạm biến áp, dây hạ thế, hệ thống chiếu sáng nội bộ .v.v... Nguồn điện cung cấp cho Nhà máy là điện lưới Quốc Gia và máy phát điện dự phòng.

Hệ thống cấp nước

Để cung cấp nước cho quá trình hoạt động của nhà máy, công ty sử dụng nguồn nước nước đất và nước cấp thủy cục của khu vực.

Nước từ các giếng khoan được bơm vào 01 bể chứa nước, từ bể chứa nước này bơm lên sátado và theo các đường ống dẫn đi các vị trí để cung cấp nước cho các mục đích khác nhau.

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Cơ sở hoạt động tại xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương với tổng diện tích 40.191,1 m². Cơ sở đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo Quyết định số 2967/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2010 cho Nhà máy chế gạch ngói Long Nguyên, công suất 36.682.000 viên gạch/năm và 2.263.100 viên ngói/năm.

Vị trí thực hiện Cơ sở phù hợp với phân vùng môi trường theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương và đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định tại Điều 52 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

Cơ sở không xả nước thải vào các vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải của phân vùng bảo vệ môi trường nước mặt theo Quy định Bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Khu đất cơ sở được quy hoạch là đất cơ sở sản xuất, kinh doanh và căn cứ Quyết định số 2041/UBND-KTTH ngày 22/7/2009 về việc bố trí địa điểm dự án đầu tư xây dựng nhà máy gạch ngói công nghệ lò tuynel của Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương và Quyết định số 1497/UBND-KTN ngày 02/6/2021 về việc chủ trương xây dựng trụ sở văn phòng, nhà ở công nhân và bãi chứa gạch thành phẩm của nhà máy gạch ngói Long Nguyên. Do đó, vị trí thực hiện cơ sở hoàn toàn phù hợp với các quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch tỉnh Bình Dương.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

2.2.1. Sự phù hợp của cơ sở đối với hệ thống thoát nước mưa

Hệ thống thu gom và thoát nước mưa được tách riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải. Khu vực sân bãi được bê tông hóa và tạo độ dốc cần thiết để nước mưa thoát nhanh.

Nước mưa trên mái các nhà xưởng: Công ty đã bố trí hệ thống thu gom nước mưa trên mái các nhà xưởng uPVC đường kính D90-D114 mm để thu gom toàn bộ lượng nước mưa phát sinh vào hố ga xung quanh nhà xưởng.

Đối với xung quanh các kho, nhà xưởng, văn phòng: Công ty bố trí hệ thống

thoát nước mưa gồm hệ thống các cống ngầm làm bằng bê tông cốt thép.

Nước mưa từ mái nhà được thu gom bằng đường ống PVC D90mm và D114mm và nước mưa chảy tràn được dẫn về hệ thống thoát nước mưa của Nhà máy bằng cống bê tông cốt thép có đường kính Ø600mm, Ø1000mm và mương rộng từ 0,4 – 800m được bố trí dọc theo đường nội bộ Nhà máy sau đó thoát ra suối Bưng Thuộc, sau đó ra sông Thị Tính.

CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

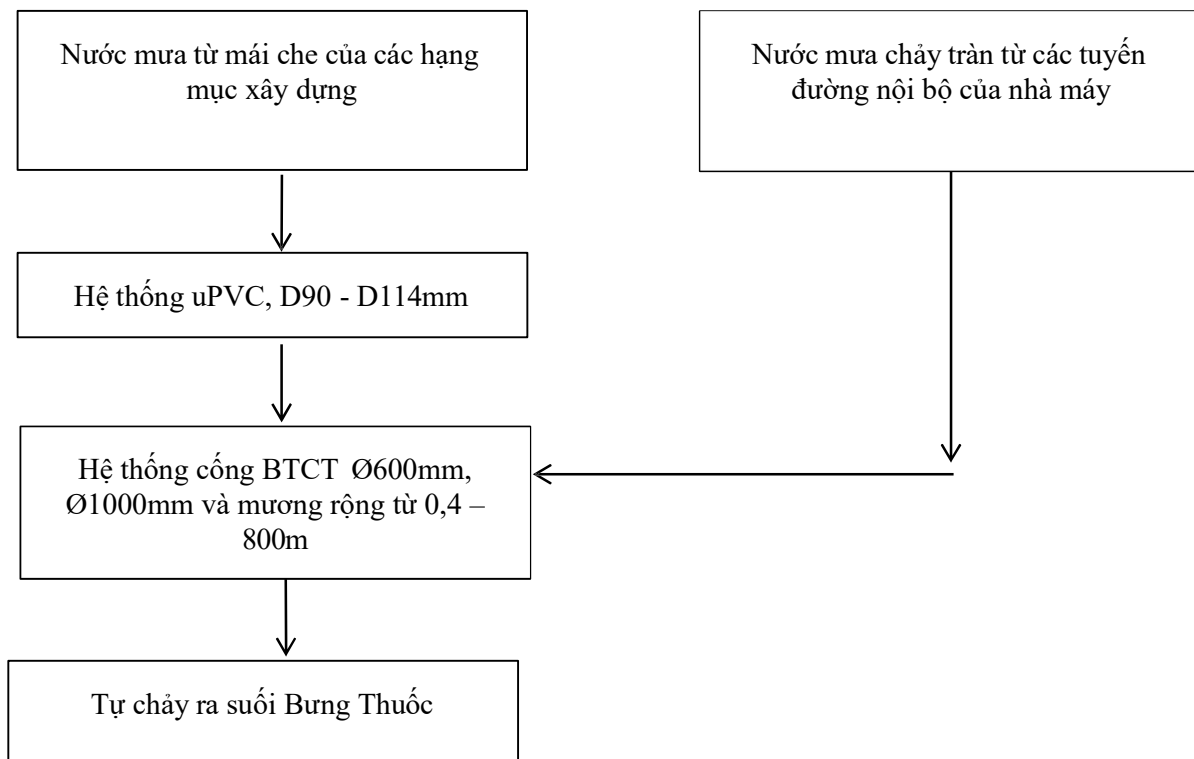
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế riêng với hệ thống thoát nước thải. Khu vực sân bãi được bê tông hóa và tạo độ dốc cần thiết để nước mưa thoát nhanh.

Nước mưa từ mái nhà được thu gom bằng đường ống PVC D90mm và D114mm và nước mưa chảy tràn được dẫn về hệ thống thoát nước mưa của Nhà máy bằng cống bê tông cốt thép có đường kính Ø600mm, Ø1000mm và mương rộng từ 0,4 – 800m được bố trí dọc theo đường nội bộ Nhà máy sau đó chảy ra suối Bưng Thuốc, sau đó ra sông Thị Tính.

Phương thức thoát nước mưa: tự chảy.

Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa nhà máy như sau:



Hình 3. 1. Sơ đồ mạng lưới thoát nước mưa nhà máy

Tọa độ vị trí thoát nước mưa vào suối Bưng Thuốc: X= 1237623; Y= 589211

(Bản vẽ hệ thống thoát nước mưa đính kèm tại phụ lục báo cáo)

Bảng 3. 1. Thống kê khối lượng hệ thống thoát nước mưa nhà máy

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng
1	Ống nhựa PVC D90 mm	m	110
2	Ống nhựa PVC 114 mm	m	30
3	Mương B x H: 400 x 500 mm	m	100
4	Mương B x H: 800 x 1600 mm	m	114
5	Cống BTCT – B x H: 400 x 400 mm	m	45
6	Cống BTCT – D1000 mm	m	8
7	Hố ga BTCT 1000x1000 mm	cái	1
8	Mương BTCT D600 mm	m	250

Nguồn: Công ty Cổ phần Vật liệu và xây dựng Bình Dương, 2024.

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế riêng với hệ thống thoát nước thải.

3.1.2.1. Công trình thu gom nước thải

➤ Thu gom nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở khoảng 4,8m³/ngày bao gồm nước thải từ nhà vệ sinh được thu gom xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn, và được thu gom về hệ thống xử lý nước thải của cơ sở bằng hệ thống cống BTCT, đường kính Ø300mm. Ngoài ra, lượng thải sinh hoạt sau bể tự hoại tại nhà máy gạch ngói Long Nguyên 2 (lưu lượng nước thải 8m³) và mỏ sét (lưu lượng nước thải 1,12m³) của Công ty (giáp cơ sở) được dẫn về hệ thống xử lý nước thải của cơ sở để xử lý. Toàn bộ lượng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sẽ đạt tiêu chuẩn xả thải QCVN 40:2011/ BTNMT, cột A, K_f=1,2, K_q=0,9 được đầu nối xả thải theo hướng thoát của tuyến cống Ø1000mm về suối Bung Thuộc tại vị trí có tọa độ X=1237464, Y=589411.

Công ty đã được UBND huyện Bàu Bàng chấp thuận chủ trương cho Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương tiếp tục thực hiện đầu nối hệ thống thoát nước thải sinh hoạt sau xử lý theo Công văn số 4035/UBND-KT ngày 28/10/2024.

Các thông số kỹ thuật của hệ thống cống thu gom nước thải sinh hoạt: kích thước, vật liệu, chiều dài các loại ống cống được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3. 2. Số liệu chi tiết hệ thống cống thu gom nước thải sinh hoạt

TT	Hạng mục	Số lượng	Kết cấu
1	Cống BTCT Ø 300mm	245m	BTCT
2	Cống BTCT 1000mm	30m	BTCT

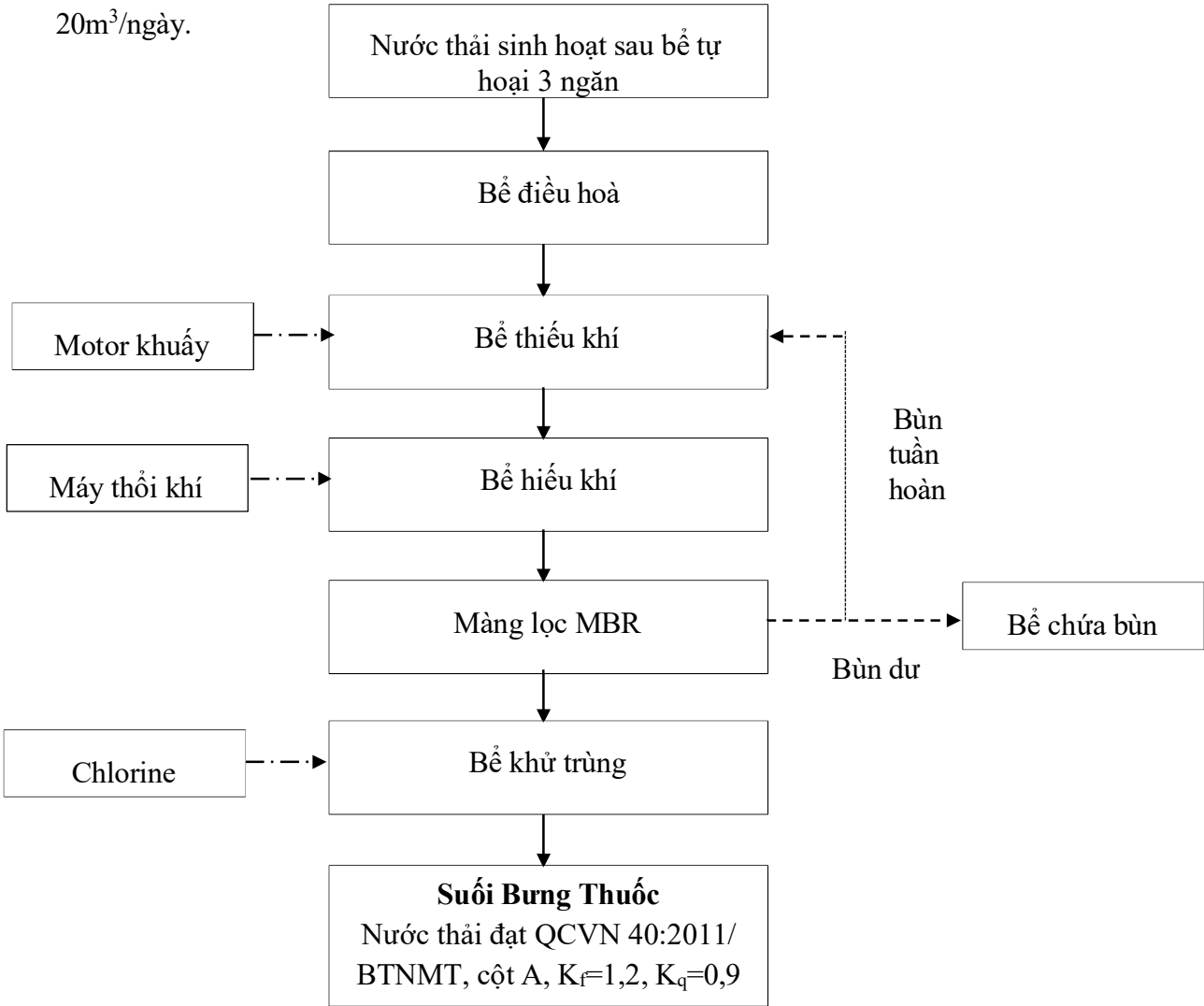
Nguồn: Công ty Cổ phần Vật liệu và xây dựng Bình Dương, 2024.

Bảng 3. 3. Số lượng bể tự hoại của nhà máy

TT	Khu vực	Số lượng (bể)	Thể tích (m³)
1	Khu vực xưởng	01	30
2	Khu vực văn phòng	01	10

Nguồn: Công ty Cổ phần Vật liệu và xây dựng Bình Dương, 2024.

Hiện tại, Công ty đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất 20m³/ngày.



Hình 3. 2. Quy trình xử lý nước thải, công suất 20m³/ngày.

Thuyết minh quy trình:

Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại 3 ngăn của cơ sở, nhà máy Long Nguyên 2, mở sét được dẫn về bể điều hoà.

Bể điều hoà: Chức năng của bể điều hoà là điều hoà lưu lượng và nồng độ làm giảm kích thước và tạo chế độ làm việc ổn định liên tục cho các công trình phía sau, tránh hiện tượng hệ thống xử lý bị quá tải. Nước sau đó được bơm vào bể thiếu khí.

Bể thiếu khí:

Tại bể xảy ra quá trình khử Nitơ và photpho nhờ vào sự sinh trưởng –phát triển của vi sinh vật đặc chủng trong điều kiện môi trường thiếu oxy, vi khuẩn Nitrosomonas và Nitrobacter sẽ oxy hóa hàm lượng ammonium thành nitrate, quá trình khử nitrate diễn ra trong môi trường thiếu oxy. Nồng độ oxy hòa tan < 1,5 mg/l.

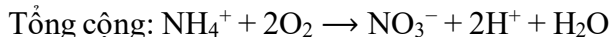
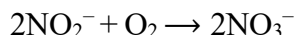
Bên cạnh quá trình chuyển hóa các chất hữu cơ thành carbonic CO₂ và nước, vi khuẩn hiếu khí Nitrosomonas và Nitrobacter còn oxy hóa ammonia NH₃ thành nitrite NO₂⁻ và cuối cùng là nitrate NO₃⁻. Sử dụng CH₃OH làm chất xúc tác cung cấp cacbon cho sự chuyển hóa nitrate NO₃⁻ thành N₂.

Các quá trình khử nitơ được thực hiện như sau:

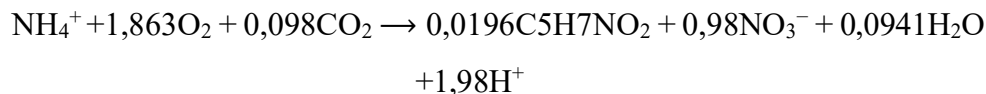
Giai đoạn 1: Quá trình chuyển hóa Ammonium thành Nitrite dưới tác dụng của Vi khuẩn Nitrosomonas:



Giai đoạn 2: Quá trình chuyển hóa Nitrite thành Nitrate dưới tác dụng của vi khuẩn Nitrobacter:



Trên cơ sở phương trình tổng hợp sau:

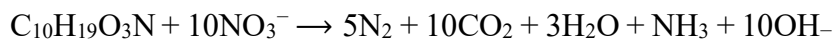


Giai đoạn 3: Sử dụng các hợp chất hữu cơ có trong nước thải (sử dụng cacbon hữu cơ)



Quá trình khử nitơ (denitrification) từ nitrate NO₃⁻ thành nitơ dạng khí N₂ được thực hiện nhằm đạt chỉ tiêu cho phép của nitơ. Quá trình sinh học khử nitơ liên quan đến quá trình oxy hóa sinh học của nhiều cơ chất hữu cơ trong nước thải sử dụng

nitrate hoặc nitrite như chất nhận điện tử thay vì dùng oxy, trong điều kiện không có DO hoặc dưới nồng độ DO giới hạn ($< 2 \text{ mgO}_2/\text{l}$).



Trong đó:

- $\text{C}_x\text{H}_y\text{O}_z$: biểu thị các chất hữu cơ không chứa nitơ;
- $\text{C}_x\text{H}_y\text{O}_z \text{ N}$: biểu thị các chất hữu cơ có chứa nitơ;
- $\text{C}_5\text{H}_7\text{NO}_2$: biểu thị thành phần cơ bản của tế bào vi khuẩn.

Nitơ tự do N_2 sinh ra từ quá trình phân hủy sẽ được thoát ra ngoài nhờ vào quá trình sục khí ở bể hiếu khí.

Bể vi sinh hiếu khí Aerotank:

Tại bể lắp đặt nhiều thiết bị sục khí, với nhiệm vụ khử COD/BOD –Nitơ – Photpho theo tỷ lệ : 100 –5 –1. Kiểm soát nồng độ oxy hòa tan: $> 1,5 \text{ mg/l}$;

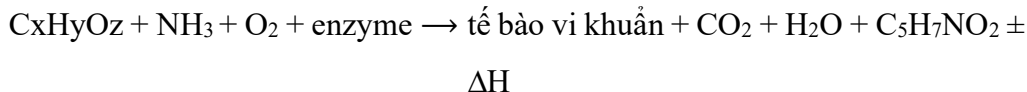
Chủng loại vi khuẩn đặc thù: *Achromobacter*, *Acinetobacter*, *Agrobacterium*, *Alcaligenes*, *Arthrobacter*, *Corynebacterium*, *Flavobacterium*, *Moraxella*, *Neisseria*, *Alcaligenes*,... là những vi khuẩn luôn gắn liền với quá trình xử lý hiếu khí. Đặc biệt hai chủng loại vi khuẩn *Nocardia*, *Microthrix* chính là nguyên nhân gây hình thành lớp bọt trên bề mặt sục khí.

Các phản ứng chuyển hóa BOD tuần tự diễn ra như sau:

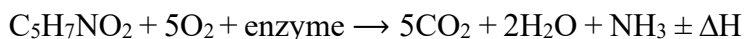
Oxy hóa các chất hữu cơ:



Tổng hợp tế bào mới:



Phân hủy nội bào:



Thành phần ô nhiễm phân hủy như sau:

- Quá trình phân hủy chất hữu cơ hòa tan (BOD) thành CO_2 , H_2O và sinh khối.
- Quá trình phân hủy chất hữu cơ không hòa tan thành CO_2 , H_2O và sinh khối.
- Quá trình hấp thụ Photpho làm tăng sinh khối.

Màng lọc MBR:

Màng lọc MBR có nhiệm vụ loại bỏ các cặn nhỏ còn sót lại trong nước thải đồng thời khử màu và khử mùi giai đoạn cuối cho nước thải nhờ kích thước màng lọc siêu nhỏ.

Bể chứa bùn:

Bùn được dẫn vào từ bể lắng sinh học, sẽ được bơm cấp đến máy ép bùn bằng tải, bùn sau khi ép khô sẽ được các đơn vị xử lý chất thải rắn đến thu gom xử lý. Nước dư sẽ được hồi về bể điều hòa.

Bể khử trùng:

Nước thải sau khi xử lý bằng phương pháp sinh học còn chứa khoảng $10^3 - 10^5$ vi khuẩn trong 100ml, hầu hết các loại vi khuẩn này tồn tại trong nước thải không phải là vi trùng gây bệnh, nhưng cũng không loại trừ một số loài vi khuẩn có khả năng gây bệnh.

Chlorine dạng lỏng sẽ được cấp vào bể theo một nồng độ và liều lượng tối ưu nhất với mục đích đảm bảo nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn nguồn tiếp nhận.

Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/ BTNMT, cột A, $K_t=1,2$, $K_q=0,9$.

Bảng 3. 4. Danh mục máy móc thiết bị HTXL nước thải

TÊN	SỐ LƯỢNG	NGUYÊN LÝ HOẠT ĐỘNG	C1	C2	C3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
BỂ ĐIỀU HÒA					
Bơm nước thải	02	Hoạt động theo 2 chế độ : Chế độ man : bật tắt thủ công từng bơm riêng biệt Chế độ auto : bơm chạy theo phao, luân phiên theo timer	AUTO	OFF	MAN
BỂ THIẾU KHÍ					
Motor khuấy	01	Hoạt động theo 2 chế độ : Chế độ man : bật tắt thủ công từng bơm riêng biệt Chế độ auto : thiết bị chạy theo timer Thay đổi luân phiên 30 phút /	AUTO	OFF	MAN

		lần			
BỂ HIẾU KHÍ					
Máy thổi khí	02	Hoạt động theo 2 chế độ Chế độ man : bật tắt thủ công từng bơm riêng biệt Chế độ auto : thiết bị chạy theo timer Thay đổi luân phiên 30 phút/lần	AUTO	OFF	MAN
Bơm chìm hút bùn	01	Hoạt động theo 2 chế độ Chế độ man : bật tắt thủ công từng bơm riêng biệt Chế độ auto : thiết bị chạy theo máy thổi khí Dùng thí nghiệm nhanh lấy chai nhựa trong suốt lấy nước từ bể aerotank cho đầy. Theo dõi lắng của bông bùn trong vòng 30 phút. Nếu hàm lượng bùn trên 50% thì tiến hành mở van thủ công về bể chứa bùn, đóng van về bể thiếu khí trong vòng 1-2 phút. Sau đó điều chỉnh van về trạng thái ban đầu.	AUTO	OFF	MAN
Bơm trực ngang áp lực	02	Hoạt động theo 2 chế độ : Chế độ man : bật tắt thủ công Chế độ auto : bơm chạy theo phao, luân phiên theo timer	AUTO	OFF	MAN

Nguồn: Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương.

Các sự cố và cách khắc phục khi vận hành HTXL nước thải:

Bảng 3. 5. Sự cố các thiết bị vận hành và cách khắc phục

TT	THIẾT BỊ	Sự cố / Hiện tượng	Nguyên nhân	Cách khắc phục
1	Bơm (tất cả các bơm điện sử dụng trong HTXL)	Không hoạt động và đèn báo sự cố sáng	Quá tải, nhảy overload do:	
			1. Điện áp quá thấp làm dòng tăng	Tắt hệ thống và kiểm tra điện áp, chờ đến khi điện áp đủ, reset overload và vận hành lại
			2. Bơm bị kẹt cánh do rác	Tắt điện, tháo bơm và vệ sinh đồng thời kiểm tra lại lưới chặn rác, reset overload và vận hành lại
			3. Bơm bị kẹt do hư các bộ phận trong bơm	Tắt điện tháo bơm và liên hệ với nhà cung cấp
		Không hoạt động và đèn báo sự cố không sáng	Không có điện vào bơm do:	
			1. Khởi động từ cháy	Tắt hệ thống, thay khởi động từ
			2. Dây điện bị đứt	Tắt hệ thống, kiểm tra và thay dây
			3. Bơm cháy	Liên hệ với nhà cung cấp để sửa chữa

		Bơm hoạt động bình thường nhưng không có nước ra.	Tắc ống	Ngưng hệ thống và làm vệ sinh đường ống
	Máy thổi khí	Không hoạt động và đèn báo sự cố sáng	Quá tải, nhảy overload do:	
			1. Điện áp quá thấp làm dòng tăng	Tắt hệ thống và kiểm tra điện áp, chờ đến khi điện áp đủ, reset overload và vận hành lại
			2. Van bị kẹt do hư các bộ phận trong van	Tắt điện tháo van và liên hệ với nhà cung cấp
		Không hoạt động và đèn báo sự cố không sáng	Không có điện vào máy thổi khí	
			1. Khởi động từ cháy	Tắt hệ thống , thay khởi động từ
			2. Dây điện bị đứt	Tắt hệ thống , kiểm tra và thay dây
	Màng lọc MBR	Bơm chạy báo đèn sáng nhưng nước không thoát ra	Ngẹt màng lọc do lâu ngày không rửa lọc	Rửa màng thường xuyên, 2 tháng một lần

Nguồn: Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương.

Sự cố và cách khắc phục khi vận hành hệ thống vi sinh:

Chuẩn bị lượng bùn hoạt tính cần thiết và cho khởi động công trình sinh học:

Trước tiên cho một phần nước thải với nồng độ BOD: 200 - 500 mg/l chảy vào bể hiếu khí (aerotank). Nếu nước thải có nồng độ cao thì cần pha loãng. Tỷ lệ pha loãng nước thải + nước sạch theo tỉ lệ : 1:1, hoặc 1:3 .(Người vận hành nắm rõ tỉ lệ

này). Sau đó cho bùn hoạt tính từ bể lắng hai, bể chứa bùn nếu không có phải đổ bùn hoạt tính từ một hệ thống khác vào trong bể.

Bùn hoạt tính sẽ gia tăng theo thời gian. Theo sự gia tăng của bùn có sự xuất hiện của nitrate và nitrit, ta tăng dần lượng nước cần xử lý hoặc giảm độ pha loãng. Có thể sử dụng bùn có sẵn từ bể aerotank bất kỳ hoặc bùn phơi ở 60°C hoặc màng vi sinh trôi ra từ bể lọc sinh học hoặc bùn ao hồ. Bùn hoạt tính có thể thu bùn từ sông hoặc ao hồ không nhiễm bẩn dầu mỡ hay dầu khoáng. Tiến hành theo dõi sự phát triển của bùn. Dùng thí nghiệm nhanh lấy chai nhựa trong suốt lấy nước từ bể aerotank cho đầy. Theo dõi lắng của bông bùn trong vòng 30 phút, bùn hoạt động tốt khi thể tích bùn chiếm khoảng 20 % – 40% thể tích thí nghiệm.

Bùn hoạt tính hoạt động tốt có màu nâu, bể aerotank không có mùi hôi thối, không nổi bọt màu trắng, có mùi tanh của bùn non là tốt.

Bảng 3. 6. Sự cố và cách khắc phục bể vi sinh

TT	Sự cố	Nguyên nhân	Cách khắc phục
1	Các vi sinh vật trong bùn hoạt tính chết trong thời gian ngắn.	- Dòng vào chứa các độc tính.	- Tách bùn hoạt tính, tuần hoàn tất cả chất rắn đang hiện diện. Ngưng cung cấp nước thải. Tăng tốc độ tuần hoàn. - Vận hành tốt nước hệ thống xử lý nước thải sản xuất.
2	Bề mặt bể hiệu khí bao bọc bởi lớp màng dày, nhờn.	- Bùn quá già. - Quá nhiều dầu và chất béo trong hệ thống. - Do các vi khuẩn váng bám tạo bọt.	- Thải bỏ bớt bùn dư, tăng lượng nước thải. Sử dụng các chất bơm kiểm soát bọt.- Tăng cường loại bỏ chất béo. Sử dụng các chất bơm kiểm soát bọt. Bổ sung các chương trình tiền xử lý. - Loại bỏ vi khuẩn này bằng cách khử trùng nước thải đầu vào hệ thống.
3	Xuất hiện những đám bọt lớn trên	- Do bùn hoạt tính quá trẻ, lượng bùn ít.	- Tăng tuổi bùn, giảm cung cấp nước thải, sử dụng các chất

	bề mặt bể hiếu khí.	- Do các chất tẩy rửa	bơm kiểm soát bọt. - Hạn chế các chất hoạt động bề mặt, sử dụng các chất bơm kiểm soát bọt.
4	Bùn tạo khối do vi khuẩn sợi gây ra.	- pH thấp. - Thiếu chất dinh dưỡng. - F/M thất. - DO thấp do cung cấp khí, xáo trộn không đủ.	- Clo hóa bùn tuần hoàn. - Giảm tốc độ bùn dư. - Tăng tốc độ khuấy trộn, tăng tốc độ thổi khí. - Hiệu chỉnh pH: 6,5 – 8,5.
5	Bùn tạo khối Zoogloea do liên kết bền giữa nước và bùn.	- Thiếu chất dinh dưỡng (P). - Tỷ lệ F/M cao.	- Cung cấp đủ chất dinh dưỡng. - Giảm lưu lượng bùn xả.
6	Bùn nổi do quá trình khử nitrat.	- Quá trình khử nitrat thành bọt khí N ₂ nhỏ dính chặt vào bông bùn kéo lên trên mặt.	- Điều chỉnh tuổi bùn ngắn hơn hoặc tăng lưu lượng bùn tuần hoàn. - Khuấy nhẹ trên mặt hoặc dùng các vòi phun nước phá vỡ bùn nổi.
7	Váng nổi do VS sợi Norcadia.	- F/M thấp. - MLVSS trong bể cao do lượng bùn xả thấp.	- Giảm tuổi bùn bằng cách giảm lưu lượng tuần hoàn bùn về bể. - Thêm ngăn chọn lọc để hạn chế sinh trưởng VS sợi. - Phun dung dịch Chlorine lên bề mặt váng nổi. - Giảm pH của hỗn hợp bùn HT bằng cách thêm hóa chất.

Nguồn: Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương.

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

3.2.1. Bụi từ công đoạn cấp liệu

Trong các công đoạn sản xuất của Nhà máy, bụi sẽ phát sinh từ quá trình nạp nguyên liệu (than cám) vào thùng trộn sản xuất gạch. Tuy nhiên, theo công nghệ sản xuất của Nhà máy, nguyên liệu chứa trong silo được phân phối vào thùng trộn bằng vít tải. Vít tải được làm kín, nên không làm cho nguyên liệu bay hơi hay bị gió thổi rơi ra ngoài, do đó hạn chế được khả năng bay, bốc hơi, rơi ra ngoài làm hao hụt nguyên liệu và đặc biệt không phát sinh bụi ảnh hưởng tới sức khỏe CBCNV của Nhà máy.

3.2.2. Bụi và khí thải từ lò nung

Qua quá trình sản xuất và sử dụng công nghệ nung tuynel đốt trong và HTXL khí thải đốt than không đạt hiệu quả. Công ty có chuyển đổi quá trình đốt trong thành công nghệ nung tuynel đốt ngoài. Thay than tổ ong thành than cám và điện năng. Lò nung được thiết kế cải tiến kéo dài cho phép độ chênh lệch độ trên mặt cắt ngang của lò ở mức độ thấp nhất, sản phẩm ra lò đảm bảo chất lượng đồng đều tại mọi vị trí trên xe goòng đặc biệt là sản phẩm thành móng chất lượng cao. Do đó, Công ty không lắp đặt hệ thống xử lý khí thải tại công đoạn này. Công ty có lắp đặt ống khói tại lò nung, khí thoát ra chủ yếu là hơi nước, không ảnh hưởng tới môi trường.

• Quy trình vận hành lò nung tuynel di động – thay thế cho lò nung đã sử dụng trước đây:

Châm lửa đốt lò trong vòng 36h để lò ổn định, nhóm lửa bầu đốt phụ đến 600°C và nâng dần nhiệt độ, sử dụng củi đốt với khối lượng từ 30 tấn để châm lò. Đưa than cám có $Q = 4.800 - 5.800 \text{ Kcal/kg}$ có cỡ hạt nhỏ = 1mm lên mặt lò vào các máng chứa than để bổ sung nhiệt và duy trì nhiệt độ của lò. Thời gian tra than phụ thuộc vào nhiệt trị của than và phụ thuộc vào nhiệt độ của vùng nung trung bình cứ 15 - 20 phút tra 1 lần. Chuẩn bị gạch khô có độ ẩm <6%. Cho xếp gạch lên kín mặt lò theo khối xếp đã chọn đưa vào lò.

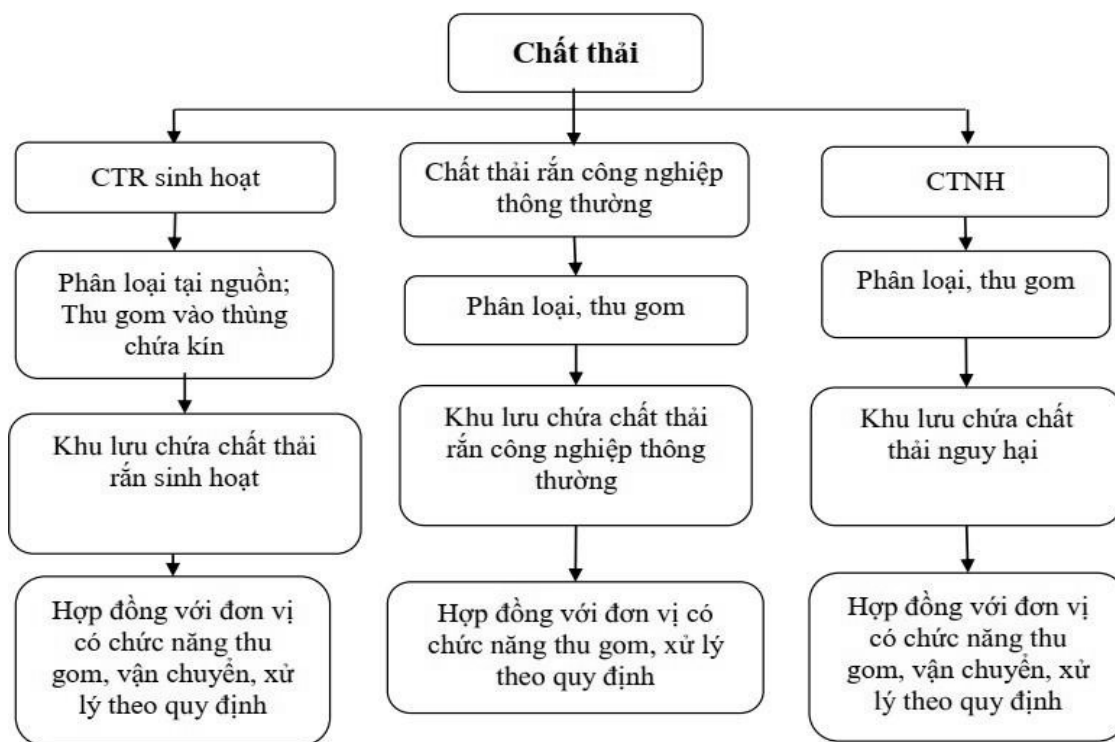
+ Vùng nung (trong zon nung) được chia làm 2 khu vực: Phần nung nhiệt từ 600 - nhiệt độ nung, còn lại phần kia là phần lưu ở nhiệt độ nung từ 2 - 3 phân khu xếp mộc. Sản phẩm được nung chín ở vùng nung có nhiệt độ tối đa là 1.050°C.

+ Vùng làm nguội: Nối liền sau vùng nung là vùng làm nguội (là khu vực không tra than hoặc than đã cháy hết nên nhiệt độ giảm dần nhờ gió). Khi cần thiết

điều tiết tăng giảm hệ thống thu hồi nhiệt sao cho zona làm nguội hoạt động tốt. Lò nung tuynel di động của cơ sở hoạt động liên tục 365 ngày trong năm, trong đó thành phẩm được xếp trực tiếp xuống mặt sàn của lò. Lò chuyển động theo chiều dài của lò trên 2 ray đồng tâm cố định. Lò tuynel di động vừa khắc phục được những nhược điểm của lò vòng, cũng như lò tuynel trần bằng không những cải thiện được điều kiện làm việc của người thợ mà nâng cao trình độ sản xuất, chất lượng viên gạch.

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn

Chất thải rắn phát sinh tại cơ sở được thu gom và xử lý đúng theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.



Hình 3. 3. Sơ đồ thu gom chất thải.

3.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại Nhà máy được thu gom, lưu giữ và xử lý triệt để theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT. Cụ thể như sau:

- Công ty đã trang bị các thùng chứa CTR tại các nơi thích hợp (văn phòng, nhà xưởng). Thu gom CTR sinh hoạt phát sinh vào các thùng chứa đúng quy định để tránh

sự phân hủy của các hợp chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học gây ra ô nhiễm môi trường và sức khỏe cộng đồng.

- Với lượng CTR sinh hoạt phát sinh trung bình của mỗi người là 1 kg/ ngày thì tổng lượng CTR sinh hoạt của công nhân và nhân viên khoảng 60kg/ngày.

- Các loại chất thải này sẽ được thu gom hàng ngày và lưu trữ tại khu vực tập trung. Sau đó chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom CTR sinh hoạt.

Hiện nay Công ty đã ký hợp đồng với Chi nhánh xử lý chất thải – Công ty Cổ phần nước – Môi trường Bình Dương để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt đúng quy định.

3.3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

Theo thống kê từ năm 2023, khối lượng và thành phần của chất thải rắn thông thường phát sinh như sau:

- CTR từ xỉ than cám sau quá trình đốt tại lò nung: với tỷ lệ độ tro trong than cám sau đốt khoảng 5% thì lượng tro xỉ phát sinh là 280 kg/ngày, tương đương 87,5 tấn/năm.

- Gạch hư hỏng phát sinh từ quá trình sản xuất chiếm 18,9% nguyên liệu đầu vào, khoảng 8.543 kg/năm.

- Lượng đá lẫn trong đất sét chiếm khoảng 8,1% nguyên liệu đầu vào, khoảng 3.034.000 kg/năm.

Đối với chất thải phát sinh được Công ty tận dụng san nền cho những vùng trũng, thấp trong cơ sở hoặc lưu trữ nguyên liệu phục vụ sản xuất.

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Chất thải rắn sản xuất nguy hại phát sinh tại cơ sở bao gồm dầu mỡ rơi vãi, bóng đèn huỳnh quang, pin, ắc quy thải, cặn dầu, giẻ lau có dính dầu mỡ phát sinh trong quá trình bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị máy móc khi máy móc gặp sự cố, thùng kim loại dính dầu, nhớt thải. Đây là chất thải độc hại, tuy nhiên do tải lượng không lớn và nguồn phát sinh tập trung nên thuận tiện cho công tác thu gom và xử lý.

Công ty đã bố trí kho lưu giữ CTNH có diện tích 5m² trong khu vực cơ sở. Diện tích kho chứa đảm bảo đủ sức chứa trong quá trình hoạt động.

Kho chứa được bố trí cách ly với khu vực sản xuất, kho chứa được thiết kế theo đúng yêu cầu như có mái che kín, sàn không thấm nước, có dán biển cảnh báo an toàn, trang bị bình chữa cháy...

Các chất thải được tiến hành phân loại ngay tại nguồn. Mỗi loại chất thải được lưu giữ trong một thùng riêng biệt, bên ngoài mỗi thùng chứa CTNH có dán dấu hiệu cảnh báo CTNH theo đúng yêu cầu của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT bao gồm các nội dung: chủ CTNH, tên CTNH, mã CTNH, dấu hiệu cảnh báo CTNH.

Công ty đã ký hợp đồng với Chi nhánh xử lý chất thải – Công ty Cổ phần nước – Môi trường Bình Dương để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại đúng quy định.

Lượng CTNH phát sinh tại cơ sở như sau:

Bảng 3. 7. Khối lượng CTNH phát sinh tại cơ sở năm 2023

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Ký hiệu
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa được nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại)	Rắn	9	18 02 01	KS
2	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	7	17 02 04	NH
Tổng cộng			16	--	--

Nguồn: Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn chủ yếu phát ra từ quá trình hoạt động của hệ thống máy tạo hình, máy phát điện.

Để khống chế tiếng ồn Nhà máy thực hiện các biện pháp sau:

- Thực hiện các biện pháp kỹ thuật và quản lý giảm thiểu bố trí thời gian lao động thích hợp tại các khâu gây ồn, lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su để giảm ồn rung,...
- Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ cho công nhân trong toàn bộ thời gian làm việc gồm nút bịt tai, bao ốp tai chống ồn.
- Có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo

hộ lao động thường xuyên của công nhân.

- Bố trí các máy móc trong dây chuyền một cách hợp lý, tránh để các máy gây ồn hoạt động cùng một lúc gây cộng hưởng;
- Trồng nhiều cây xanh trong khuôn viên để hạn chế lan truyền ồn đi xa.
- Thường xuyên kiểm tra máy móc, độ mài mòn các chi tiết máy, luôn tra dầu mỡ bôi trơn và thay thế các chi tiết bị mài mòn;

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

3.6.1 Phòng ngừa và ứng phó sự cố rò rỉ hoặc vỡ đường ống thoát nước thải, bể tự hoại, sự cố hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của hệ thống bị hư, sự cố do thao tác vận hành xử lý không đúng cách

Bể tự hoại

Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra như:

Tắc nghẽn bồn cầu hoặc tắc đường ống dẫn dẫn đến phân, nước tiểu không tiêu thoát được. Do đó, phải thông bồn cầu và đường ống dẫn để tiêu thoát phân và nước tiểu.

Tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu. Trường hợp này phải tiến hành thông ống dẫn khí nhằm hạn chế mùi hôi cũng như đảm bảo an toàn cho nhà vệ sinh.

Bể tự hoại đầy phải tiến hành hút hầm cầu.

Sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước

Đường ống cấp, thoát nước có đường cách ly an toàn.

Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.

Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.

Sự cố hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của hệ thống bị hư: Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất, nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của hệ thống.

Sự cố do thao tác vận hành xử lý không đúng cách: Điều chỉnh lượng khí, nhu cầu dinh dưỡng, hóa chất do thao tác vận hành xử lý không đúng cách hoặc quá tải

trong việc tiếp nhận nước thải; đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn; lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý.

3.6.2. Biện pháp giảm thiểu sự cố cháy nổ

Hệ thống chữa và báo cháy được thiết kế tuân theo các quy định của luật PCCC và các quy định liên quan do Việt Nam quy định. Kế hoạch ngăn ngừa và ứng phó như sau:

➤ Phòng cháy:

Để phòng chống các nguyên nhân gây cháy nổ, Công ty áp dụng các biện pháp sau:

- Tủ điện được đặt nơi riêng biệt, cách ly với khu sản xuất; đường dây điện đều tính dư tải và đi trong các máng dây đảm bảo an toàn cháy nổ, chia ra thành nhiều tủ điện khác nhau và hạn chế sử dụng đồng loạt các motor.
- Triệt để tuân theo các quy định về phòng hoả, chống sét mà Nhà nước đã ban hành.
- Công nhân, thủ kho, bảo vệ cũng được huấn luyện chữa cháy bằng bình xịt.
- Quy định không được phép hút thuốc lá và ăn uống trong khu vực nhà xưởng;
- Không cho bất kì cá nhân nào mang các vật dụng có khả năng phát sinh lửa vào khu vực đã được quy định, nhất là các khu vực dễ cháy.
- Trang bị hệ thống báo cháy khi có sự cố, và chấp hành nghiêm chỉnh những qui định về an toàn phòng cháy chữa cháy cho khu vực nhà kho.
- Xây dựng các bảng hướng dẫn quy trình nghiêm ngặt trong việc bảo trì, sửa chữa các thiết bị máy móc tại các khu vực sản xuất.
- Trang bị các dụng cụ phòng cháy chữa cháy như: máy bơm, vòi xịt nước, hồ nước dự trữ, cát, bình CO₂, bình bột hóa chất,... tại khu vực văn phòng và nhà xưởng. Các phương tiện chữa cháy được bố trí phân tán dàn đều tại các phân xưởng rất dễ thấy và dễ lấy.
- Đường nội bộ rộng và vào tận các khu vực nhà xưởng, văn phòng nên khi có sự cố, xe chữa cháy có thể vào tận nơi để khắc phục.
- Bố trí các sơ đồ thoát hiểm tại khu vực mọi người quan sát thấy.
- Hệ thống cấp điện cho cơ sở và hệ thống chiếu sáng bảo vệ được thiết kế độc lập, an toàn, có bộ phận ngắt mạch khi có sự cố chập mạch trên đường dây tải điện.

- Các máy móc, thiết bị có lý lịch kèm theo và được đo đạc theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật.

- Thường xuyên kiểm tra các biển báo, biển cấm lửa, nội quy PCCN, phương tiện PCCN.

➤ **Biện pháp chữa cháy:**

(1) Dập lửa:

Ngay từ khi phát hiện có cháy, lực lượng chữa cháy tại các công trường và các lực lượng khác cần tiến hành ngay các công tác dập lửa. Sử dụng các dụng cụ như: bình chữa cháy, nước để dập lửa.

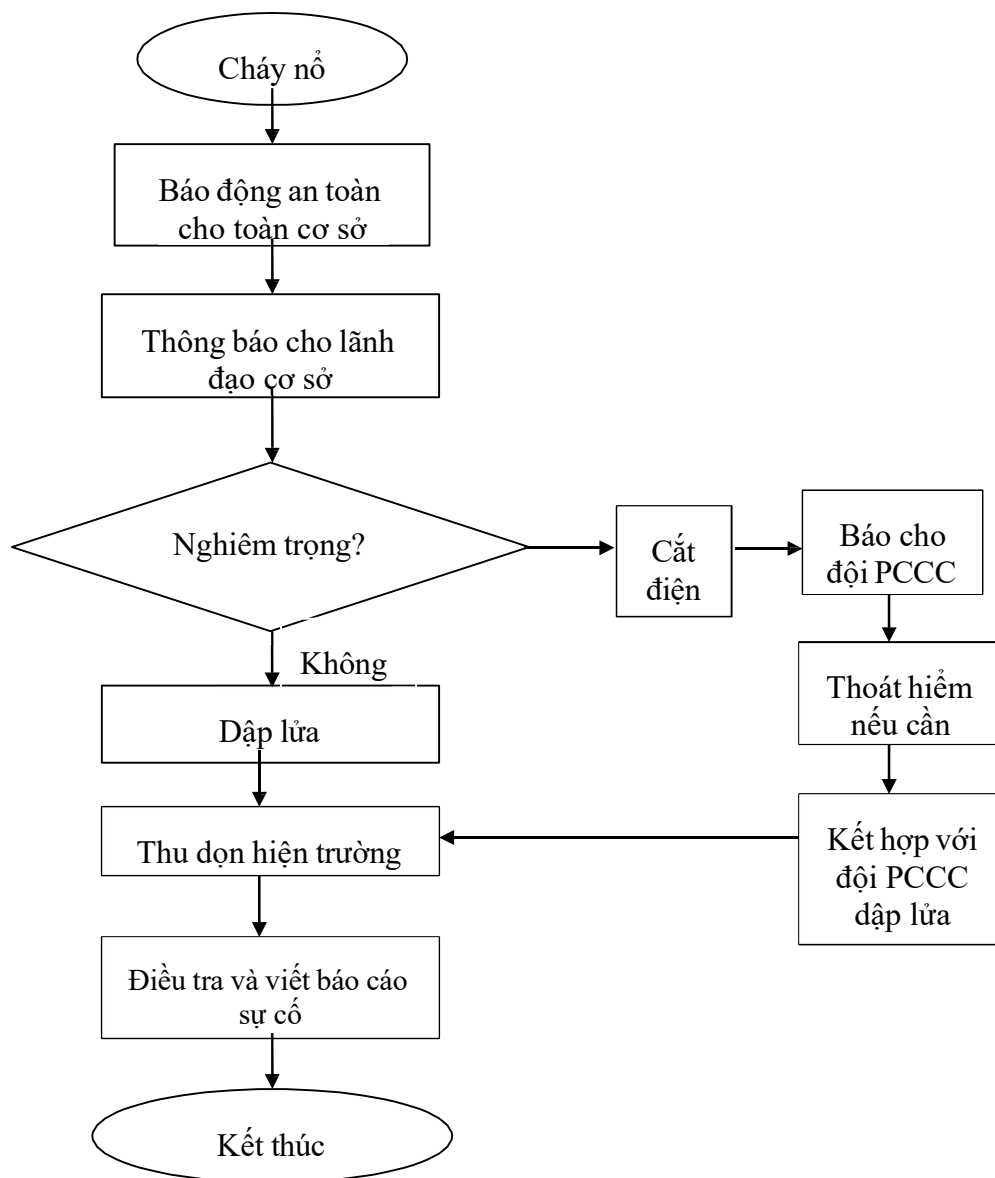
(2) Dọn dẹp:

Sau khi ngọn lửa được dập tắt, điều động nhân công dọn dẹp sạch sẽ khu vực bị cháy, các chi tiết, thiết bị, máy móc bị hỏng cũng được tháo dỡ và vận chuyển ra khỏi khu vực.

(3) Báo cáo điều tra nguyên nhân và rút kinh nghiệm:

Ngay sau khi phát hiện cháy, cần báo cáo ngay với cơ quan có chức năng để phối hợp trong công tác chữa cháy. Sau đó chủ đầu tư sẽ cùng với cơ quan có chức năng sẽ cùng tiến hành công tác điều tra xác định nguyên nhân và lập thành báo cáo gửi các bên có liên quan. Ngoài ra Chủ đầu tư sẽ tiến hành công tác đánh giá thiệt hại, xác định những hư hại và phân cần sửa chữa để có kế hoạch cụ thể khắc phục.

Xây dựng quy trình ứng phó khi có cháy:



Hình 3. 4. Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ

✚ Trách nhiệm tổ chức ứng phó sự cố môi trường

Cán bộ, nhân viên của Công ty là những người trực tiếp tham gia vào hoạt động sản xuất, kinh doanh và được trang bị những kiến thức nghiệp vụ, được đào tạo, huấn luyện về ứng phó sự cố sẽ được lập thành một đội ứng phó sự cố môi trường.

Đội có nhiệm vụ triển khai các phương án ứng phó khi sự cố xảy ra nhằm xử lý và ứng cứu kịp thời đảm bảo an toàn cho toàn công ty nói chung và khu vực tràn đổ chất thải nói riêng; đồng thời nhắc nhở mọi người chấp hành nghiêm túc các quy định về an toàn, vệ sinh lao động trong bảo quản và tồn chứa để phòng ngừa nguy cơ xảy ra sự cố.

Khi có sự cố môi trường xảy ra, Trưởng đơn vị tại khu vực xảy ra sự cố phải có trách nhiệm sơ tán những người trong khu vực xảy ra sự cố ra nơi an toàn, nếu có người bị nạn thì phải di chuyển ngay lập tức nạn nhân ra khỏi khu vực nguy hiểm và tiến hành sơ cấp cứu trước khi chuyển ra Bệnh viện huyện hoặc Cơ sở y tế gần nhất điều trị. Thông báo cho Ban giám đốc, người phụ trách ATLD biết và báo tình hình khu vực xảy ra sự cố, phong tỏa khu vực xảy ra sự cố.

Các trưởng đơn vị gần khu vực xảy ra sự cố khi phát hiện có trách nhiệm thông báo cho Ban Giám đốc, người phụ trách Đội ứng phó sự cố biết và báo tình hình khu vực xảy ra sự cố, điều động nhân viên của mình phối hợp với đội phòng ngừa ứng phó sự cố để triển khai các bước khắc phục sự cố khi có yêu cầu hỗ trợ.

Tùy vào quy mô, mức độ ảnh hưởng và khả năng tự ứng phó của sự cố gây ra để phân chia trách nhiệm chỉ huy điều hành ứng phó, người chỉ huy điều hành có thể là Ban Giám đốc Công ty, Giám đốc xí nghiệp, Trưởng các phòng, bộ phận. Người chỉ huy có trách nhiệm phân chia nhiệm vụ và thực hiện các biện pháp ứng phó sự cố theo kế hoạch, kịch bản đã được phê duyệt, đồng thời có trách nhiệm báo cáo Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã về việc ứng phó sự cố trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm phát hiện sự cố.

Trường hợp sự cố vượt ngoài khả năng tự ứng phó của cơ sở, người chỉ huy phải thông báo ngay và bàn giao cho Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện, hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cấp xã chỉ đạo lực lượng ứng phó sự cố của cơ sở để thực hiện ứng phó.

3.7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt đánh giá tác động môi trường

Các nội dung và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của cơ sở đã được điều chỉnh, thay đổi so với đánh giá tác động môi trường được phê duyệt được trình bày trong bảng dưới đây:

Bảng 3. 8. Các nội dung của cơ sở đã được điều chỉnh, thay đổi so với đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt

STT	Tên công trình/hạng mục	Công trình XLCT theo báo cáo ĐTM	Công trình XLCT đã xây dựng	Thay đổi so với ĐTM
1	Diện tích	Diện tích của cơ sở là 37.874m ²	Diện tích cơ sở là 40.191,1m ²	Phần diện tích tăng này đã được chấp thuận tại công văn số 1497/UBND-KTN ngày 02/6/2011 do UBND tỉnh Bình Dương cấp.
2	Sản phẩm và công suất sản xuất	Sản xuất 36.682.000 viên gạch./năm và 2.263.100 viên ngói/năm.	Sản xuất 3 loại gạch chính là Gạch 04 lỗ 80x80x180mm, Gạch thẻ 40x80x180mm, Gạch Demi 80x80x80mm, với công suất tổng là 38.945.100 viên gạch/năm	Trong quá trình hoạt động và nắm bắt tình hình thị trường, công ty đã không thực hiện sản xuất ngói, mà chỉ sản xuất gạch.
		Bụi từ công đoạn xay than : bố trí	Hiện tại Công ty không thực hiện công đoạn	Có

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

1	Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải	chụp hút ở phía trên máy nghiền, cửa xả than. Công ty bố trí hệ thống lọc bụi túi vải – túi vải hình chóp cụt, D x R = 1,5m x 2,65m. Lưu lượng quạt hút : 2.000m³/h Diện tích vải lọc 10m².	xay than tại nhà máy. Than cám được Công ty mua về dưới dạng bột, đã xay sẵn, nên Công ty không phát sinh bụi tại công đoạn này.	
		- Phun ẩm trên các đường giao thông nội bộ và đoạn đường nối từ đường CCN-TTCN vào Nhà máy để giảm phát tán bụi. - Phun ẩm khu vực tập kết nguyên liệu sản xuất (cát, đá, xỉ đáy lò), bãi chứa sản phẩm	- Phun ẩm trên các đường giao thông nội bộ và đoạn đường nối từ đường CCN-TTCN vào Nhà máy để giảm phát tán bụi. - Phun ẩm khu vực tập kết nguyên liệu sản xuất (cát, đá, xỉ đáy lò), bãi chứa sản phẩm.	Không
		Khí thải lò nung : Phát tán qua ống khói có chiều cao 7m, đường kính 0,3 m	Hiện tại, Công ty chuyển từ công nghệ nung đốt trong sang công nghệ nung đốt ngoài. Vì vậy không có công trình xử lý bụi tại công đoạn này. Phát tán qua ống khói có chiều cao 15m tính từ mặt đất và đường kính từ 1,2-15m.	Có

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

2	Công trình thu gom, xử lý nước thải	- <i>Nước thải sinh hoạt</i>: Lượng nước thải phát sinh khoảng 4,5m³/ngày. + Nước thải từ các nhà vệ sinh được xử lý bằng bể tự hoại ba ngăn sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt. + Quy trình xử lý nước thải công suất 20m³/ngày : Nước thải từ nhà ăn → Hố gom →bể tách dầu → bể điều hòa + Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại → bể lắng 1→ bể lọc sinh học hiếu khí → bể lắng 2→ bể khử trùng → cống	- <i>Nước thải sinh hoạt</i>: Lượng nước thải của cơ sở phát sinh khoảng 4,8 m³/ngày, lượng nước thải của nhà máy gạch ngói Long Nguyên 2 khoảng 8m³ và lượng nước thải của mỏ sét khoảng 1,12m³. + Nước thải từ các nhà vệ sinh được xử lý bằng bể tự hoại ba ngăn sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt. + Quy trình xử lý nước thải công suất 20m³/ngày : Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại → Bể điều hòa → bể thiếu khí → bể hiếu khí → màng lọc MBR→ Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/ BTNMT, cột A, K₁=1,2, K_q=0,9 → xả ra suối Bưng Thuốc.	Thực tế thay đổi quy trình xử lý nước thải sinh hoạt. Tại nhà máy không phát sinh nước thải từ nhà ăn. Do đó quy trình xử lý nước thải không phát sinh nước thải từ nhà ăn.
3	Công trình, thiết bị lưu giữ chất thải rắn thông thường,	- Chất thải rắn sinh hoạt: được bỏ vào các thùng có nắp đậy kín. Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đưa đi xử lý với tần suất 2 lần/tuần.	- Bố trí 05 thùng chứa rác tại các điểm thích hợp trong khuôn viên Nhà máy. - Cuối ngày rác thải tại các thùng sẽ được tập trung lại và lưu giữ tạm thời vào các thùng rác sinh hoạt thể tích 150 lít màu xanh đặt ở phía	Không

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

	chất thải rắn sản xuất, chất thải nguy hại		sau nhà nghỉ và ăn ca của công nhân và hợp đồng với Chi nhánh xử lý chất thải – Công ty Cổ phần nước – Môi trường Bình Dương vận chuyển đưa đi xử lý với tần suất 2 lần/ tuần	
	✓ <i>Chất thải rắn sản xuất:</i> Cát, đá rơi vãi được tập trung vào một điểm cuối ngày làm việc sẽ được rửa lại, phân loại để tái sử dụng (phơi khô cho quay lại chỗ tập kết nguyên liệu).	✓ <i>Chất thải rắn sản xuất:</i> Cát, đá rơi vãi được tập trung vào một điểm cuối ngày làm việc sẽ được rửa lại, phân loại để tái sử dụng (phơi khô cho quay lại chỗ tập kết nguyên liệu) hoặc san nền cho những vùng trũng, thấp trong cơ sở.		Không
	- <i>Đối với chất thải nguy hại:</i> Thu gom lưu giữ trong các 03 thùng composít loại 200 - 1000l, đặt trong 01 thùng container có kích thước 6m×2m×2,5m, thùng container này được đặt ở gần góc của phân xưởng sửa chữa ô tô, nhà để xe tải, máy công trình . - Công ty sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển và xử lý.	- Chất thải nguy hại được phân loại lưu giữ trong các 05 thùng nhựa loại 100lit, đặt trong 01 kho chứa kích thước 2.5 x 2 (m) đặt tại góc của phân xưởng. - Công ty đã ký hợp đồng thu gom xử lý với Chi nhánh xử lý chất thải – Công ty Cổ phần nước – Môi trường Bình Dương.		Do lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở ít nên Công ty đã giảm diện tích kho chứa chất thải nguy hại, công ty cam kết với diện tích này vẫn đảm bảo lưu chứa được toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

				sinh tại cơ sở.
4	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác	- <i>Tiếng ồn, độ rung:</i> + Chôn sâu chân máy, trang bị bảo hộ lao động chống ồn cho công nhân làm việc trực tiếp tại khu vực phát sinh ồn. + Thường xuyên kiểm tra máy móc, phương tiện để vận chặt ốc, chống rơ, chống rung các máy móc sinh ra độ rung lớn. + Lắp đặt các tấm đệm làm bằng cao su hoặc xốp cho một số máy móc sản xuất nhằm làm giảm chấn động do thiết bị gây nên. + Tăng cường hệ thống cây xanh quanh hàng rào Nhà máy, nhằm giảm đến mức thấp nhất tiếng ồn phát ra từ Nhà máy và giảm ô nhiễm môi trường không khí. + Khu vực sản xuất được bố trí cách ly với khu vực hành chính, nhà tập thể và lắp đặt thiết bị chống ồn, rung chuyên dụng cho một số máy móc sản xuất.	- <i>Giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:</i> + Công ty đã thực hiện chôn sâu chân máy, trang bị bảo hộ lao động chống ồn cho công nhân làm việc trực tiếp tại khu vực phát sinh ồn. + Thường xuyên kiểm tra máy móc, phương tiện để vận chặt ốc, chống rơ, chống rung các máy móc sinh ra độ rung lớn. + Lắp đặt các tấm đệm làm bằng cao su hoặc xốp cho một số máy móc sản xuất nhằm làm giảm chấn động do thiết bị gây nên. + Trồng cây xanh trong khu vực Nhà máy nhằm giảm đến mức thấp nhất tiếng ồn phát ra từ Nhà máy và giảm ô nhiễm môi trường không khí.	Không

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

		- <i>Ô nhiễm nhiệt:</i> + Bố trí cây xanh + Các khu chức năng được thiết kế thông thoáng và lắp đặt hệ thống thông gió, điều hòa.	- <i>Giảm thiểu ô nhiễm nhiệt:</i> + Bố trí các loại cây xanh tại các tuyến đường nội bộ trong khu vực cơ sở và các khu vực tiếp giáp với tường rào biên. + Các khu chức năng được thiết kế thông thoáng và lắp đặt hệ thống quạt thông gió, điều hòa.	Không
		- <i>Giảm thiểu tác động đến con người:</i> + Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân. + Biên soạn quy chế an toàn vệ sinh lao động treo ở nơi dễ nhìn. + Trang bị đủ dụng cụ thuốc mem cần thiết cho việc sơ cứu tai nạn.	- <i>Giảm thiểu tác động đến con người:</i> + Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân như găng tay, áo quần, khẩu trang,... + Biên soạn quy chế an toàn vệ sinh lao động, ban hành nội quy PCCC và nội quy sử dụng điện treo ở nơi dễ nhìn. + Trang bị tủ thuốc và các thiết bị y tế cần thiết.	Không
5	Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố	- <i>Các công trình phòng chống cháy nổ:</i> + Trang bị đầy đủ các trang thiết bị PCCC cần thiết theo yêu cầu của cơ quan công an PCCC địa phương. Bao gồm việc xây dựng nội quy PCCC, trang bị các bình chữa cháy cá nhân,	- <i>Các công trình phòng chống cháy nổ:</i> + Trang bị đầy đủ các thiết bị PCCC theo đúng quy định. + Đấu nối với bể chứa nước sinh hoạt để tạo thành một bể chứa nước dự trữ trong khu vực Nhà máy để chữa cháy. Ngoài ra, đấu nối với	

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

	môi trường	xây dựng bể dự trữ nước chữa cháy. + Đầu nối với bể chứa nước sinh hoạt để tạo thành một bể chứa nước dự trữ trong khu vực Nhà máy để chữa cháy. Ngoài ra, đầu nối với hồ điều hòa dùng để chữa cháy và một số mục đích khác; + Xây dựng hệ thống hòng cứu hỏa dọc hành lang các khu vực trong khuôn viên Nhà máy. - Hệ thống chống sét: Đối với hệ thống chống sét, cột thu lôi cần được lắp đặt tại vị trí cao nhất của các công trình, có tiếp đất.	hồ điều hòa dùng để chữa cháy và một số mục đích khác; + Xây dựng hệ thống hòng cứu hỏa dọc hành lang các khu vực trong khuôn viên Nhà máy + Hệ thống chống sét: Đối với hệ thống chống sét, cột thu lôi cần được lắp đặt tại vị trí cao nhất của các công trình, có tiếp đất.	Không
--	------------	--	---	-------

CHƯƠNG IV : NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

4.1.1. Nội dung cấp phép xả nước thải

4.1.1.1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên tại cơ sở.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên tại nhà máy gạch ngói Long Nguyên 2.

- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên tại mỏ sét.

4.1.1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa:

- Lưu lượng xả nước thải tối đa là 20 m³/ngày.đêm.

4.1.1.3. Dòng nước thải

01 dòng nước thải sau công trình xử lý (đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A ($K_q = 0,9$, $K_f = 1,2$) trước khi xả ra nguồn tiếp nhận cuối cùng là Suối Bưng Thuộc → Sông Thị Tính

4.1.1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

Bảng 4. 1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn theo dòng nước thải

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	—	6 – 9	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	32,4		
3	COD	mg/l	81		
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	54		
5	Tổng Nito	mg/l	54		
6	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	4,32		
7	Coliforms	Vi khuẩn/100ml	3.000		

4.1.1.5. Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

Nước thải sau khi được xử lý tại công trình xử lý nước thải sinh hoạt 20 m³/ngày.đêm của cơ sở và đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A ($K_q = 0,9$, $K_f = 1,2$).

- Vị trí xả thải: đầu nổi xả thải theo hướng thoát của tuyến cống D1.000mm về suối Bưng Thuộc.

- Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ/ngày đêm.

- Phương thức xả nước thải: Tự chảy

- Tọa độ vị trí xả thải: X = 1237464; Y = 589411 (theo hệ tọa độ VN-2000, múi chiều 3⁰, kinh tuyến trực 105⁰45').

- Chất lượng nước thải khi xả vào nguồn tiếp nhận: Nước thải sau xử lý đạt giới hạn cho phép theo QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A, $K_q = 0,9$; $K_f = 1,2$.

4.1.2 Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

❖ **Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải**

Nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở được thu gom về hệ thống xử lý nước thải của cơ sở bằng hệ thống cống BTCT, đường kính Ø300mm. Ngoài ra, nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại tại nhà máy gạch ngói Long Nguyên 2 và mỏ sét của Công ty (giáp cơ sở) được dẫn về hệ thống xử lý nước thải của cơ sở để xử lý. Toàn bộ lượng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sẽ đạt tiêu chuẩn xả thải QCVN 40:2011/ BTNMT, cột A, $K_f=1,2$, $K_q=0,9$ được đầu nổi xả thải theo hướng thoát của tuyến cống Ø1000mm về suối Bưng Thuộc → Sông Thị Tính.

4.1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

a) Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt

❖ **Tóm tắt quy trình xử lý:**

Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt của cơ sở trong giai đoạn vận hành sẽ được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn theo quy trình: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 03 ngăn → Hệ thống XLNT sinh hoạt 20 m³/ngày.đêm → Suối Bưng Thuộc → Sông Thị Tính.

Quy trình công nghệ của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất 20m³/ngày.đêm: Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại → Bể điều hòa → bể thiếu khí → bể hiếu khí → màng lọc MBR → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/ BTNMT, cột A, K_f=1,2, K_q=0,9 → suối Bưng Thuộc → sông Thị Tính.

- Lưu lượng xả thải tối đa: 20 m³/ngày.đêm.
- Số lượng: 01 Hệ thống.
- Vị trí bố trí: trong khu vực của cơ sở.

4.1.2.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quan trắc nước thải tự động, liên tục.

4.1.2.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.
- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khu vực xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.
- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

4.1.2.5. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của cơ sở, đảm bảo nước thải sau xử lý đạt giới hạn tiếp nhận nước thải.
- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.
- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị và hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.
- Chủ đầu tư chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom và xử lý nước thải đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Cơ sở không có công trình xử lý khí thải nên không đề nghị cấp phép đối với nội dung này.

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

4.3.1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

a/ Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh:

Bảng 4. 2. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại (rắn/ lỏng/ bùn)	Khối lượng (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	Rắn	02
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	03
3	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 02	Rắn	60
4	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	Rắn	02
5	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	Lỏng	60
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	100
Tổng số		-	-	227

(Nguồn: Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương)

Ghi chú: Mã CTNH theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường.

Lượng chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của cơ sở được tuân thủ đúng các biện pháp quản lý, xử lý chất thải nguy hại theo quy định của nhà nước Thông tư 02/2022/TT-BTNMT để không gây ảnh hưởng đến môi trường và người lao động.

b/ Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

- Nguồn phát sinh: Thành phần chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của Cơ sở chủ yếu là phôi sắt phế liệu, cát thải lẫn mạt sắt bụi kim loại từ quá trình phun cát,....

- Khối lượng phát sinh: Khối lượng CTR công nghiệp thông thường phát sinh tại Cơ sở như sau:

Bảng 4.3 Khối lượng, chủng loại CTR công nghiệp thông thường phát sinh tại Cơ sở

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (tấn/năm)
1	Tro xỉ	Rắn	87,5
2	Gạch hư hỏng	Rắn	8.543
3	Đá lẫn trong đất sét	Rắn	3.661
Tổng cộng		–	12.291,5

Đối với chất thải phát sinh được Công ty tận dụng san nền cho những vùng trũng, thấp trong cơ sở hoặc lưu trữ nguyên liệu phục vụ sản xuất.

c/ Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt:

Rác sinh hoạt trung bình 01 năm tại cơ sở phát sinh 18.720 kg/năm.

4.3.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn nguy hại

a/ Công trình lưu giữ chất thải nguy hại

Thiết bị lưu chứa: Trang bị vật chứa có nắp đậy kín

- Diện tích kho: 2,5 x 2 m

- Thiết kế, cấu tạo khu vực lưu chứa:

+ Lắp biển báo hiệu cho khu vực lưu chứa chất thải nguy hại.

+ Có mái che và tường bao xung quanh khu vực lưu chứa CTNH bằng tôn để tránh ảnh hưởng của thời tiết và phát sinh mùi ra môi trường xung quanh.

+ Mặt sàn trong khu vực lưu chứa chất thải sẽ được quét nền chống thấm, có gờ chống tràn, có rãnh và hố thu dầu và hóa chất chống sự cố rò rỉ dầu và hóa chất ra môi trường. Nền đủ độ bền, chịu được tải trọng của chất thải lưu chứa tạm thời và tải trọng của phương tiện thu gom, vận chuyển.

+ Lắp biển cảnh báo theo tiêu chuẩn; các CTNH sẽ được dán mã, phân loại,

lưu chứa theo từng loại CTNH khác nhau (riêng biệt), có thùng chứa hóa chất lỏng dạng thùng phuy và được đặt vào các khay kín chống rò rỉ.

+ Bố trí thiết bị bình phòng cháy chữa cháy

b/ Công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

Trong khuôn viên khu nguyên liệu.

c/ Công trình lưu giữ chất thải sinh hoạt

- Diện tích khu vực lưu chứa: bố trí thùng rác xung quanh nhà xưởng sản xuất, khu vực tập kết rác thải sinh hoạt có diện tích 2 m²

- Thiết bị lưu chứa: 5 thùng nhựa loại 240 lít

- Hằng ngày chất thải rắn sinh hoạt được công nhân nhà máy thu gom đưa về khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt. Công ty đã ký hợp đồng với Chi nhánh xử lý chất thải – Công ty Cổ phần nước – Môi trường Bình Dương để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt đúng quy định.

4.4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

4.4.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: khu vực nạp liệu
- Nguồn số 2: chuyền sản xuất gạch
- Nguồn số 3: khu vực lò sấy – nung

4.4.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 1: X = 1237587; Y = 589028;
- Nguồn số 2: X = 1237626; Y = 589004;
- Nguồn số 3: X = 1237649; Y = 589025.

4.4.3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

Bảng 4. 4. Giá trị giới hạn của tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

Nguồn: QCVN 27:2010/BTNMT

Bảng 4. 5. Giá trị giới hạn của độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	<i>Khu vực thông thường</i>

Nguồn: QCVN 27:2010/BTNMT

CHƯƠNG V : KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Để đánh giá chất lượng nước thải sau xử lý và khí thải từ lò nung từ quá trình sản xuất của Cơ sở, Công ty đã kết hợp với Trung tâm Nghiên cứu dịch vụ công nghệ và môi trường và Công ty CP TV Môi trường Hải Âu (là đơn vị có chức năng phân tích đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường) tiến hành đo đạc lấy mẫu định kỳ:

5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.

Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường đối với việc quản lý, xử lý nước thải. Theo đó, định kì 3 tháng/lần Công ty đã tiến hành quan trắc chất lượng nước thải sau HTXLNT sản xuất để đánh giá hiệu quả xử lý nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất, cụ thể kết quả quan trắc chất lượng nước thải như sau:

- Thời gian quan trắc: 14/03/2023, 28/06/2023, 05/09/2023, 18/12/2023, 20/03/2024.
- Tần suất quan trắc: 3 tháng/lần.
- Vị trí quan trắc: 01 vị trí tại hố ga tập trung sau HTXLNT
- Tiêu chuẩn giám sát: QCVN 40:2011/ BTNMT, cột A, $K_f=1,2$, $K_q=0,9$.
- Thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, TSS, tổng Nitơ, tổng Photpho, Coliform.
- Đơn vị thực hiện quan trắc: Trung tâm Nghiên cứu dịch vụ công nghệ và môi trường; Công ty CP TV Môi trường Hải Âu.

Bảng 5. 1. Kết quả quan trắc nước thải năm 2023, 2024

STT	Ngày quan trắc	pH	TSS	COD	BOD ₅	Tổng N	Tổng P	Coliform
		–	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	MPN/100mL
1	14/03/2023	6,94	38	56,2	30,7	13,5	0,71	2.700
2	28/06/2023	6,85	37	54,7	29,8	12,8	0,78	2.500
3	05/09/2023	6,92	35	52,3	27,7	11,4	0,75	2.300
4	18/12/2023	6,75	37	55,6	29,3	12,3	0,79	2.600
5	20/03/2024	6,88	37	56,8	28,4	12,3	0,78	2.500
QCVN 40:2011/ BTNMT, cột A, $K_f=1,2$, $K_q=0,9$		6 – 9	54	81	32,4	21,6	4,32	3.000

(Nguồn: Trung tâm Nghiên cứu dịch vụ công nghệ và môi trường, Công ty CP TV Môi trường Hải Âu)

Nhận xét: Kết quả phân tích chất lượng nước thải sau xử lý cho thấy hầu hết các thông số quan trắc đều đạt so với QCVN 40:2011/ BTNMT, cột A, $K_f=1,2$, $K_q=0,9$.

5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kì với bụi, khí thải

- Thời gian quan trắc: 14/03/2023, 28/06/2023, 05/09/2023, 18/12/2023, 20/03/2024.

- Vị trí:

+ KT01: Khí thải ống khói lò nung và lò sấy (1).

+ KT02: Khí thải ống khói lò nung và lò sấy (2).

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, lưu lượng, bụi, SO_2 , NO_2 , CO, HF.

- Quy chuẩn giám sát: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, $K_p = 1$; $K_v = 1$.

- Kết quả quan trắc chất lượng khí thải tại Cơ sở như sau:

Bảng 5.2 Bảng kết quả quan trắc khí thải tại ống khói lò nung và lò sấy (1), (2)

STT	Ngày quan trắc	Vị trí	Nhiệt độ	Lưu lượng	Bụi	NO ₂	SO ₂	CO	HF
			⁰ C	m ³ /h	mg/Nm ³	mg/Nm ³	mg/Nm ³	mg/Nm ³	mg/Nm ³
1	14/03/2023	KT01	98,3	8.469	142	397	175	784	7,56
		KT02	98,5	9.418	172	273	196	759	9,41
2	28/06/2023	KT01	96,7	8.352	150	412	148	763	7,4
		KT02	96,7	9.326	165	262	185	795	9,2
3	05/09/2023	KT01	98,3	8.455	158	434	162	750	7,32
		KT02	94,5	9.210	159	282	176	810	9,35
4	18/12/2023	KT01	99,9	8.556	163	455	187	778	7,48
		KT02	96,7	9.315	163	298	185	826	9,6
5	20/03/2024	KT01	90,4	8.322	150	466	178	762	7,44
		KT02	96,5	9.326	162	299	180	856	9,42
QCVN 19:2009/BTNMT, cột B			--	--	200	850	500	1000	20

(Nguồn: Trung tâm Nghiên cứu dịch vụ công nghệ và môi trường, Công ty CP

TV Môi trường Hải Âu)

Nhận xét: Kết quả phân tích khí thải tại ống khói lò nung và lò sấy (1), (2) cho thấy các chỉ tiêu đều đạt so với QCVN 19:2009/BTNMT, cột B.

CHƯƠNG VI: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Nhà máy sản xuất gạch Long Nguyên đi vào hoạt động từ năm 2010 đến nay và thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường theo các hồ sơ môi trường đã được phê duyệt. Nhà máy đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Quyết định phê duyệt ĐTM số :2967/ QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2010, đồng thời Công ty đã được UBND huyện Bàu Bàng chấp thuận chủ trương cho Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương tiếp tục thực hiện đầu nối hệ thống thoát nước thải sinh hoạt sau xử lý tại Công văn số 4035/UBND-KT ngày 28/10/2024. Định kỳ hàng năm, Công ty thực hiện giám sát chất lượng nước thải, khí thải và báo cáo công tác bảo vệ môi trường.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

a. Quan trắc nước thải:

- Vị trí quan trắc: sau hệ thống xử lý nước thải
- Thông số quan trắc: pH, nhiệt độ, TSS, COD, BOD5, Tổng Nitơ, Tổng Photpho, Coliform.
- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/ BTNMT, cột A, $K_f=1,2$, $K_q=0,9$.

b. Quan trắc nước ngầm:

- Vị trí quan trắc: 01 điểm tại giếng khoan trong khu vực cơ sở
- Thông số quan trắc: pH, độ màu, độ cứng, TDS, Clorua, Florua, Nitrat, Sunfat, Mangan, Sắt, Kẽm, Đồng, Coliform
- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 09:2023/ BTNMT.

c. Quan trắc chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại

Tần suất giám sát: Thường xuyên và liên tục.

Vị trí giám sát: Khu vực phát sinh chất thải, lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.

Giám sát khối lượng phát sinh: Công tác phân loại, thu gom, vận chuyển và hợp đồng xử lý chất thải (khối lượng, chủng loại, hoá đơn, biên bản, chứng từ giao nhận chất thải, hợp đồng xử lý chất thải,...)

Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường về quản lý chất thải nguy hại và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường..

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc môi trường tự động, liên tục đối với nước thải và khí thải (Điều 97, 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022).

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Công ty thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ 06 tháng/lần với tổng kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm khoảng 30.000.000 VNĐ.

CHƯƠNG VII
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
CƠ SỞ

Trong năm 2022 và năm 2023, Công ty không có đoàn thanh, kiểm tra về môi trường.

CHƯƠNG VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung về hoạt động sản xuất cũng như về tình hình xây dựng, lắp đặt, vận hành các công trình xử lý chất thải theo nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường được phê duyệt, đảm bảo toàn bộ chất thải phát sinh từ hoạt động sản xuất được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

Công ty cam kết sẽ thực hiện đúng các quy định trong quá trình hoạt động khi các quy hoạch được ban hành và thay đổi.

Công ty cam kết sẽ tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, thực hiện công khai kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường theo kế hoạch đã phê duyệt theo quy định tại khoản 1 Điều 109 và khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính Phủ;

Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương cam kết thực hiện các biện pháp xử lý ô nhiễm và phòng chống sự cố môi trường như đã nêu trong báo cáo Đề nghị cấp giấy phép môi trường để có thể hạn chế tối đa các tác động tiêu cực đến môi trường.

Chủ cơ sở cam kết thực hiện các biện pháp khống chế và giảm thiểu ngay tại nguồn các tác động xấu trong giai đoạn hoạt động như đã nêu trong báo cáo này./.

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 3700148529

Đăng ký lần đầu: ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đăng ký thay đổi lần thứ: 8, ngày 01 tháng 03 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BINH DUONG BUILDING MATERIALS AND CONSTRUCTION CORPORATION

Tên công ty viết tắt: M&C BÌNH DƯƠNG

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 306, Đường ĐT743, Phường Bình Thắng, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0650.3751138

Email: vlx-d-bd@hcm.vnn.vn

Fax: 0650.3751138
Website: www.vlx-d-bd.com.vn

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 1.000.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Một nghìn tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 100.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: LÊ VIỆT CHÂU

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 05/01/1972

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 046072004389

Ngày cấp: 12/01/2022

Nơi cấp: CTCCSQLHCVTXXH

Địa chỉ thường trú: Số 26, đường số 13, khu dân cư Hiệp Thành 3, Phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 26, đường số 13, khu dân cư Hiệp Thành 3, Phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 02166 01
Ngày cấp: 14-03-2023

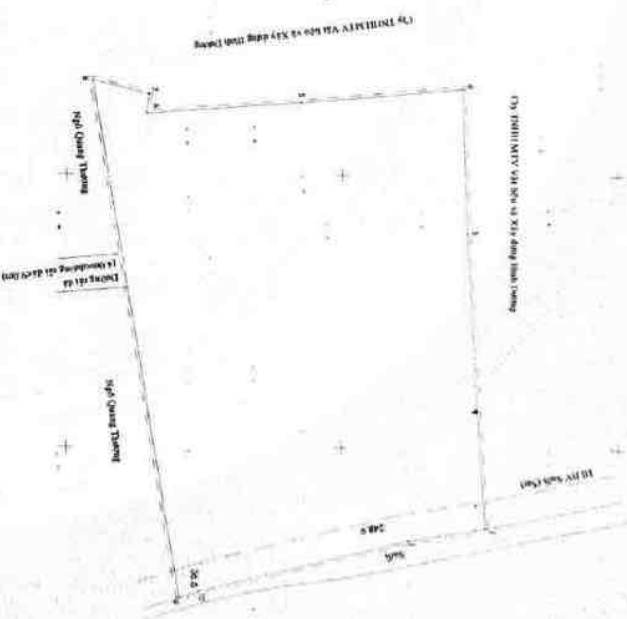


Nguyễn Thanh An



1. Thừa đất:

3. Công trình xây dựng khác: -/-
4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-
5. Cây lâu năm: -/-
6. Ghi chú:



Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

13.5.2019

PHÒNG GIÁM ĐỐC

Công ty TNHH một thành viên Vật liệu và Xây dựng Bình Dương đổi tên thành Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty có pháp nhân, mã số doanh nghiệp: 3700148529, đăng ký lần đầu ngày 30/6/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 11/4/2016 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp do chuyển đổi loại hình doanh nghiệp; Địa chỉ trụ sở chính: số 306, đường DT743, phường Bình Thắng, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương - theo hồ sơ số 5459/

[illegible]

Bình Dương, ngày 18 tháng 6 năm 2014

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
TƯỞNG CHỦ TỊCH

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Phạm Danh

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



7 4 2 5 8 2 8 1 4 0 0 1 1 6 0

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG
BÌNH DƯƠNG

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 3700148529.
Đăng ký lần đầu ngày 30/6/2010.
Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 06/9/2013.
Do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.
Địa chỉ trụ sở chính: Đường DT-743, Khu phố Trung Thẳng, phường Bình Thẳng, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

B0 579716

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 1318, tờ bản đồ số: 77
- b) Địa chỉ: Xã Long Nguyễn, Huyện Bến Cát, Bình Dương.
- c) Diện tích: 31821,3 m² (Ba mươi một nghìn tám trăm hai mươi một phẩy ba mét vuông)
- d) Hình thức sử dụng: riêng 31821,3 m², chung: Không
- đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh (SKC)
- e) Thời hạn sử dụng: Đền ngày 14/06/2060
- g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm
2. Nhà ở: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.
3. Công trình xây dựng khác: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.
4. Rừng sản xuất là rừng trồng: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.
5. Cây lâu năm: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.
6. Giới chú:

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan Cấp thẩm quyền P. GIÁM ĐỐC
Điều chỉnh tên Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương thành Công ty TNHH Một Thành viên Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3700148529 ngày 30/06/2010 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp).	Bùi Văn Hai -25.5.2019 PHÓ GIÁM ĐỐC
Công ty TNHH một thành viên Vật liệu và Xây dựng Bình Dương đổi tên thành Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 3700148529, đăng ký lần đầu ngày 30/6/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 11/4/2016 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp do chuyển đổi loại hình doanh nghiệp. Địa chỉ trụ sở chính: số 306, đường DT743, phường Bình Thắng, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương - theo hồ sơ số 545. Đổi tên xã Long Nguyễn, huyện Bến Cát thành xã Long Nguyễn, huyện Bàu Bàng	Nguyễn Xuân Cường

Thủ Dầu Một, ngày 28 tháng 8 năm 2010-
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
TU. CHỦ TỊCH

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Phạm Đan Quế

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận, khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



2 5 8 2 0 1 0 0 0 1 4 6 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

- I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương
GPKD số: 4606000005
Cấp ngày 23 tháng 5 năm 2008
Địa chỉ: Đường DT-743, xã Bình Thắng, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BA 179576

III. Sơ đồ thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

3

a) Thừa đất số: 599, tờ bản đồ số: 52

b) Địa chỉ: Xã Long Nguyễn, Huyện Bến Cát, Bình Dương

c) Diện tích: $3178,7 \text{ m}^2$ (Ba nghìn một trăm bảy mươi tám phẩy bảy mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: riêng 3178,7 m², chung . Không

d) Mục đích sử dụng: Dắt cơ sở sản xuất, kinh doanh; HLBV Suối

e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 14/06/2060

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất tiên thuê dài hạn năm

2. Nhà ở: Chưa chứng nhận quyền sở hữu

3. Công trình xây dựng khác: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.

5. Cây lâu năm: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.

6. Ghi chú:

Tổng diện tích : 3.178,7 m²

+ Diện tích 2.974,1 m²: đất cơ sở sản xuất, kinh doanh (SKC);

+ Diện tích hành lang bảo vệ suối: 204,6 m².

Thủ Dầu Một, ngày 03 tháng 8 năm 2010

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

ТУҒ.ЧУҒ ТІСН

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Phạm Danh

Số vào sổ cấp GCN: CT00409

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Điều chỉnh tên Công ty Vải liệu và Xây dựng Bình Dương thành Công ty TNHH Một Thành viên Vải liệu và Xây dựng Bình Dương (theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 37/0014852/9 ngày 30/06/2010 do Phòng Đăng ký kinh doanh-Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp).

Bùi Văn Hải

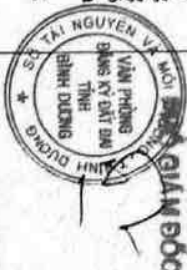
23. 5. 2000

Công ty TNHH một thành viên Vật liệu và Xây dựng Bình Dương đổi tên thành Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty có phần, mã số doanh nghiệp: 3700148529, đăng ký lần đầu ngày 30/6/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 11/4/2016 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp do chuyển đổi loại hình doanh nghiệp; Địa chỉ trụ sở chính: số 306, đường DT743, phường Bình Thới, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương - theo hồ sơ số 545.

Đổi tên xã Long Nguyễn, huyện Bến Cát thành xã Long Nguyễn, huyện Bàu Bàng

Đổi tên xã Long Nguyễn, huyện Bến Cát thành xã Long

Nguyễn, huyện Bàu Bàng



Nguyễn Văn Chương

Số vào sổ cấp GCN: CT00409

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIÊN VỚI ĐẤT

1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương
GPKD số: 4606000005
Cấp ngày 23 tháng 5 năm 2008
Địa chỉ: Đường DT-743, xã Bình Thắng, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BA 179578

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào tương Giấy chứng nhận, khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



2 5 8 2 8 1 0 0 0 1 4 6 1

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 2041 /UBND-KTTH

Thủ Dầu Một, ngày 22 tháng 7 năm 2009

V/v bố trí địa điểm dự án đầu tư xây dựng
nhà máy gạch ngói công nghệ lò tuynel của
Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương

ĐANG CHẠY

Kính gửi: Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương

Qua xem xét nội dung báo cáo và kiến nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 1083/BC-KHĐT ngày 14 tháng 7 năm 2009 về việc địa điểm đầu tư xây dựng nhà máy gạch ngói của Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương tại ấp 9, xã Long Nguyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận quy hoạch 35.000m² đất tại ấp 9, xã Long Nguyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương để Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy gạch ngói công nghệ lò tuynel. .

2. Đề nghị Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng để được hướng dẫn thực hiện thủ tục thuê đất và xin cấp Giấy phép xây dựng theo quy định hiện hành.

3. Sau thời hạn 12 (mười hai) tháng kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh ký văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư này, nếu Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương không triển khai hoặc không có khả năng thực hiện dự án theo tiến độ đã cam kết và không có lý do chính đáng thì chủ trương đầu tư này sẽ không còn hiệu lực thực hiện./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT;
- Như trên;
- Các Sở: KH-ĐT, TN-MT, XD, CT;
- UBND huyện Bến Cát;
- L&VP, S, Lâm, Km, TH;

CHUNG THỰC BẢN SAO DÙNG VỚI BẢN CHÍNH

Số Chứng Thực: 2009/Quyền TP/CC-SCT/CT

Ngày: 31-07-2009

CHỦ TỊCH UBND XÃ BÌNH AN

Phạm Thanh Phong

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Lê Thanh Cung

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1497 /UBND-KTN

Bình Dương, ngày 02 tháng 6 năm 2011

V/v chủ trương xây dựng trụ sở
văn phòng, nhà ở công nhân và
bãi chứa gạch thành phẩm của
nhà máy gạch Long Nguyên.

C.TY TNHH MTV VL & XD BÌNH DƯƠNG	
ĐẾN	Số: 186
	Ngày: 6/6/11
Chuyển:	

Kính gửi:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ủy ban nhân dân huyện Bến Cát;
- Ủy ban nhân dân xã Long Nguyên;
- Công ty TNHH MTV Vật liệu và Xây dựng Bình Dương.

Qua xem xét đề nghị của Công ty TNHH MTV Vật liệu và Xây dựng Bình Dương tại Văn bản số: Q5/TTr-CTY ngày 11/04/2011 về việc xin chủ trương xây dựng trụ sở văn phòng, nhà ở công nhân và bãi chứa gạch thành phẩm của nhà máy gạch Long Nguyên; đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 1441/STNMT-CCQLĐĐ ngày 27/05/2011; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

1. Về chủ trương, chấp thuận cho Công ty TNHH MTV Vật liệu và Xây dựng Bình Dương được phép xây dựng trụ sở văn phòng, nhà ở công nhân và bãi chứa gạch thành phẩm của nhà máy gạch Long Nguyên trên khu đất 8.534 m² tiếp giáp với nhà máy gạch mà công ty đã nhận chuyển nhượng của các hộ dân (trong đó: dự kiến xây dựng nhà ở công nhân 3.209 m², xây dựng văn phòng và bãi chứa gạch 5.325 m² – sơ đồ cụ thể kèm theo).

Công ty TNHH MTV Vật liệu và Xây dựng Bình Dương liên hệ Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng để được hướng dẫn thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành.

Riêng về môi trường, yêu cầu Công ty TNHH MTV Vật liệu và Xây dựng Bình Dương lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường cho toàn bộ dự án để trình cơ quan chức năng thẩm định và cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Bến Cát, Ủy ban nhân dân xã Long Nguyên cập nhật dự án nêu trên vào quy hoạch sử dụng đất các cấp giai đoạn 2011 – 2020 theo quy định. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT&PCT;
- Sở Xây dựng;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- LĐVP (Trúc, Leg, Lâm, S, TH);
- Lưu: VT.

CHỖNG TỰC DÂN SÁO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 1718/2011 TP/CC/CT

Ngày: 21-07-2011



Trần Thanh Hùng

KT/CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Nam

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2967 /QĐ-UBND

Thủ Dầu Một, ngày 24 tháng 10 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

BẢN SAO

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án nhà máy gạch ngói Long Nguyên
công suất 36.682.000 viên gạch/năm và 2.263.100 viên ngói/năm
tại xã Long Nguyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
của Công ty TNHH MTV vật liệu và xây dựng Bình Dương**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số: 80/2006/NĐ-CP ngày 9 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28/02/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 80/2006/ NĐ-CP ngày 09/08/2006 của Chính phủ về việc qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 08/12/2008 của Bộ tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 4.74../TTr-STNMT ngày 29 tháng 9 năm 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án nhà máy gạch ngói Long Nguyên công suất 36.682.000 viên gạch/năm và 2.263.100 viên ngói/năm tại xã Long Nguyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH MTV vật liệu và xây dựng Bình Dương;

Điều 2. Công ty TNHH MTV vật liệu và xây dựng Bình Dương có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và các yêu cầu bắt buộc sau đây:

- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa, nước thải riêng biệt, nước thải phải được thu gom xử lý đạt quy chuẩn QCVN 24:2009/BTNMT cột A trước khi thải ra môi trường;

- Khí thải phải được xử lý đạt quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT cột B;

- Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đạt tiêu chuẩn TCVN 5949:1998; TCVN 6962:2001 và TCVS 3733/2002/QĐ-BYT;

- Các chất thải rắn phải được thu gom, quản lý và xử lý đúng quy định tại Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 04 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn;

- Phải đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại và quản lý chất thải nguy hại theo Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Tổ chức quan trắc, đánh giá hiện trạng môi trường; tổng hợp xây dựng báo cáo môi trường với tần suất 03 tháng/lần, đồng thời có báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra;

- Lắp đặt thiết bị quan trắc lưu lượng nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và xây dựng điểm quan trắc nguồn thải đúng yêu cầu kỹ thuật tại khoản 1, 2 Điều 31 của Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 68/2008/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương;

- Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng chống và khắc phục các sự cố do cháy, nổ, các rủi ro và sự cố môi trường khác;

- Tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu của Quyết định này theo quy định tại Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 08 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường.

Điều 3. Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và những yêu cầu bắt buộc tại điều 2 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm soát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, nếu có những thay đổi về nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, Công ty TNHH MTV vật liệu xây dựng Bình Dương phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của các cơ quan có thẩm quyền.

Điều 5. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi, quản lý, kiểm tra và xác nhận việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu theo Điều 2, Điều 4 của Quyết định này.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bến Cát, Công ty TNHH MTV vật liệu và xây dựng Bình Dương và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký. /

Nơi nhận :

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, PCT;
- Sở TN&MT; Sở XD;
- UBND huyện Bến Cát;
- Chủ dự án;
- LĐVP (Cư, Trúc), Lâm, TH;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Nam

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số :⁵³⁴...../GPXD

BẢN SAO

1. Cấp cho: Công ty TNHH MTV vật liệu và xây dựng Bình Dương
- Địa chỉ trụ sở chính: đường ĐT743, ấp Trung Thắng, xã Bình Thắng, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700148529 đăng ký lần đầu ngày 30/06/2010 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

2. Được phép xây dựng ông trình theo những nội dung sau:

- Tên công trình: Nhà máy gạch ngói Long Nguyên.
 - Đơn vị thiết kế: Xí nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng- Công ty TNHH MTV vật liệu và xây dựng Bình Dương (lập).
 - Vị trí xây dựng: tọa lạc tại thửa đất số 599;1318. TĐĐ số 52;77, xã Long Nguyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Diện tích đất: 35.000,00m². Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 179576;179578 vào sổ số GCN: CT00409 ngày 03/08/2010 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty TNHH MTV vật liệu và xây dựng Bình Dương.
 - Tại: xã xã Long Nguyên; huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
 - Chỉ giới đường đỏ:
 - Chỉ giới xây dựng: Định vị các hạng mục công trình theo mặt bằng tổng thể đã được phê duyệt và theo quy chuẩn xây dựng hiện hành do nhà nước quy định.
- Các hạng mục công trình gồm:

2.1- Xưởng- Trai phơi:

- + Diện tích: 11616,00m².
- + Cao độ nền công trình (tính từ mặt sân): 0,3m.
- + Số tầng: 01 tầng.
- + Cấu trúc: Móng, cột, đà kiềng bằng bê tông cốt thép. Không vách. Khung cột, kèo xà gồ thép. Mái tole. Nền bê tông và nền đất.

2.2- Trai ủ đất:

- + Diện tích: 1.800m².
- + Cao độ nền công trình (tính từ mặt sân): 0,0m.
- + Số tầng: 01 tầng.
- + Cấu trúc: Móng cột, đà kiềng bằng bê tông cốt thép. Không vách. Khung cột kèo, xà gồ thép. Mái tole. Nền đất.

2.3- Văn phòng:

- + Diện tích: 150m².
- + Cao độ nền công trình (tính từ mặt sân): 0,45m.
- + Số tầng: 01 tầng.
- + Cấu trúc: Móng khung cột, đà kiềng bằng bê tông cốt thép. Tường xây gạch.



Vì kèo, xà gỗ thép. Mái tole, trần thạch cao. Cửa kính. Nền lát gạch.

2.4- Nhà ăn:

+ Diện tích: 300m².

+ Cao độ nền công trình (tính từ mặt sân): 0,45m.

+ Số tầng: 01 tầng.

+ Cấu trúc: Móng khung cột, đà kiềng bằng bê tông cốt thép. Tường xây gạch. Vì kèo, xà gỗ thép. Mái tole, trần thạch cao. Cửa kính. Nền lát gạch.

2.5- Vệ sinh:

+ Diện tích: 40m².

+ Cao độ nền công trình (tính từ mặt sân): 0,3m.

+ Số tầng: 01 tầng.

+ Cấu trúc: Móng khung cột, đà kiềng bằng bê tông cốt thép. Tường xây gạch. Vì kèo, xà gỗ thép. Mái tole, trần thạch cao. Nền lát gạch.

2.6- Nhà xe:

+ Diện tích: 36m².

+ Cao độ nền công trình (tính từ mặt sân): 0,3m.

+ Số tầng: 01 tầng.

+ Cấu trúc: Móng cột bằng bê tông cốt thép. Không vách. Khung cột, kèo, xà gỗ thép. Mái tole. Nền bê tông.

2.7- Bảo vệ:

+ Diện tích: 9m².

+ Cao độ nền công trình (tính từ mặt sân): 0,3m.

+ Số tầng: 01 tầng.

+ Cấu trúc: Móng khung cột, dầm sàn bằng bê tông cốt thép. Tường xây gạch. Cửa kính. Nền lát gạch.

2.8- Hạ tầng: Công trình có thiết kế công hàng rào, bể nước ngầm, đường nội bộ, hệ thống điện, nước, phòng cháy chữa cháy và thu lồi chống sét.

- Chiều cao công trình (hạng mục cao nhất từ nền đến đỉnh mái): 8m.

3. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày cấp; quá thời hạn thì phải xin gia hạn giấy phép.

Bình Dương, ngày 05 tháng 4 năm 2011.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng. QLHXD;
- Lưu: VT.



Nguyễn Văn Dũng

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1- Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.

2- Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và giấy phép xây dựng này.

3- Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý chất thải, vv..)

4- Thông báo ngày khởi công cho ủy ban nhân dân phường, xã- thị trấn nơi xây dựng công trình trong thời hạn 7 ngày trước khi khởi công xây dựng.

5- Xuất trình giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng.

6- Khi cần thay đổi thiết kế phải báo cáo và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

GIA HẠN GIẤY PHÉP

1- Nội dung gia hạn:

2- Thời hạn có hiệu lực của giấy phép:

Bình Dương, ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC

UBND HUYỆN BÀU BÀNG
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ

Số: 144 /GM-QLĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bàu Bàng, ngày 14 tháng 10 năm 2024

GIẤY MỜI

Về việc khảo sát vị trí xin đầu nối hệ thoát nước thải sau xử lý
của Dự án Nhà máy gạch ngói Long Nguyên - Công ty Cổ
phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương

Kính gửi:

- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Phòng Kinh tế;
- Ủy ban nhân dân xã Long Nguyên;
- Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương.

Thực hiện Phiếu chuyển số 407/PC-UBND ngày 9 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện về việc xin chấp thuận điểm xả nước thải sinh hoạt sau xử lý của Dự án Nhà máy gạch ngói Long Nguyên;

Phòng Quản lý đô thị huyện Bàu Bàng trân trọng kính mời:

- Đại diện Phòng Tài nguyên và Môi trường
- Đại diện Phòng Kinh tế
- Ủy ban nhân dân xã Long Nguyên
- Đại diện Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương

Thời gian: 8... giờ 00... phút, ngày 17... tháng 10... năm 2024 (thứ Năm).

Địa điểm: Dự án Nhà máy gạch ngói Long Nguyên, ấp Bưng Thuốc, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng

Nội dung: Khảo sát vị trí xin đầu nối hệ thoát nước thải sau xử lý của Dự án Nhà máy gạch ngói Long Nguyên - Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương.

Rất mong quý cơ quan, đơn vị sắp xếp thành phần và thời gian tham dự để buổi làm việc đạt kết quả./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu. VT, Ttn.

TRƯỞNG PHÒNG



Phan Quốc Tuấn



Người ký: Ủy ban nhân
dân huyện Bàu Bàng
Email:
vpubbaubang@binhduong.
gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Bình
Dương

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG**

Số: 407 /PC-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bàu Bàng, ngày 09 tháng 10 năm 2024

PHIẾU CHUYỂN

Qua xem xét Văn bản số 154/MC-DAKT nhận ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương về việc xin chấp thuận điểm xả nước thải sinh hoạt sau xử lý của dự án Nhà máy gạch ngói Long Nguyên.

Căn cứ Quyết định số 4476/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Bàu Bàng về việc điều chỉnh Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân huyện Bàu Bàng nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Đề nghị Phòng Quản lý đô thị chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan xem xét tham mưu Ủy ban nhân dân huyện theo quy định. /

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng QLĐT;
- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương;
- Lưu: VT, An, Trí

**TL. CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG**

Nguyễn Tấn Nam

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG
BÌNH DƯƠNG**

Số: 154 /MC-DAKT

V/v chấp thuận điểm xả nước thải
sinh hoạt sau xử lý của dự án Nhà
máy gạch ngói Long Nguyên.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đi An, ngày 07 tháng 10 năm 2024

UBND HUYỆN BÀU BÀNG	
ĐẾN	Số: 13399
	Ngày: 8/10/24
Chuyển:	Đ. An
Số và ký hiệu HS: Căn cứ Văn bản số 2041/UBND-KTTH ngày 22/07/2009 của UBND tỉnh Bình Dương về việc bố trí địa điểm dự án đầu tư xây dựng nhà máy gạch ngói công nghệ lò tuynel của Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (nay là Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương);	

- Kính gửi:
- Ủy ban nhân dân huyện Bầu Bàng;
 - Phòng Quản lý đô thị huyện Bầu Bàng.

Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư số 2529/QĐ-UBND ngày 27/09/2016 của UBND tỉnh Bình Dương.

Hiện tại, Công ty đã đầu tư hệ thống thoát nước mưa (hệ thống cống BTCT D1.000mm và D600mm) cho 02 nhà máy gạch ngói Long Nguyên hiện hữu thoát ra suối Bung Thuộc, sau đó ra sông Thị Tinh. Nhằm đảm bảo vấn đề bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động sản xuất của các dự án nhà máy gạch nói trên, Công ty đã đầu tư thêm hệ thống xử lý nước thải bằng công nghệ MBR với công suất xử lý nước thải là 20m³/ngày đêm. Nước thải sau xử lý có chất lượng đạt chuẩn loại A theo Quy chuẩn QCVN 40-2011/BTNMT (Phiếu kết quả khảo sát đo đạc môi trường kèm theo) và được đầu nối xả thải theo hướng thoát của tuyến cống D1.000mm về suối Bung Thuộc tại vị trí có tọa độ X = 1.237.464; Y = 589.411 (Bản vẽ kèm theo).

Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương kính mong Ủy ban nhân dân huyện Bầu Bàng, Phòng Quản lý đô thị huyện Bầu Bàng xem xét chấp thuận điểm xả nước thải sinh hoạt sau xử lý của dự án Nhà máy gạch Long Nguyên nêu trên để Công ty có cơ sở thực hiện các thủ tục khác liên quan đến dự án theo đúng quy định của pháp luật.

Trân trọng././ *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Giám đốc (b/c);
- Lưu: VT.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
[Signature]
Nguyễn Hồng Châu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2041 /UBND-KTTH

Thủ Dầu Một, ngày 22 tháng 7 năm 2009

V/v bố trí địa điểm dự án đầu tư xây dựng
nhà máy gạch ngói công nghệ lò tuynel của
Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương

BAO

Kính gửi: Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương

Qua xem xét nội dung báo cáo và kiến nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 1083/BC-KHĐT ngày 14 tháng 7 năm 2009 về việc địa điểm đầu tư xây dựng nhà máy gạch ngói của Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương tại ấp 9, xã Long Nguyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận quy hoạch 35.000m² đất tại ấp 9, xã Long Nguyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương để Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy gạch ngói công nghệ lò tuynel. .

2. Đề nghị Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng để được hướng dẫn thực hiện thủ tục thuê đất và xin cấp Giấy phép xây dựng theo quy định hiện hành.

3. Sau thời hạn 12 (mười hai) tháng kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh ký văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư này, nếu Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương không triển khai hoặc không có khả năng thực hiện dự án theo tiến độ đã cam kết và không có lý do chính đáng thì chủ trương đầu tư này sẽ không còn hiệu lực thực hiện/.

Nơi nhận: *gửi*

- CT, các PCT;
- Như trên;
- Các Sở: KH-ĐT, TN-MT, XD, CT;
- UBND huyện Bến Cát;
- LĐVP S. Lâm, K. TH.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN SÓC ĐỒNG VỚI BẢN CHÍNH

Số Chứng Thực: 920/Quyển 2 TP/CC-SCT/CT

Ngày: 31-07-2009

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Lê Thanh Cung

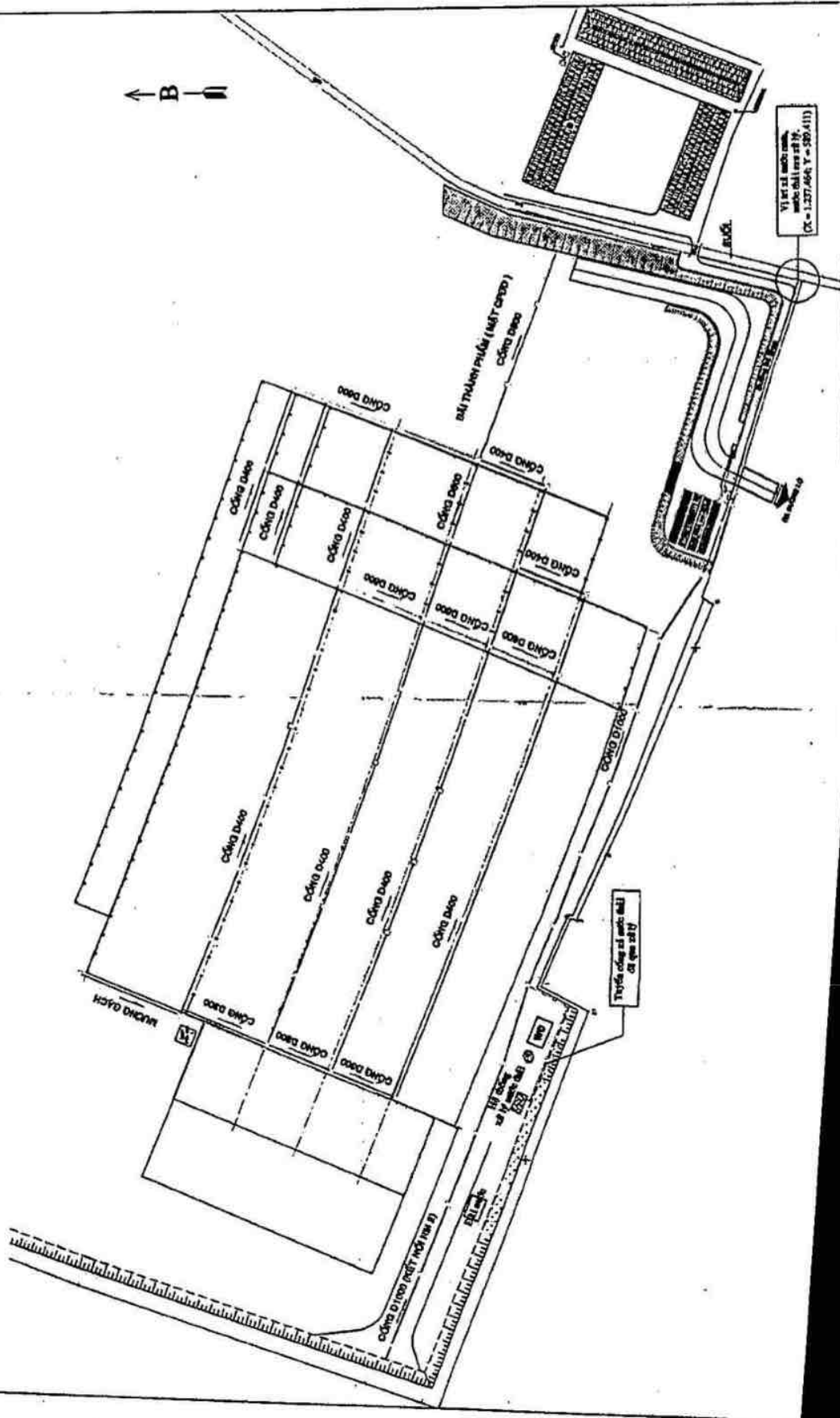
CHỦ TỊCH UBND XÃ BÌNH AN



Trần Thanh Phong

SƠ ĐỒ ĐẦU NỐI THOÁT NƯỚC

DỰ ÁN NHÀ MÁY GẠCH NGÓI LONG NGUYÊN TẠI XÃ LONG NGUYÊN, HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG



**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 455 /UBND-KT

Bàu Bàng, ngày 28 tháng 10 năm 2024

V/v chấp thuận chủ trương cho
Công ty Cổ phần Vật liệu và
Xây dựng Bình Dương tiếp tục
thực hiện đầu nối hệ thống thoát
nước thải sinh hoạt sau xử lý

Kính gửi: Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng
Bình Dương; địa chỉ: Số 306, Đường
ĐT743, phường Bình Thắng, thành phố
Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Qua xem xét Văn bản số 154/MC-DAKT nhận ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương về việc xin chấp thuận điểm xả nước thải sinh hoạt sau xử lý của dự án Nhà máy gạch ngói Long Nguyên và ý kiến tham mưu, đề xuất của Phòng Quản lý đô thị tại Báo cáo số 322/BC-QLĐT ngày 24 tháng 10 năm 2024.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận chủ trương cho Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương tiếp tục đầu nối hệ thống thoát nước thải sinh hoạt sau xử lý ra suối Bưng Thuộc tại vị trí thuộc thửa đất số 701, tờ bản đồ số 52, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, như đề xuất của Phòng Quản lý đô thị.
2. Đề nghị Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương thường xuyên kiểm tra và có biện pháp chống sạt lở bờ suối tại điểm đầu nối ra suối Bưng Thuộc và thực hiện nạo vét, khai thông dòng chảy định kỳ suối Bưng Thuộc chống ngập úng cho khu vực.

Nơi nhận: UBND

- Như trên;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng QLĐT;
- UBND xã Long Nguyên;
- Lưu: VT, Tr.

K. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thương

Số: 114 /GP-STNMT

Bình Dương, ngày 15 tháng 10 năm 2024

GIẤY PHÉP KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT
(Gia hạn giấy phép lần 1)

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 2800/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép về tài nguyên nước cho một số trường hợp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét đơn đề nghị gia hạn giấy phép khai thác nước dưới đất ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên nước và Khoáng sản tại tờ trình số 114/TTTr-TNNKS ngày 15 tháng 10 năm 2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương; địa chỉ: ấp Bưng Thuộc, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương khai thác nước dưới đất với các nội dung như sau:

- Tên công trình: Công trình khai thác nước dưới đất của Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương;
- Mục đích sử dụng: sinh hoạt và sản xuất;
- Vị trí công trình khai thác nước: ấp Bưng Thuộc, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương;
- Tầng chứa nước: Pliocen giữa và Pleistocen dưới;
- Tổng số giếng khoan khai thác: 02 giếng;
- Tổng lượng nước khai thác: 35 m³/ngày đêm;
- Thời hạn khai thác: 3 năm, kể từ ngày 24/12/2024;

8. Số ngày khai thác trong năm: 365 ngày/năm;

9. Phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình khai thác nước dưới đất là không nhỏ hơn 20m tính từ miệng giếng;

10. Bảng tổng hợp các thông số kỹ thuật của giếng khoan cụ thể như sau:

Số hiệu giếng	Tọa độ (VN 2000)		Đường kính giếng (mm)	Lưu lượng (m ³ /ngày đêm)	Chế độ khai thác (giờ/ngày đêm)	Chiều sâu đặt ống lọc (m)		Mức nước động cho phép (m)
	X	Y				Từ	Đến	
G1	12.36.781	06.70.755	140	30	03	62	70	30,00
G2	12.36.771	06.70.653	60	05	02	17	21	16,50

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này;

2. Thực hiện việc quan trắc, giám sát tài nguyên nước theo quy định tại Điều 92 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ, cụ thể như sau:

a. Thông số giám sát gồm:

- Lưu lượng khai thác;
- Mức nước trong giếng khai thác;
- Chất lượng nước.

b. Hình thức giám sát: thực hiện giám sát định kỳ.

c. Chế độ giám sát:

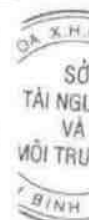
- Đối với lưu lượng và mức nước: không quá 24 giờ 01 lần và phải cập nhật số liệu vào hệ thống giám sát trước 10 giờ sáng hôm sau;

- Đối với chất lượng nước: hai (02) lần/năm. Một lần vào mùa mưa (tháng 9); một lần vào mùa khô (tháng 2), đồng thời phải thực hiện cập nhật số liệu vào hệ thống giám sát không quá 05 ngày kể từ ngày có kết quả phân tích. Các thông số quan trắc pH, NO₃⁻, NH₄⁺, Chỉ số permanganat, TDS, Độ cứng, As, Cl⁻, NO₂⁻, F⁻, SO₄²⁻, Cd, CN⁻, Hg, Pb, Cr, Cu, Zn, Ni, Mn, Fe, Se, Phenol, Benzene, Toluene, Xylene, Tổng Coliform, E. Coli theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ngầm QCVN 09:2023/BTNMT.

3. Thực hiện đúng quy định về phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh của công trình khai thác nước dưới đất như quy định tại Khoản 8 Mục I của Tờ trình. Trong phạm vi trên không được thực hiện các hoạt động phát sinh nguồn gây ô nhiễm;

4. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực cấp nước theo quy định;

5. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 42 của Luật Tài nguyên nước;



6. Thực hiện báo cáo hoạt động khai thác nước dưới đất hàng năm gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo;

7. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý tài nguyên nước ở trung ương và địa phương, cung cấp đầy đủ và trung thực thông tin, dữ liệu về hoạt động khai thác tài nguyên nước của công trình vào Hệ thống tài nguyên nước quốc gia và theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

8. Sử dụng nước hợp lý, tiết kiệm.

9. Nộp thuế tài nguyên và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm cập nhật thông tin của giấy phép này vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia; theo dõi, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng nước dưới đất của công trình này.

Điều 4. Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 42 của Luật Tài nguyên nước và quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế giấy phép khai thác nước dưới đất số 176/GP-STNMT ngày 24 tháng 12 năm 2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp. Chậm nhất 45 ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương còn tiếp tục khai thác nước dưới đất với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định. /

Nơi nhận:

- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- UBND tỉnh Bình Dương;
- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương;
- UBND huyện Bàu Bàng;
- Cục thuế tỉnh;
- Lưu: VT.

(Chữ ký)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Ngọc Thúy

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BÌNH DƯƠNG
CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 08 tháng 9 năm 2014

SỔ ĐĂNG KÝ CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI
Mã số QLCTNH: 74.002.64.9..T
(Cấp lần 1)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải :

Tên: Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu và Xây dựng Bình Dương.

Địa chỉ: Đường ĐT 743, khu phố Trung Thắng, phường Bình Thắng, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0650 3751518/3751516 Fax: 0650 3751138

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700148529.

Ngày cấp (thay đổi lần thứ 4): ngày 03 tháng 01 năm 2014.

Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh –Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.

II. Nội dung đăng ký :

Chủ nguồn thải CTNH đã đăng ký cơ sở phát sinh CTNH kèm theo danh sách CTNH và chất thải thông thường theo Phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.
2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 25 Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
3. Đăng ký cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH khi có các thay đổi, bổ sung, điều chỉnh theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

IV. Điều khoản thi hành:

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH MTV Vật liệu và XD BD;
- Lưu: VT, Tuyen3.

CHI CỤC TRƯỞNG



Tào Mạnh Quân

**PHỤ LỤC**

Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH: 74.002.649.T do Chi cục Bảo vệ môi trường cấp lần 1 ngày 08 tháng 9 năm 2014)

1. Cơ sở phát sinh CTNH 01:

Tên: Nhà máy gạch ngói Bến Cát

Địa chỉ: Khu phố 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0650 3564007; Fax: 0650 3565154

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700148529.

Ngày cấp (thay đổi lần thứ 4): ngày 03 tháng 01 năm 2014.

Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.

1.1. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Hộp mực in, photo thải	Rắn	02	08 02 04
2	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	03	16 01 06
3	Pin, ắc quy thải	Rắn	02	19 06 01
4	Dầu nhớt thải	Lỏng	60	17 02 04
5	Giẻ lau dính dầu nhớt thải	Rắn	120	18 02 01
6	Thùng kim loại dính dầu, nhớt thải, dính thành phần nguy hại	Rắn	60	18 01 02
Tổng số lượng: 247 kg				

1.2. Danh sách chất thải thông thường đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	Rắn	6.000

ml



	Gray vụn văn phòng thải	Rắn	50
	Phế phẩm gạch, ngói thải	Rắn	5.000.000
4	Tro thải	Rắn	500.000
Tổng số lượng: 5.506.050 kg			

2. Cơ sở phát sinh CTNH 02:

Tên: Nhà máy gạch ngói Long Nguyên

Địa chỉ: ấp 9, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0650.3591791; Fax: 0650.3591691.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700148529.

Ngày cấp (thay đổi lần thứ 4): ngày 03 tháng 01 năm 2014.

Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.

2.1. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Hộp mực in, photo thải	Rắn	02	08 02 04
2	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	03	16 01 06
3	Pin, ắc quy thải	Rắn	02	19 06 01
4	Dầu nhớt thải	Lỏng	60	17 02 04
5	Giẻ lau dính dầu nhớt thải	Rắn	100	18 02 01
6	Thùng kim loại dính dầu, nhớt thải, dính thành phần nguy hại	Rắn	60	18 01 02
Tổng số lượng: 227 kg				

nh



2.2. Danh sách chất thải thông thường đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	Rắn	10.920
2	Giấy vụn văn phòng thải	Rắn	36
3	Phế phẩm gạch, ngói thải	Rắn	4.000.000
4	Tro thải	Rắn	300.000
Tổng số lượng: 4.310.956 kg			

3. Cơ sở phát sinh CTNH 03:

Tên: Mỏ sét gạch ngói Long Nguyên 2

Địa chỉ: ấp 9, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0650.3591791; Fax: 0650.3591691.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700148529.

Ngày cấp (thay đổi lần thứ 4): ngày 03 tháng 01 năm 2014.

Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.

3.1. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Dầu nhớt thải	Lỏng	240	17 02 04
2	Giẻ lau dính dầu, nhớt thải	Rắn	60	18 02 01
3	Thùng chứa dầu, nhớt, mực in, dung môi, keo	Rắn	50	18 01 02
4	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	01	16 01 06
Tổng số lượng: 351 kg				

nh

3.2. **Danh sách chất thải thông thường đã đăng ký phát sinh thường xuyên:**

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	Rắn	2.000
Tổng số lượng: 2.000 kg			

4. **Hồ sơ kèm theo Sổ đăng ký:**

Bộ hồ sơ đăng ký “Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH có Mã số QLCTNH: 74.002.649...T do Chi cục Bảo vệ môi trường cấp lần 1 ngày 08 tháng 9 năm 2014” được Chi cục Bảo vệ môi trường đóng dấu xác nhận trên trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Sổ đăng ký này.”

Số: 544. -RNH/HĐ – KT/23

HỢP ĐỒNG

V/v xử lý chất thải nguy hại cho Công ty Cổ Phần Vật Liệu và Xây Dựng Bình Dương

- Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 và Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022.
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700145694 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/02/2006 (chứng nhận thay đổi lần thứ 17 ngày 05/05/2022) cho Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.
- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại, mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.028.VX , của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 3 ngày 17/12/2021 (Thay thế các giấy phép liên quan đến hoạt động hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại Cty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương đã được cấp phép trước đó).
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh Xử lý chất thải – Công ty CP Nước – Môi trường Bình Dương, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 20 tháng 02 năm 2023.
- Căn cứ theo Bảng phân định, Phân loại chất thải nguy hại ngày 01 tháng 11 năm 2017 của Công ty Cổ Phần Vật Liệu và Xây Dựng Bình Dương.
- Căn cứ theo nhu cầu của Công ty Cổ Phần Vật Liệu và Xây Dựng Bình Dương theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700148529 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bình Dương cấp (chứng nhận đăng ký thay đổi lần 7) ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Hôm nay, ngày 21 tháng 03 năm 2023 tại Bình Dương, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 306, đường DT743, phường Bình Thắng, Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 02743.751518/564007

Fax : 02743.751138

Mã số thuế: 3700148529

Do Ông/Bà: **LÊ VIỆT CHÂU**

Chức vụ: Tổng giám đốc làm đại diện

Mã khách hàng: 3700148529BC00

Ngành nghề: Vật liệu xây dựng

BÊN B: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ công ty: Số 11 Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ chi nhánh: Thửa đất số 1093 tờ bản đồ số 29 Khu phố 1B, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274. 6564528/29

Fax: 02743.542907

Tên tài khoản: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Tài khoản số 1: 6501.0000069090 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương

Tài khoản số 2: 0841.000087337 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam- CN Bắc Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694-008

Do Ông **NGÔ CHÍ THẮNG**

Chức vụ: Giám đốc CN Lâm Đại Diện

Hai bên đã cùng nhau tiến hành bàn bạc và thống nhất ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với những nội dung như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG THỎA THUẬN

1.1. Bên A đồng ý giao cho bên B thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động sản xuất của bên A.

1.2. Điều kiện lưu chứa:

- Chất thải nguy hại (CTNH) được bên A thu gom, phân loại, lưu giữ đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định hiện hành trước khi giao cho Bên B. Chất thải nguy hại lưu chứa trong các bao bì, thiết bị đảm bảo an toàn, không bị rò rỉ ra môi trường, có dán nhãn CTNH và tập trung trong kho chứa có mái che. Bao bì, thùng chứa do bên A tự trang bị.
- Nếu lô hàng chất thải nguy hại chuẩn bị chuyển giao mà để lẫn chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải rắn sinh hoạt, bùn thải hoặc các loại chất thải khác không nằm trong Danh mục Chất thải nguy hại chuyển giao đính kèm hợp đồng thì Bên B sẽ từ chối tiếp nhận toàn bộ lô hàng bị lẫn đó.

1.3. Phương thức xác định khối lượng

- Khối lượng chất thải là tổng của khối lượng của từng loại chất thải và bao bì lưu chứa loại chất thải đó.
- Khối lượng chất thải được xác định bằng cân tại kho bên A có xác nhận của bên B. Trong trường hợp không thể xác định được khối lượng tại kho của bên A thì sẽ căn cứ theo phiếu cân tại bàn cân điện tử của bên B.

1.4. Thời gian thu gom và địa điểm giao nhận

- Thời gian thu gom: 01 lần/03 tháng vào ngày thứ 2, tuần thứ 1.. của tháng 03,06,09,12 (trừ ngày lễ và ngày tết).
- Địa điểm giao nhận:
+ Tại Nhà Máy Gạch Ngói Bến Cát (Địa chỉ: Đồi 29, khu phố 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương)

+ Tại Nhà Máy Gạch Ngói Long Nguyên (Địa chỉ: ấp Bung Thuốc, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương).

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá

Đơn giá của từng loại chất thải được thể hiện trong bảng sau:

Stt	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Phương pháp xử lý	Đơn giá xử lý (đồng/kg)	Đơn giá vận chuyển (đồng/lần)
01	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	Hóa rắn/Chôn	15.000	1.500.000
02	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	17 02 04	Thiêu đốt	4.000	
03	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn	Rắn	18 01 02	Thiêu đốt/Tẩy rửa	3.000	
04	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	Thiêu đốt	5.000	
05	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	Phá dỡ - Tẩy rửa	8.000	
06	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	08 02 04	Thiêu đốt	8.000	

Ghi chú: - Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT.

- Khi có thay đổi đơn giá, bên B sẽ báo cho bên A trước 30 ngày bằng văn bản

2.2. Phương thức thanh toán

- Căn cứ vào khối lượng chất thải được thu gom thực tế, bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên A.
- Bên A thanh toán cho bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản (phí chuyển khoản do bên A chi trả). Thời gian thanh toán 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn GTGT do bên B phát hành tại website: www.biwase.com.vn (định kỳ bên A vui lòng đăng nhập để nhận hóa đơn GTGT).

Trang

- Thông tin nhận hóa đơn điện tử:

Họ và tên người nhận hóa đơn điện tử	Địa chỉ email nhận hóa đơn điện tử	Số điện thoại liên hệ
Huỳnh Minh Tâm	huynhtam1979@gmail.com	0985114210

- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn (địa chỉ xuất hóa đơn, email, số điện thoại liên hệ) bên A phải thông báo cho bên B bằng văn bản. Nếu bên A không thông báo thì bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn điện tử.
- Trong trường hợp nhà nước có thay đổi thuế suất GTGT bên B được quyền điều chỉnh theo quy định.
- Nếu Bên A không thanh toán cho Bên B theo đúng thời hạn ghi hợp đồng này thì Bên B sẽ ngưng thu gom chất thải cho Bên A đồng thời sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

3.1. Quyền và trách nhiệm của bên A

3.1.1. Quyền của bên A

- Được quyền yêu cầu bên B thu gom và xử lý chất thải đúng theo Điều 01.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý bằng văn bản trước 30 (ba mươi) ngày nếu bên B vi phạm hợp đồng.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý khi hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.

3.1.2. Trách nhiệm của bên A

- Thực hiện việc giao chất thải đúng như Điều 01.
- Chịu trách nhiệm phân định, phân loại, xác định số lượng chất thải nguy hại theo quy định.
- Thanh toán tiền thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải cho bên B theo Điều 2. Theo định kỳ, căn cứ vào lịch thu gom đã thỏa thuận tại Điều 1- khoản 1.4, bên B đến thu gom chất thải mà bên A không giao chất thải thì bên A phải chịu chi phí vận chuyển đã thỏa thuận tại Điều 2- Khoản 2.1 cho lần đến vận chuyển đó.
- Thực hiện đúng quy trình Chứng từ CTNH ngay tại thời điểm chuyển giao chất thải theo quy định hiện hành.
- Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi bên B có yêu cầu.
- Cử người cân xác định khối lượng và giao nhận chất thải.
- Nếu bên A thanh toán trễ hạn so với thời hạn thanh toán đã ký kết thì bên A sẽ phải nộp phạt cho bên B với lãi suất Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương (tính tại thời điểm bên B phát hành hóa đơn GTGT) trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.
- Trong trường hợp bên A tạm ngưng giao chất thải cho bên B xử lý theo mục 3.1.1 Điều 3 thì bên A phải hoàn thành nghĩa vụ quyết toán công nợ cho bên B trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tạm ngưng giao chất thải.

Trang 2

- Trong trường hợp bên A giải thể hay phá sản theo các quy định của pháp luật. Bên A phải hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo các nội dung hợp đồng đã ký kết; hoàn tất thanh toán các khoản nợ cho Bên B.
- Trong thời gian còn giá trị hợp đồng bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác xử lý hoặc tự tiêu hủy chất thải.

3.2. Quyền và trách nhiệm của bên B

3.2.1. Quyền của bên B

- Được nhận tiền do bên A thanh toán theo Điều 2.
- Bên B được quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải định kỳ bằng văn bản nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh các trường hợp sau :
 - + Tạm ngưng thu gom chất thải do bên A vi phạm hợp đồng.
 - + Tạm ngưng do bên A thanh toán trễ hạn theo quy định tại Điều 2 – Khoản 2.2.
 - + Tạm ngưng do các trường hợp bất khả kháng : thiên tai, lũ lụt...
 - + Hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.
- Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên A vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc bên A vi phạm các quy định pháp luật hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên B.
- Từ chối tiếp nhận loại CTNH không đúng với thông tin Danh mục CTNH quy định tại Điều 2 của hợp đồng.
- Từ chối tiếp nhận CTNH nếu không được lưu chứa trong bao bì, thiết bị đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý; có khả năng không đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển.

3.2.2. Trách nhiệm của bên B

- Đảm bảo việc thu gom, vận chuyển, xử lý các loại CTNH theo Danh mục CTNH quy định tại Điều 2 hợp đồng đúng theo các nội dung của Giấy phép xử lý CTNH được cơ quan có thẩm quyền cấp.
- Bên B có trách nhiệm giữ vệ sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng chất thải đã được bên A giao theo quy định.
- Thực hiện đúng quy trình Chứng từ CTNH ngay tại thời điểm chuyển giao chất thải theo quy định hiện hành.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 4.1** Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.
- 4.2** Những nội dung không nêu trong hợp đồng này nếu có phát sinh sẽ căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu các bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem vụ việc ra Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương để giải quyết, phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.


 Trang

4.3. Nếu các bên có thay đổi người đại diện ký hợp đồng hay Ban Giám đốc Công ty thì hợp đồng này vẫn có giá trị pháp lý.

ĐIỀU 5: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

- 5.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 20 tháng 03 năm 2025. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước khi hợp đồng hết hiệu lực, hai bên cùng thỏa thuận việc gia hạn hợp đồng.
- 5.2 Trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày ký hợp đồng hoặc trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày giao chất thải gần nhất mà bên A không tiếp tục giao chất thải cho bên B thì hợp đồng này đương nhiên được thanh lý theo quy định pháp luật.
- 5.3 Sau khi thời hạn hợp đồng kết thúc, trường hợp hai bên không ký lại hợp đồng mới (hoặc phụ lục hợp đồng) và không còn nghĩa vụ nào thì hợp đồng này xem như được thanh lý.
- 5.4 Hợp đồng bao gồm 06 (sáu) trang, được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý ngang nhau.

[Signature]
ĐẠI DIỆN BÊN A

[Signature]
Lê Việt Châu

[Signature]
ĐẠI DIỆN BÊN B

[Signature]
Ngô Chí Thắng
GIÁM ĐỐC

Số: 544. - RSH/HĐ – KT/23

HỢP ĐỒNG

V/v xử lý chất thải sinh hoạt của Công ty Cổ Phần Vật Liệu và Xây Dựng Bình Dương

- Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 và Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022.
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700145694 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/02/2006 (chứng nhận thay đổi lần thứ 17 ngày 05/05/2022) cho Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.
- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại, mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.028.VX , của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 3 ngày 17/12/2021 (Thay thế các giấy phép liên quan đến hoạt động hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương đã được cấp phép trước đó).
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh Xử lý chất thải – Công ty cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 20 tháng 02 năm 2023.
- Căn cứ theo nhu cầu của Công ty Cổ Phần Vật Liệu và Xây Dựng Bình Dương theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700148529 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bình Dương cấp (chứng nhận đăng ký thay đổi lần 7) ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Hôm nay, ngày 21 tháng 03 năm 2023 tại Bình Dương, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 306, đường DT743, phường Bình Thắng, Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 02743.751518/564007

Fax : 02743.751138

Mã số thuế: 3700148529

Do Ông/Bà: **Lê Viết Châu**

Chức vụ: Tổng giám đốc làm đại diện

Mã khách hàng: 3700148529BC00

Ngành nghề: Vật liệu xây dựng

BÊN B: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ công ty: Số 11 Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ chi nhánh : Thửa đất số 1093, tờ bản đồ số 29 Khu phố 1B, phường Chánh Phú Hòa , thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274. 6564528/29

Fax: 02743.542907

Tên tài khoản: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Tài khoản số 1: 6501.0000069090 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương

Tài khoản số 2: 0841.000087337 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam- CN Bắc Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694-008

Do Ông **NGÔ CHÍ THẮNG**

Chức vụ: Giám đốc CN Lâm Đại Diện

Hai bên đã cùng nhau tiến hành bàn bạc và thống nhất ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải với những nội dung như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG THỎA THUẬN

1.1. Bên A đồng ý giao cho bên B thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt của bên A.

1.2. Điều kiện lưu chứa

- Chất thải sinh hoạt được bên A thu gom, phân loại và lưu chứa trong các thùng chứa hoặc bao bì riêng biệt, đảm bảo an toàn, không bị rò rỉ ra môi trường, có dán nhãn chất thải theo quy định và tập trung trong kho chứa có mái che. Bao bì, thùng chứa do bên A tự trang bị.
- Nếu xảy ra tình trạng chất thải ngoài quy định của hợp đồng (chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải công nghiệp từ hoạt động sản xuất) để chung với chất thải sinh hoạt, bên B có quyền từ chối thu gom chất thải (hai bên lập biên bản xác nhận sự việc), bên A có trách nhiệm thanh toán chi phí thu gom, vận chuyển tương ứng một chuyến vận chuyển theo hợp đồng.

1.3. Thời gian thu gom và địa điểm giao nhận

- Thời gian thu gom: 02 lần/tuần vào ngày thứ 5 và 6 hàng tuần (trừ ngày lễ và ngày tết).
- Địa điểm giao nhận: tại Nhà Máy Gạch Ngói Long Nguyên (Địa chỉ: ấp Bưng Thuộc, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương).

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá

Đơn giá chất thải sinh hoạt được thể hiện cụ thể trong bảng sau :

Stt	Loại chất thải	Khối lượng (kg/tháng)	Đơn giá Xử Lý (đồng/tháng)	Đơn giá vận chuyển (đồng/tháng)	Tổng đơn giá (đồng/tháng)
-----	----------------	--------------------------	----------------------------------	---------------------------------------	------------------------------

01	Chất thải sinh hoạt: rác từ nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng.	2.000	1.600.000	1.300.000	2.900.000
----	--	-------	-----------	-----------	------------------

Ghi chú: - Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT

- Khi có thay đổi đơn giá, bên B sẽ báo cho bên A trước 30 ngày bằng văn bản.

2.2. Phương thức thanh toán

- Hàng tháng bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên A.
- Bên A thanh toán cho bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản (phí chuyển khoản do bên A chi trả). Thời gian thanh toán 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn GTGT do bên B phát hành tại website: www.biwase.com.vn (định kỳ hàng tháng bên A vui lòng đăng nhập để nhận hóa đơn GTGT).
- Thông tin nhận hóa đơn điện tử:

Họ và tên người nhận hóa đơn điện tử	Địa chỉ email nhận hóa đơn điện tử	Số điện thoại liên hệ
Huỳnh Minh Tâm	huynhtam1979@gmail.com	0985114210

- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn (địa chỉ xuất hóa đơn, email, số điện thoại liên hệ) bên A phải thông báo cho bên B bằng văn bản. Nếu bên A không thông báo thì bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn điện tử.
- Trong trường hợp nhà nước có thay đổi thuế suất GTGT bên B được quyền điều chỉnh theo quy định.

2.3. Điều chỉnh đơn giá:

Trong một số trường hợp sau đây có thể xem xét điều chỉnh đơn giá của hợp đồng:

- Điều chỉnh giá theo các quy định của ngành.
- Thay đổi đột biến về khối lượng hoặc quy mô so với hợp đồng đã ký (mức thay đổi trên 10%)
- Thay đổi tần suất thu gom rác.
- Thay đổi địa điểm giao rác.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

3.1. Quyền và trách nhiệm của bên A

3.1.1. Quyền của bên A

- Được quyền yêu cầu bên B thu gom và xử lý chất thải đúng theo Điều 01.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý bằng văn bản trước 30 (ba mươi) ngày nếu bên B vi phạm hợp đồng.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý khi hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.

3.1.2. Trách nhiệm của bên A

- Thực hiện việc giao chất thải đúng như Điều 01

- Thực hiện các quy định về phân loại rác tại nguồn, không được đưa các loại chất thải nguy hại, chất thải không hợp pháp, chất thải có thể gây cháy, nổ, chất thải công nghiệp từ hoạt động sản xuất vào chung chất thải sinh hoạt.
- Thanh toán tiền thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải cho bên B theo Điều 02.
- Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi bên B có yêu cầu.
- Giao rác đúng thời gian và đặt tại vị trí thỏa thuận, nơi lưu chứa phải thuận lợi cho phương tiện vận chuyển di chuyển vào thu gom.
- Cù người ký xác nhận việc thu gom chất thải khi bên B đến thu gom.
- Nếu bên A thanh toán trễ hạn so với thời hạn thanh toán đã ký kết thì bên A sẽ phải nộp phạt cho bên B với lãi suất Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương (tính tại thời điểm bên B phát hành hóa đơn GTGT) trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.
- Trong trường hợp bên A tạm ngưng giao chất thải cho bên B xử lý theo mục 3.1.1 Điều 3 thì bên A phải hoàn thành nghĩa vụ quyết toán công nợ cho bên B trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tạm ngưng giao chất thải.
- Trong trường hợp bên A giải thể hay phá sản theo các quy định của pháp luật. Bên A phải hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo các nội dung hợp đồng đã ký kết; hoàn tất thanh toán các khoản nợ cho Bên B.
- Trong thời gian còn giá trị hợp đồng bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác xử lý hoặc tự tiêu hủy chất thải.

3.2. Quyền và trách nhiệm của bên B

3.2.1. Quyền của bên B

- Được nhận tiền do bên A thanh toán theo Điều 02.
- Bên B được quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải định kỳ bằng văn bản nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh các trường hợp sau :
 - + Tạm ngưng thu gom chất thải do bên A vi phạm hợp đồng.
 - + Tạm ngưng do bên A thanh toán trễ hạn theo quy định tại Điều 2 – Khoản 2.2.
 - + Tạm ngưng do các trường hợp bất khả kháng : thiên tai, lũ lụt...
 - + Hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.
- Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên A vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc bên A vi phạm các quy định pháp luật hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên B.

3.2.2. Trách nhiệm của bên B

- Bố trí nhân sự, phương tiện đến nhận chất thải của bên A giao theo đúng thời gian thỏa thuận và đảm bảo các quy định vệ sinh đô thị. Phương tiện vận chuyển được trang bị bảo đảm vệ sinh môi trường, bảo đảm thu dọn sạch sẽ chất thải rơi vãi ngay sau khi thu gom.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

4.1 Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại. *N*

4.2 Những nội dung không nêu trong hợp đồng này nếu có phát sinh sẽ căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu các bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem vụ việc ra Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương để giải quyết, phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.

4.3. Nếu các bên có thay đổi người đại diện ký hợp đồng hay Ban Giám đốc Công ty thì hợp đồng này vẫn có giá trị pháp lý.

ĐIỀU 5: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

5.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 21 tháng 03 năm 2025. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước khi hợp đồng hết hiệu lực, hai bên cùng thỏa thuận việc gia hạn hợp đồng.

5.2 Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký hợp đồng hoặc trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày giao chất thải gần nhất mà bên A không tiếp tục giao chất thải cho bên B thì hợp đồng này đương nhiên được thanh lý theo quy định pháp luật.

5.3 Sau khi thời hạn hợp đồng kết thúc, trường hợp hai bên không ký lại hợp đồng mới (hoặc phụ lục hợp đồng) và không còn nghĩa vụ nào thì hợp đồng này xem như được thanh lý.

5.4 Hợp đồng bao gồm 05 (năm) trang, được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý ngang nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A
CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬT LIỆU VÀ
XÂY DỰNG
BÌNH DƯƠNG
TP. DƯNG
T. BÌNH DƯƠNG

Lê Việt Châu

ĐẠI DIỆN BÊN B
CHÍNH HÀNH
XỬ LÝ CHẤT THẢI
CÔNG TY CỔ PHẦN
NƯỚC-MÔI TRƯỜNG
BÌNH DƯƠNG
TX. BẾN CÁT - T. BÌNH DƯƠNG

Ngô Chi Thắng
GIÁM ĐỐC

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

\$5: 1999 2023 1-2-3-4-5-6. 028 VY

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

DT: 0273, 542, 906

Địa chỉ cơ sở đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương

DT: 0273. 542. 644

DT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn Phòng:

Địa chỉ cơ sở:

3. Chủ nguồn thải: Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bền Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn Phòng:

Địa chỉ cơ sở: nhà dân, xã Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Vĩnh Long

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

[illegible]

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế), TH (Trung hoà), PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa), OH (Oxy hoá), SH (Sinh học), ĐX (Đống xử lý), TB (Thiêu đốt), HR (Hoá rắn), CL (Cà lập/đóng kén), C (Chôn lấp), SC (Sơ chế), Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: GK 37205

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Văn Hùng Ký: [Signature] Ngày: 01/9/2013

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:
 Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý
an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

ngày 09 tháng 9 năm 2022



Phạm Hoàn Vũ



Nguyễn Hoàng Lân

④ Liên số

10

2□

35

Ghi chú:

..(ghi rõ trong trường hợp lỗ CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTT)

PHÓ GIÁM ĐỐC ☒

**TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG**

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 19510 /2023.../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 02743.542.906

Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**

ĐT: 02743.543.644

Địa chỉ cơ sở/dại lý: **Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa, TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương**

Fax: 02743.542.907

2. Chủ xử lý CTNH 2:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn Phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty sản xuất vật liệu xây dựng

Mã số QLCTNH: PIET

Địa chỉ văn Phòng: Đường Bình Dương

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Số 100, Ngõ 100, Đường Bình Dương

ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1)	Chất thải thu hồi từ quá trình sản xuất	V			180204	3	TH
2)	Chất thải rắn từ quá trình sản xuất		V		170204	2	TH
	Hợp số và Báo cáo phân tích						
	Khác						

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 611 30896

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Văn Tuấn

Ký: T.H

Ngày: 2/11/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:

Ký:

Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

..... ngày tháng năm 2023



Phạm Hoàng Vũ

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

ĐC ngày 11 tháng 11 năm 2023



Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số

1 ☐

2 ☐

3 ☐

4 ☒

Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

S6: 248 /2024 /1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. CHỦ CS DV XL CTNH 1: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

DT: 02743.542.906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trại, Phường Phú Lợi, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

DT: 02743.543.644 539/GPMT-BTNMT

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Fax: 02743.542.907

2. Chủ xử lý CTNH 2: Mã số QLCTNH:

...Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

...DT:

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

..DT.

3. Chủ nguồn tài: Công ty Cổ phần Vật Liệu và Xây Dựng Mã số QLCTNH:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

...DT:

Địa chỉ cư sở: nhà máy doreng, Long Xuyên, Bình Thuận, Long Xuyên DT

ST-

4. **Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)**

[illegible]

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/dóng kết); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 6E3245

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Quốc Mạnh Ký: Nguyễn Quốc Mạnh Ngày: 02/03/2019

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký Ngày

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5):

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý
an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Ngày 03 tháng 03 năm 2024



Nguyễn Hoàng Lân

@ Liên số

10

2□

31

PHÓ GIÁM ĐỐC

Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 10363 /2024

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

Số giấy phép môi trường: 539/GPMT-BTNMT

CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 02743.542.906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trĩ, Phường Phú Lợi, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 02743.543.644

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa, TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Fax: 02743.542.907

2. Chủ xử lý CTNH 2: Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH(nếu có):

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty cổ phần Việt Nam Xây dựng Bình Dương Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH(nếu có): 1121

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Ấp Bình Thước, Long Mỹ, BB, BDĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
	Chất hợp Thu, với lưu	N			80201	3	TH
	Lọc, gic lica						

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đóng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 01030596

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: NGUYỄN VĂN THÁI Ký: Th Ngày 17/6/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

..... ngày tháng năm 2024



Phạm Hoàn Vũ

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

..... ngày tháng năm 2024



Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số

1 ☐

2 ☐

3 ☐

4 ☒

Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG****Mã số thuế (Tax Code):** 0300942001-014**Địa chỉ (Address):** Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam**Điện thoại (Phone Number):** 19001006 19009000**Thông tin thanh toán (Payment Information):** Điện lực Bàu Bàng - Số TK: 0671007393039 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)****Bản thể hiện của hóa đơn điện tử**

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 01 năm (year) 2024**Ký hiệu (Serial):** 1K24THK**Số (No):** 33310**Họ tên người mua hàng (Buyer name):****Tên đơn vị (Company name):** Công Ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương**Mã số thuế (Tax code):** 3700148529**Địa chỉ (Address):** Số 306, Đường ĐT 743, Phường Bình Thắng, TP. Dĩ An, T. Bình Dương, VN**Mã khách hàng (Customer's Code):** PB04090015816**Số tài khoản (Account No):****Hình thức thanh toán (Payment method):** TM/CK**Đồng tiền thanh toán (Payment currency):** VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	I	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 1 năm 2024 từ ngày 01/01/2024 đến ngày 10/01/2024 (kèm theo bảng kê số 1342504543 ngày 11 tháng 01 năm 2024)	kWh	181.300	-	318.616.100
Cộng tiền hàng (Total amount):					318.616.100
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			25.489.288
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			344.105,38
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba trăm bốn mươi bốn triệu một trăm linh năm nghìn ba trăm tám mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)**Người bán hàng (Seller)**

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 11/ 01/ 2024 16:19:04

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG****Mã số thuế (Tax Code):** 0300942001-014**Địa chỉ (Address):** Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam**Điện thoại (Phone Number):** 19001006 19009000**Thông tin thanh toán (Payment Information):** Điện lực Bàu Bàng - Số TK: 0671007393039 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)****Bản thể hiện của hóa đơn điện tử***(Electronic invoice display)***Ngày (Date)** 22 tháng (month) 01 năm (year) 2024**Ký hiệu (Serial):** 1K24THK**Số (No):** 33456**Họ tên người mua hàng (Buyer name):****Tên đơn vị (Company name):** Công Ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương**Mã số thuế (Tax code):** 3700148529**Địa chỉ (Address):** Số 306, Đường ĐT 743, Phường Bình Thắng, TP. Dĩ An, T. Bình Dương, VN**Mã khách hàng (Customer's Code):** PB04090015816**Số tài khoản (Account No):****Hình thức thanh toán (Payment method):** TM/CK**Đồng tiền thanh toán (Payment currency):** VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	I	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 1 năm 2024 từ ngày 11/01/2024 đến ngày 20/01/2024	kWh	112.600	-	202.225.500
	(kèm theo bảng kê số 1344175126 ngày 22 tháng 01 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					202.225.500
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			16.178.040
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			218.403.540
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai trăm mười tám triệu bốn trăm linh ba nghìn năm trăm bốn mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)**Người bán hàng (Seller)**

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 22/ 01/ 2024 10:13:49

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG****Mã số thuế (Tax Code):** 0300942001-014**Địa chỉ (Address):** Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam**Điện thoại (Phone Number):** 19001006 19009000**Thông tin thanh toán (Payment Information):** Điện lực Bàu Bàng - Số TK: 0671007393039 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)****Bản thể hiện của hóa đơn điện tử**

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 02 năm (year) 2024**Ký hiệu (Serial):** 1K24THK**Số (No):** 33601**Họ tên người mua hàng (Buyer name):****Tên đơn vị (Company name):** Công Ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương**Mã số thuế (Tax code):** 3700148529**Địa chỉ (Address):** Số 306, Đường ĐT 743, Phường Bình Thắng, TP. Dĩ An, T. Bình Dương, VN**Mã khách hàng (Customer's Code):** PB04090015816**Số tài khoản (Account No):****Hình thức thanh toán (Payment method):** TM/CK**Đồng tiền thanh toán (Payment currency):** VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	I	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 1 năm 2024 từ ngày 21/01/2024 đến ngày 31/01/2024 (kèm theo bảng kê số 1349070478 ngày 01 tháng 02 năm 2024)	kWh	39.100	-	71.606.600
Cộng tiền hàng (Total amount):					71.606.600
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			5.728.528
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			77.335.128
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bảy mươi bảy triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn một trăm hai mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)**Người bán hàng (Seller)**

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 01/ 02/ 2024 16:15:13

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG****Mã số thuế (Tax Code):** 0300942001-014**Địa chỉ (Address):** Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam**Điện thoại (Phone Number):** 19001006 19009000**Thông tin thanh toán (Payment Information):** Điện lực Bàu Bàng - Số TK: 0671007393039 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)****Bản thể hiện của hóa đơn điện tử***(Electronic invoice display)***Ngày (Date)** 11 tháng (month) 02 năm (year) 2024**Ký hiệu (Serial):** 1K24THK**Số (No):** 66873**Họ tên người mua hàng (Buyer name):****Tên đơn vị (Company name):** Công Ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương**Mã số thuế (Tax code):** 3700148529**Địa chỉ (Address):** Số 306, Đường ĐT 743, Phường Bình Thắng, TP. Dĩ An, T. Bình Dương, VN**Mã khách hàng (Customer's Code):** PB04090015816**Số tài khoản (Account No):****Hình thức thanh toán (Payment method):** TM/CK**Đồng tiền thanh toán (Payment currency):** VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	I	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 2 năm 2024 từ ngày 01/02/2024 đến ngày 10/02/2024 (kèm theo bảng kê số 1352802092 ngày 11 tháng 02 năm 2024)	kWh	21.300	-	39.867.100
Cộng tiền hàng (Total amount):					39.867.100
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			3.189.368
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			43.056.468
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi ba triệu không trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm sáu mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)**Người bán hàng (Seller)**

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 11/ 02/ 2024 17:42:17.

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG****Mã số thuế (Tax Code):** 0300942001-014**Địa chỉ (Address):** Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam**Điện thoại (Phone Number):** 19001006 19009000**Thông tin thanh toán (Payment Information):** Điện lực Bàu Bàng - Số TK: 0671007393039 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)****Bản thể hiện của hóa đơn điện tử**

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 03 năm (year) 2024**Ký hiệu (Serial):** 1K24THK**Số (No):** 67160**Họ tên người mua hàng (Buyer name):****Tên đơn vị (Company name):** Công Ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương**Mã số thuế (Tax code):** 3700148529**Địa chỉ (Address):** Số 306, Đường ĐT 743, Phường Bình Thắng, TP. Dĩ An, T. Bình Dương, VN**Mã khách hàng (Customer's Code):** PB04090015816**Số tài khoản (Account No):****Hình thức thanh toán (Payment method):** TM/CK**Đồng tiền thanh toán (Payment currency):** VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 2 năm 2024 từ ngày 21/02/2024 đến ngày 29/02/2024	kWh	22.000	-	40.216.400
	(kèm theo bảng kê số 1359202606 ngày 02 tháng 03 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					40.216.400
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			3.217.312
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			43.433.712
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi ba triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm mười hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)**Người bán hàng (Seller)**

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 02/ 03/ 2024 22:01:32

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG****Mã số thuế (Tax Code):** 0300942001-014**Địa chỉ (Address):** Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam**Điện thoại (Phone Number):** 19001006 19009000**Thông tin thanh toán (Payment Information):** Điện lực Bàu Bàng - Số TK: 0671007393039 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)****Bản thể hiện của hóa đơn điện tử**

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 03 năm (year) 2024**Ký hiệu (Serial):** 1K24THK**Số (No):** 100502**Họ tên người mua hàng (Buyer name):****Tên đơn vị (Company name):** Công Ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương**Mã số thuế (Tax code):** 3700148529**Địa chỉ (Address):** Số 306, Đường ĐT 743, Phường Bình Thắng, TP. Dĩ An, T. Bình Dương, VN**Mã khách hàng (Customer's Code):** PB04090015816**Số tài khoản (Account No):****Hình thức thanh toán (Payment method):** TM/CK**Đồng tiền thanh toán (Payment currency):** VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	I	2	3=Ix2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 3 năm 2024 từ ngày 01/03/2024 đến ngày 10/03/2024	kWh	24.200	-	43.855.100
	(kèm theo bảng kê số 1363724562 ngày 11 tháng 03 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					43.855.100
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			3.508.400
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			47.363.500
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm linh tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)**Người bán hàng (Seller)**

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 11/ 03/ 2024 23:34:07

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG****Mã số thuế (Tax Code):** 0300942001-014**Địa chỉ (Address):** Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam**Điện thoại (Phone Number):** 19001006 19009000**Thông tin thanh toán (Payment Information):** Điện lực Bàu Bàng - Số TK: 0671007393039 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)****Bản thể hiện của hóa đơn điện tử**

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 21 tháng (month) 03 năm (year) 2024**Ký hiệu (Serial):** 1K24THK**Số (No):** 100671**Họ tên người mua hàng (Buyer name):****Tên đơn vị (Company name):** Công Ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương**Mã số thuế (Tax code):** 3700148529**Địa chỉ (Address):** Số 306, Đường ĐT 743, Phường Bình Thắng, TP. Dĩ An, T. Bình Dương, VN**Mã khách hàng (Customer's Code):** PB04090015816**Số tài khoản (Account No):****Hình thức thanh toán (Payment method):** TM/CK**Đồng tiền thanh toán (Payment currency):** VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 3 năm 2024 từ ngày 11/03/2024 đến ngày 20/03/2024	kWh	56.000	-	99.116.100
	(kèm theo bảng kê số 1365164513 ngày 21 tháng 03 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					99.116.100
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			7.929.288
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			107.045.388
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm linh bảy triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn ba trăm tám mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)**Người bán hàng (Seller)**

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 21/ 03/ 2024 14:48:59

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG****Mã số thuế (Tax Code):** 0300942001-014**Địa chỉ (Address):** Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam**Điện thoại (Phone Number):** 19001006 19009000**Thông tin thanh toán (Payment Information):** Điện lực Bàu Bàng - Số TK: 0671007393039 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)****Bản thể hiện của hóa đơn điện tử**

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 04 năm (year) 2024**Ký hiệu (Serial):** 1K24THK**Số (No):** 100827**Họ tên người mua hàng (Buyer name):****Tên đơn vị (Company name):** Công Ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương**Mã số thuế (Tax code):** 3700148529**Địa chỉ (Address):** Số 306, Đường ĐT 743, Phường Bình Thắng, TP. Dĩ An, T. Bình Dương, VN**Mã khách hàng (Customer's Code):** PB04090015816**Số tài khoản (Account No):****Hình thức thanh toán (Payment method):** TM/CK**Đồng tiền thanh toán (Payment currency):** VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	I	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 3 năm 2024 từ ngày 21/03/2024 đến ngày 31/03/2024	kWh	107.600	-	188.401.600
	(kèm theo bảng kê số 1370293718 ngày 01 tháng 04 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					188.401.600
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			15.072.128
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			203.473.728
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai trăm linh ba triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn bảy trăm hai mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)**Người bán hàng (Seller)**

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 01/04/2024 11:44:14

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG****Mã số thuế (Tax Code):** 0300942001-014**Địa chỉ (Address):** Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam**Điện thoại (Phone Number):** 19001006 19009000**Thông tin thanh toán (Payment Information):** Điện lực Bàu Bàng - Số TK: 0671007393039 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)****Bản thể hiện của hóa đơn điện tử***(Electronic invoice display)***Ngày (Date)** 11 tháng (month) 04 năm (year) 2024**Ký hiệu (Serial):** 1K24THK**Số (No):** 134268**Họ tên người mua hàng (Buyer name):****Tên đơn vị (Company name):** Công Ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương**Mã số thuế (Tax code):** 3700148529**Địa chỉ (Address):** Số 306, Đường ĐT 743, Phường Bình Thắng, TP. Dĩ An, T. Bình Dương, VN**Mã khách hàng (Customer's Code):** PB04090015816**Số tài khoản (Account No):****Hình thức thanh toán (Payment method):** TM/CK**Đồng tiền thanh toán (Payment currency):** VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	I	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 4 năm 2024 từ ngày 01/04/2024 đến ngày 10/04/2024 (kèm theo bảng kê số 1374324261 ngày 11 tháng 04 năm 2024)	kWh	152.800	-	269.708.000
Cộng tiền hàng (Total amount):					269.708.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			21.576.640
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			291.284.640
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai trăm chín mươi một triệu hai trăm tám mươi bốn nghìn sáu trăm bốn mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)**Người bán hàng (Seller)**

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 11/ 04/ 2024 14:12:43

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG****Mã số thuế (Tax Code):** 0300942001-014**Địa chỉ (Address):** Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam**Điện thoại (Phone Number):** 19001006 19009000**Thông tin thanh toán (Payment Information):** Điện lực Bàu Bàng - Số TK: 0671007393039 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)****Bản thể hiện của hóa đơn điện tử**

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 22 tháng (month) 04 năm (year) 2024**Ký hiệu (Serial):** 1K24THK**Số (No):** 134433**Họ tên người mua hàng (Buyer name):****Tên đơn vị (Company name):** Công Ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương**Mã số thuế (Tax code):** 3700148529**Địa chỉ (Address):** Số 306, Đường ĐT 743, Phường Bình Thắng, TP. Dĩ An, T. Bình Dương, VN**Mã khách hàng (Customer's Code):** PB04090015816**Số tài khoản (Account No):****Hình thức thanh toán (Payment method):** TM/CK**Đồng tiền thanh toán (Payment currency):** VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	I	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 4 năm 2024 từ ngày 11/04/2024 đến ngày 20/04/2024	kWh	179.400	-	316.137.000
	(kèm theo bảng kê số 1375701075 ngày 22 tháng 04 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					316.137.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			25.290.960
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			341.427.960
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba trăm bốn mươi một triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn chín trăm sáu mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)**Người bán hàng (Seller)**

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 22/ 04/ 2024 07:52:01

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG****Mã số thuế (Tax Code):** 0300942001-014**Địa chỉ (Address):** Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam**Điện thoại (Phone Number):** 19001006 19009000**Thông tin thanh toán (Payment Information):** Điện lực Bàu Bàng - Số TK: 0671007393039 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)****Bản thể hiện của hóa đơn điện tử**

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 05 năm (year) 2024**Ký hiệu (Serial):** 1K24THK**Số (No):** 134586**Họ tên người mua hàng (Buyer name):****Tên đơn vị (Company name):** Công Ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương**Mã số thuế (Tax code):** 3700148529**Địa chỉ (Address):** Số 306, Đường ĐT 743, Phường Bình Thắng, TP. Dĩ An, T. Bình Dương, VN**Mã khách hàng (Customer's Code):** PB04090015816**Số tài khoản (Account No):****Hình thức thanh toán (Payment method):** TM/CK**Đồng tiền thanh toán (Payment currency):** VND

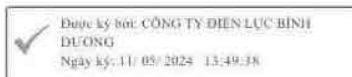
STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	I	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 4 năm 2024 từ ngày 21/04/2024 đến ngày 30/04/2024	kWh	179.200	-	312.845.900
	(kèm theo bảng kê số 1381303010 ngày 01 tháng 05 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					312.845.900
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			25.027.672
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			337.873.572
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba trăm ba mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm bảy mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)**Người bán hàng (Seller)**

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 01/ 05/ 2024 18:36:01

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG****Mã số thuế (Tax Code):** 0300942001-014**Địa chỉ (Address):** Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam**Điện thoại (Phone Number):** 19001006 19009000**Thông tin thanh toán (Payment Information):** Điện lực Bàu Bàng - Số TK: 0671007393039 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)****Bản thể hiện của hóa đơn điện tử***(Electronic invoice display)***Ngày (Date)** 11 tháng (month) 05 năm (year) 2024**Ký hiệu (Serial):** 1K24THK**Số (No):** 168119**Họ tên người mua hàng (Buyer name):****Tên đơn vị (Company name):** Công Ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương**Mã số thuế (Tax code):** 3700148529**Địa chỉ (Address):** Số 306, Đường ĐT 743, Phường Bình Thắng, TP. Dĩ An, T. Bình Dương, VN**Mã khách hàng (Customer's Code):** PB04090015816**Số tài khoản (Account No):****Hình thức thanh toán (Payment method):** TM/CK**Đồng tiền thanh toán (Payment currency):** VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	I	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 5 năm 2024 từ ngày 01/05/2024 đến ngày 10/05/2024	kWh	163.700	-	288.833,00
	(kèm theo bảng kê số 1385183835 ngày 11 tháng 05 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					288.833,00
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			23.106,64
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			311.939,64
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba trăm mười một triệu chín trăm ba mươi chín nghìn sáu trăm bốn mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)**Người bán hàng (Seller)**

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG****Mã số thuế (Tax Code):** 0300942001-014**Địa chỉ (Address):** Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam**Điện thoại (Phone Number):** 19001006 19009000**Thông tin thanh toán (Payment Information):** Điện lực Bàu Bàng - Số TK: 0671007393039 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)****Bản thể hiện của hóa đơn điện tử**

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 21 tháng (month) 05 năm (year) 2024**Ký hiệu (Serial):** 1K24THK**Số (No):** 168282**Họ tên người mua hàng (Buyer name):****Tên đơn vị (Company name):** Công Ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương**Mã số thuế (Tax code):** 3700148529**Địa chỉ (Address):** Số 306, Đường ĐT 743, Phường Bình Thắng, TP. Dĩ An, T. Bình Dương, VN**Mã khách hàng (Customer's Code):** PB04090015816**Số tài khoản (Account No.):** 65110000248726 Tại**Hình thức thanh toán (Payment method):** TM/CK**Đồng tiền thanh toán (Payment currency):** VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 5 năm 2024 từ ngày 11/05/2024 đến ngày 20/05/2024	kWh	185.700	-	323.819.100
	(kèm theo bảng kê số 1386552034 ngày 21 tháng 05 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					323.819.100
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			25.905.528
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			349.724.628
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba trăm bốn mươi chín triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm hai mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)**Người bán hàng (Seller)**

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 21/ 05/ 2024 11:28:52

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG****Mã số thuế (Tax Code):** 0300942001-014**Địa chỉ (Address):** Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam**Điện thoại (Phone Number):** 19001006 19009000**Thông tin thanh toán (Payment Information):** Điện lực Bàu Bàng - Số TK: 0671007393039 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)****Bản thể hiện của hóa đơn điện tử***(Electronic invoice display)***Ngày (Date)** 01 tháng (month) 06 năm (year) 2024**Ký hiệu (Serial):** 1K24THK**Số (No):** 168438**Họ tên người mua hàng (Buyer name):****Tên đơn vị (Company name):** Công Ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương**Mã số thuế (Tax code):** 3700148529**Địa chỉ (Address):** Số 306, Đường ĐT 743, Phường Bình Thắng, TP. Dĩ An, T. Bình Dương, VN**Mã khách hàng (Customer's Code):** PB04090015816**Số tài khoản (Account No.):** 65110000248726 Tại**Hình thức thanh toán (Payment method):** TM/CK**Đồng tiền thanh toán (Payment currency):** VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 5 năm 2024 từ ngày 21/05/2024 đến ngày 31/05/2024	kWh	200.300	-	354.095,70
	(kèm theo bảng kê số 1391040726 ngày 01 tháng 06 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					354.095,70
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			28.327,65
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			382.423,35
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba trăm tám mươi hai triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn ba trăm năm mươi sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)**Người bán hàng (Seller)**

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 01/ 06/ 2024 14:32:27

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG****Mã số thuế (Tax Code):** 0300942001-014**Địa chỉ (Address):** Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam**Điện thoại (Phone Number):** 19001006 19009000**Thông tin thanh toán (Payment Information):** Điện lực Bàu Bàng - Số TK: 0671007393039 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)****Bản thể hiện của hóa đơn điện tử***(Electronic invoice display)***Ngày (Date)** 11 tháng (month) 06 năm (year) 2024**Ký hiệu (Serial):** 1K24THK**Số (No):** 202045**Họ tên người mua hàng (Buyer name):****Tên đơn vị (Company name):** Công Ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương**Mã số thuế (Tax code):** 3700148529**Địa chỉ (Address):** Số 306, Đường ĐT 743, Phường Bình Thắng, TP. Dĩ An, T. Bình Dương, VN**Mã khách hàng (Customer's Code):** PB04090015816**Số tài khoản (Account No.):** 65110000248726 Tại**Hình thức thanh toán (Payment method):** TM/CK**Đồng tiền thanh toán (Payment currency):** VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 6 năm 2024 từ ngày 01/06/2024 đến ngày 10/06/2024	kWh	166.700	-	292.265.900
	(kèm theo bảng kê số 1395868794 ngày 11 tháng 06 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					292.265.900
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			23.381.272
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			315.647.172
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba trăm mười lăm triệu sáu trăm bốn mươi bảy nghìn một trăm bảy mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)**Người bán hàng (Seller)**

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 11/ 06/ 2024 08:42:40

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG****Mã số thuế (Tax Code):** 0300942001-014**Địa chỉ (Address):** Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam**Điện thoại (Phone Number):** 19001006 19009000**Thông tin thanh toán (Payment Information):** Điện lực Bàu Bàng - Số TK: 0671007393039 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)****Bản thể hiện của hóa đơn điện tử***(Electronic invoice display)***Ngày (Date)** 21 tháng (month) 06 năm (year) 2024**Ký hiệu (Serial):** 1K24THK**Số (No):** 202251**Họ tên người mua hàng (Buyer name):****Tên đơn vị (Company name):** Công Ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương**Mã số thuế (Tax code):** 3700148529**Địa chỉ (Address):** Số 306, Đường ĐT 743, Phường Bình Thắng, TP. Dĩ An, T. Bình Dương, VN**Mã khách hàng (Customer's Code):** PB04090015816**Số tài khoản (Account No.):** 65110000248726 Tại**Hình thức thanh toán (Payment method):** TM/CK**Đồng tiền thanh toán (Payment currency):** VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	I	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 6 năm 2024 từ ngày 11/06/2024 đến ngày 20/06/2024 (kèm theo bảng kê số 1397274904 ngày 21 tháng 06 năm 2024)	kWh	168.600	-	297.278.200
Cộng tiền hàng (Total amount):					297.278.200
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			23.782.256
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			321.060.456
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba trăm hai mươi một triệu không trăm sáu mươi nghìn bốn trăm năm mươi sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)**Người bán hàng (Seller)**

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 21/ 06/ 2024 09:13:29

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG****Mã số thuế (Tax Code):** 0300942001-014**Địa chỉ (Address):** Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam**Điện thoại (Phone Number):** 19001006 19009000**Thông tin thanh toán (Payment Information):** Điện lực Bàu Bàng - Số TK: 0671007393039 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)****Bản thể hiện của hóa đơn điện tử**

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 07 năm (year) 2024**Ký hiệu (Serial):** 1K24THK**Số (No):** 202379**Họ tên người mua hàng (Buyer name):****Tên đơn vị (Company name):** Công Ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương**Mã số thuế (Tax code):** 3700148529**Địa chỉ (Address):** Số 306, Đường ĐT 743, Phường Bình Thắng, TP. Dĩ An, T. Bình Dương, VN**Mã khách hàng (Customer's Code):** PB04090015816**Số tài khoản (Account No.):** 65110000248726 Tại**Hình thức thanh toán (Payment method):** TM/CK**Đồng tiền thanh toán (Payment currency):** VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 6 năm 2024 từ ngày 21/06/2024 đến ngày 30/06/2024	kWh	177.200	-	309.731.900
	(kèm theo bảng kê số 1402283380 ngày 01 tháng 07 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					309.731.900
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			24.778.552
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			334.510.452
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba trăm ba mươi bốn triệu năm trăm mười nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)**Người bán hàng (Seller)**

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 01/ 07/ 2024 21:24:28

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG****Mã số thuế (Tax Code):** 0300942001-014**Địa chỉ (Address):** Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam**Điện thoại (Phone Number):** 19001006 19009000**Thông tin thanh toán (Payment Information):** Điện lực Bàu Bàng - Số TK: 0671007393039 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)****Bản thể hiện của hóa đơn điện tử***(Electronic invoice display)***Ngày (Date)** 11 tháng (month) 07 năm (year) 2024**Ký hiệu (Serial):** 1K24THK**Số (No):** 236008**Họ tên người mua hàng (Buyer name):****Tên đơn vị (Company name):** Công Ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương**Mã số thuế (Tax code):** 3700148529**Địa chỉ (Address):** Số 306, Đường ĐT 743, Phường Bình Thắng, TP. Dĩ An, T. Bình Dương, VN**Mã khách hàng (Customer's Code):** PB04090015816**Số tài khoản (Account No.):** 65110000248726 Tại**Hình thức thanh toán (Payment method):** TM/CK**Đồng tiền thanh toán (Payment currency):** VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	I	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 7 năm 2024 từ ngày 01/07/2024 đến ngày 10/07/2024 (kèm theo bảng kê số 1406638103 ngày 11 tháng 07 năm 2024)	kWh	177.700	-	313.539.100
Cộng tiền hàng (Total amount):					313.539.100
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			25.083.128
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			338.622.228
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba trăm ba mươi tám triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn hai trăm hai mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)**Người bán hàng (Seller)**

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 11/ 07/ 2024 14:29:40

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG****Mã số thuế (Tax Code):** 0300942001-014**Địa chỉ (Address):** Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam**Điện thoại (Phone Number):** 19001006 19009000**Thông tin thanh toán (Payment Information):** Điện lực Bàu Bàng - Số TK: 0671007393039 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)****Bản thể hiện của hóa đơn điện tử**

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 21 tháng (month) 07 năm (year) 2024**Ký hiệu (Serial):** 1K24THK**Số (No):** 236178**Họ tên người mua hàng (Buyer name):****Tên đơn vị (Company name):** Công Ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương**Mã số thuế (Tax code):** 3700148529**Địa chỉ (Address):** Số 306, Đường ĐT 743, Phường Bình Thắng, TP. Dĩ An, T. Bình Dương, Việt Nam**Mã khách hàng (Customer's Code):** PB04090015816**Số tài khoản (Account No.):** 65110000248726 Tại**Hình thức thanh toán (Payment method):** TM/CK**Đồng tiền thanh toán (Payment currency):** VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	I	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 7 năm 2024 từ ngày 11/07/2024 đến ngày 20/07/2024	kWh	166,600	-	292.368,40
	(kèm theo bảng kê số 1407880332 ngày 21 tháng 07 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					292.368,40
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			23.389,47
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			315.757,87
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba trăm mười lăm triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm bảy mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)**Người bán hàng (Seller)**

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 21/ 07/ 2024 15:36:29

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG****Mã số thuế (Tax Code):** 0300942001-014**Địa chỉ (Address):** Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam**Điện thoại (Phone Number):** 19001006 19009000**Thông tin thanh toán (Payment Information):** Điện lực Bàu Bàng - Số TK: 0671007393039 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)****Bản thể hiện của hóa đơn điện tử**

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 08 năm (year) 2024**Ký hiệu (Serial):** 1K24THK**Số (No):** 236352**Họ tên người mua hàng (Buyer name):****Tên đơn vị (Company name):** Công Ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương**Mã số thuế (Tax code):** 3700148529**Địa chỉ (Address):** Số 306, Đường ĐT 743, Phường Bình Thắng, TP. Dĩ An, T. Bình Dương, Việt Nam**Mã khách hàng (Customer's Code):** PB04090015816**Số tài khoản (Account No.):** 65110000248726 Tại**Hình thức thanh toán (Payment method):** TM/CK**Đồng tiền thanh toán (Payment currency):** VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	I	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 7 năm 2024 từ ngày 21/07/2024 đến ngày 31/07/2024	kWh	177.600	-	310.162.40
	(kèm theo bảng kê số 1412680322 ngày 01 tháng 08 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					310.162.40
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			24.812.99
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			334.975,39
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba trăm ba mươi bốn triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm chín mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)**Người bán hàng (Seller)**

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 01/ 08/ 2024 19:21:26

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG****Mã số thuế (Tax Code):** 0300942001-014**Địa chỉ (Address):** Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam**Điện thoại (Phone Number):** 19001006 19009000**Thông tin thanh toán (Payment Information):** Điện lực Bàu Bàng - Số TK: 0671007393039 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)****Bản thể hiện của hóa đơn điện tử**

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 08 năm (year) 2024**Ký hiệu (Serial):** 1K24THK**Số (No):** 270111**Họ tên người mua hàng (Buyer name):****Tên đơn vị (Company name):** Công Ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương**Mã số thuế (Tax code):** 3700148529**Địa chỉ (Address):** Số 306, Đường ĐT 743, Phường Bình Thắng, TP. Dĩ An, T. Bình Dương, Việt Nam**Mã khách hàng (Customer's Code):** PB04090015816**Số tài khoản (Account No.):** 65110000248726 Tại**Hình thức thanh toán (Payment method):** TM/CK**Đồng tiền thanh toán (Payment currency):** VND

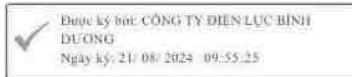
STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	I	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 8 năm 2024 từ ngày 01/08/2024 đến ngày 10/08/2024	kWh	158.500	-	278.521.600
	(kèm theo bảng kê số 1417331313 ngày 11 tháng 08 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					278.521.600
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			22.281.728
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			300.803.328
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba trăm triệu tám trăm linh ba nghìn ba trăm hai mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)**Người bán hàng (Seller)**

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 11/ 08/ 2024 16:15:05

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG****Mã số thuế (Tax Code):** 0300942001-014**Địa chỉ (Address):** Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam**Điện thoại (Phone Number):** 19001006 19009000**Thông tin thanh toán (Payment Information):** Điện lực Bàu Bàng - Số TK: 0671007393039 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)****Bản thể hiện của hóa đơn điện tử***(Electronic invoice display)***Ngày (Date)** 21 tháng (month) 08 năm (year) 2024**Ký hiệu (Serial):** 1K24THK**Số (No):** 270280**Họ tên người mua hàng (Buyer name):****Tên đơn vị (Company name):** Công Ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương**Mã số thuế (Tax code):** 3700148529**Địa chỉ (Address):** Số 306, Đường ĐT 743, Phường Bình Thắng, TP. Dĩ An, T. Bình Dương, Việt Nam**Mã khách hàng (Customer's Code):** PB04090015816**Số tài khoản (Account No.):** 65110000248726 Tại**Hình thức thanh toán (Payment method):** TM/CK**Đồng tiền thanh toán (Payment currency):** VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	I	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 8 năm 2024 từ ngày 11/08/2024 đến ngày 20/08/2024	kWh	172.200	-	297.745.30
	(kèm theo bảng kê số 1418305402 ngày 21 tháng 08 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					297.745.30
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			23.819.62
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			321.564.92
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba trăm hai mươi một triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn chín trăm hai mươi bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)**Người bán hàng (Seller)**

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG****Mã số thuế (Tax Code):** 0300942001-014**Địa chỉ (Address):** Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam**Điện thoại (Phone Number):** 19001006 19009000**Thông tin thanh toán (Payment Information):** Điện lực Bàu Bàng - Số TK: 0671007393039 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)****Bản thể hiện của hóa đơn điện tử**

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 09 năm (year) 2024**Ký hiệu (Serial):** 1K24THK**Số (No):** 270464**Họ tên người mua hàng (Buyer name):****Tên đơn vị (Company name):** Công Ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương**Mã số thuế (Tax code):** 3700148529**Địa chỉ (Address):** Số 306, Đường ĐT 743, Phường Bình Thắng, TP. Dĩ An, T. Bình Dương, Việt Nam**Mã khách hàng (Customer's Code):** PB04090015816**Số tài khoản (Account No.):** 65110000248726 Tại**Hình thức thanh toán (Payment method):** TM/CK**Đồng tiền thanh toán (Payment currency):** VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 8 năm 2024 từ ngày 21/08/2024 đến ngày 31/08/2024	kWh	189.100	-	332.824.300
	(kèm theo bảng kê số 1423641580 ngày 01 tháng 09 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					332.824.300
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			26.625.944
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			359.450.244
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba trăm năm mươi chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn hai trăm bốn mươi bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)**Người bán hàng (Seller)**

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 01/ 09/ 2024 19:34:33

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG****Mã số thuế (Tax Code):** 0300942001-014**Địa chỉ (Address):** Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam**Điện thoại (Phone Number):** 19001006 19009000**Thông tin thanh toán (Payment Information):** Điện lực Bàu Bàng - Số TK: 0671007393039 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)****Bản thể hiện của hóa đơn điện tử**

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 09 năm (year) 2024**Ký hiệu (Serial):** 1K24THK**Số (No):** 304377**Họ tên người mua hàng (Buyer name):****Tên đơn vị (Company name):** Công Ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương**Mã số thuế (Tax code):** 3700148529**Địa chỉ (Address):** Số 306, Đường ĐT 743, Phường Bình Thắng, TP. Dĩ An, T. Bình Dương, Việt Nam**Mã khách hàng (Customer's Code):** PB04090015816**Số tài khoản (Account No.):** 65110000248726 Tại**Hình thức thanh toán (Payment method):** TM/CK**Đồng tiền thanh toán (Payment currency):** VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	I	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 9 năm 2024 từ ngày 01/09/2024 đến ngày 10/09/2024	kWh	161.200	-	280.662,50
	(kèm theo bảng kê số 1428075426 ngày 11 tháng 09 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					280.662,50
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			22.453,00
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			303.115,50
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba trăm linh ba triệu một trăm mười lăm nghìn năm trăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)**Người bán hàng (Seller)**

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 11/ 09/ 2024 09:48:32

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG****Mã số thuế (Tax Code):** 0300942001-014**Địa chỉ (Address):** Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam**Điện thoại (Phone Number):** 19001006 19009000**Thông tin thanh toán (Payment Information):** Điện lực Bàu Bàng - Số TK: 0671007393039 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)****Bản thể hiện của hóa đơn điện tử**

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 21 tháng (month) 09 năm (year) 2024**Ký hiệu (Serial):** 1K24THK**Số (No):** 304548**Họ tên người mua hàng (Buyer name):****Tên đơn vị (Company name):** Công Ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương**Mã số thuế (Tax code):** 3700148529**Địa chỉ (Address):** Số 306, Đường ĐT 743, Phường Bình Thắng, TP. Dĩ An, T. Bình Dương, Việt Nam**Mã khách hàng (Customer's Code):** PB04090015816**Số tài khoản (Account No):** 65110000248726 Tại**Hình thức thanh toán (Payment method):** TM/CK**Đồng tiền thanh toán (Payment currency):** VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	I	2	3=Ix2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 9 năm 2024 từ ngày 11/09/2024 đến ngày 20/09/2024	kWh	179.100	-	315.732.500
	(kèm theo bảng kê số 1428661294 ngày 21 tháng 09 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					315.732.500
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			25.258.600
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			340.991.100
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba trăm bốn mươi triệu chín trăm chín mươi một nghìn một trăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)**Người bán hàng (Seller)**

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 21/ 09/ 2024 10:21:32

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG****Mã số thuế (Tax Code):** 0300942001-014**Địa chỉ (Address):** Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam**Điện thoại (Phone Number):** 19001006 19009000**Thông tin thanh toán (Payment Information):** Điện lực Bàu Bàng - Số TK: 0671007393039 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)****Bản thể hiện của hóa đơn điện tử**

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 10 năm (year) 2024**Ký hiệu (Serial):** 1K24THK**Số (No):** 304722**Họ tên người mua hàng (Buyer name):****Tên đơn vị (Company name):** Công Ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương**Mã số thuế (Tax code):** 3700148529**Địa chỉ (Address):** Số 306, Đường ĐT 743, Phường Bình Thắng, TP. Dĩ An, T. Bình Dương, Việt Nam**Mã khách hàng (Customer's Code):** PB04090015816**Số tài khoản (Account No.):** 65110000248726 Tại**Hình thức thanh toán (Payment method):** TM/CK**Đồng tiền thanh toán (Payment currency):** VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	I	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 9 năm 2024 từ ngày 21/09/2024 đến ngày 30/09/2024	kWh	171.200	-	298.440.900
	(kèm theo bảng kê số 1436464502 ngày 02 tháng 10 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					298.440.900
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			23.875.272
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			322.316.172
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba trăm hai mươi hai triệu ba trăm mười sáu nghìn một trăm bảy mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)**Người bán hàng (Seller)**

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 02/ 10/ 2024 09:54:09



**CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
11 Ngõ Văn Trĩ - P. Phú Lợi
TP. TDM - T. Bình Dương

**Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC BẦU BÀNG -
CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI
TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Số BL: 368810

Tên Khách Hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ KH: SỐ 306, ĐƯỜNG ĐT743, PHƯỜNG BÌNH THẮNG, THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM
DCLD: ẤP BUNĞ THUỐC Đ.DH619-XÃ LONG NGUYÊN-BẦU BÀNG

Mã số thuế KH: 3700148529

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

SX

Từ ngày: 14/12/2023 đến ngày: 13/1/2024

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: 0886450777-0274.3838333

Ký hiệu: 1K24TTN

Số: 363209

Danh bộ		Kỳ/Năm	Khoản	Chỉ số cũ	Chỉ số mới	M ³ Tiêu thụ
8807.0300.04		01/2024	0	1.830	1.920	90
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
SX: 90	13.800	1.242.000		Tiền nước: 1.242.000 Tiền thuế GTGT 5%: 62.100 Phí BV môi trường 10%: 124.200		
Tổng số tiền phải trả: 1.428.300				Ngày 23 tháng 01 năm 2024 TỔNG GIÁM ĐỐC Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 23/01/2024 10:09:28		
Bằng chữ: Một triệu bốn trăm hai mươi tám ngàn ba trăm đồng						



CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
11 Ngõ Văn Trĩ - P. Phú Lợi
TP. TDM - T. Bình Dương

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC BẦU BÀNG -
CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI
TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Số BL: 645205

Tên Khách Hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ KH: SỐ 306, ĐƯỜNG ĐT743, PHƯỜNG BÌNH THẮNG, THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM
DCLD: ẤP BUNG THUỐC Đ.DH619-XÃ LONG NGUYÊN-BẦU BÀNG

Mã số thuế KH: 3700148529

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

SX

Từ ngày: 7/1/2024 đến ngày: 6/2/2024

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: 0886450777-0274.3838333

Ký hiệu: 1K24TTN

Số: 524303

Danh bộ		Kỳ/Năm	Khoản	Chỉ số cũ	Chỉ số mới	M ³ Tiêu thụ
8807.0300.04		02/2024	0	1.920	2.003	83
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
SX: 83	13.800	1.145.400		Tiền nước: 1.145.400 Tiền thuế GTGT 5%: 57.270 Phí BV môi trường 10%: 114.540		
Tổng số tiền phải trả: 1.317.210				Ngày 16 tháng 02 năm 2024		
Bằng chữ: Một triệu ba trăm mười bảy ngàn hai trăm mười đồng				TỔNG GIÁM ĐỐC Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 16/02/2024 08:40:42		



CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
11 Ngõ Văn Trị - P. Phú Lợi
TP. TDM - T. Bình Dương

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC BẦU BÀNG -
CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI
TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Số BL: 1000970

Tên Khách Hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ KH: SỐ 306, ĐƯỜNG ĐT743, PHƯỜNG BÌNH THẮNG, THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM
DCLD: ẤP BUNĞ THUỐC Đ.DH619-XÃ LONG NGUYÊN-BẦU BÀNG

Mã số thuế KH: 3700148529

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

SX

Từ ngày: 7/2/2024 đến ngày: 6/3/2024

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: 0886450777-0274.3838333

Ký hiệu: 1K24TTN

Số: 982549

Danh bộ		Kỳ/Năm	Khoản	Chỉ số cũ	Chỉ số mới	M ³ Tiêu thụ
8807.0300.04		03/2024	0	2.003	2.047	44
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
SX: 44	13.800	607.200		Tiền nước: 607.200 Tiền thuế GTGT 5%: 30.360 Phí BV môi trường 10%: 60.720		
Tổng số tiền phải trả: 698.280				Ngày 13 tháng 03 năm 2024		
Bằng chữ: Sáu trăm chín mươi tám ngàn hai trăm tám mươi đồng				TỔNG GIÁM ĐỐC Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 13/03/2024 08:43:37		



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

SX

Từ ngày: 7/3/2024 đến ngày: 6/4/2024

CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
11 Ngõ Văn Trĩ - P. Phú Lợi
TP. TDM - T. Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: 0886450777-
0274.3838333

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC BẦU BÀNG -
CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI
TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Số BL: 1350521

Ký hiệu: 1K24TTN

Số:
1331726

Tên Khách Hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ KH: SỐ 306, ĐƯỜNG ĐT743, PHƯỜNG BÌNH THẮNG, THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM
DCLD: ẤP BUNĞ THUỐC Đ.DH619-XÃ LONG NGUYỄN-BẦU BÀNG

Mã số thuế KH: 3700148529

Danh bộ		Kỳ/Năm	Khoản	Chỉ số cũ	Chỉ số mới	M ³ Tiêu thụ
8807.0300.04		04/2024	0	2.047	2.112	65
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
SX: 65	13.800	897.000		Tiền nước: 897.000 Tiền thuế GTGT 5%: 44.850 Phí BV môi trường 10%: 89.700		
Tổng số tiền phải trả: 1.031.550				Ngày 12 tháng 04 năm 2024 TỔNG GIÁM ĐỐC Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 12/04/2024 08:53:44		
Bằng chữ: Một triệu không trăm ba mươi một ngàn năm trăm năm mươi đồng						



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

SX

Từ ngày: 7/4/2024 đến ngày: 6/5/2024

CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
11 Ngõ Văn Trĩ - P. Phú Lợi
TP. TDM - T. Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: 0886450777-
0274.3838333

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC BẦU BÀNG -
CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI
TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Ký hiệu: 1K24TTN

Số:
1627394

Số BL: 1647333

Tên Khách Hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ KH: SỐ 306, ĐƯỜNG ĐT743, PHƯỜNG BÌNH THẮNG, THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM
DCLD: ẤP BUNĞ THUỐC Đ.DH619-XÃ LONG NGUYÊN-BẦU BÀNG

Mã số thuế KH: 3700148529

Danh bộ		Kỳ/Năm	Khoản	Chỉ số cũ	Chỉ số mới	M ³ Tiêu thụ
8807.0300.04		05/2024	0	2.112	2.188	76
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
SX: 76	13.800	1.048.800		Tiền nước: 1.048.800 Tiền thuế GTGT 5%: 52.440 Phí BV môi trường 10%: 104.880		
Tổng số tiền phải trả: 1.206.120				Ngày 09 tháng 05 năm 2024 TỔNG GIÁM ĐỐC		
Bằng chữ: Một triệu hai trăm lẻ sáu ngàn một trăm hai mươi đồng				Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 09/05/2024 09:04:40		



CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
11 Ngõ Văn Trĩ - P. Phú Lợi
TP. TDM - T. Bình Dương

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC BẦU BÀNG -
CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI
TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Số BL: 2199879

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

SX

Từ ngày: 7/5/2024 đến ngày: 6/6/2024

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: 0886450777-
0274.3838333

Ký hiệu: 1K24TTN

Số:
2166775

Tên Khách Hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ KH: SỐ 306, ĐƯỜNG ĐT743, PHƯỜNG BÌNH THẮNG, THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM
DCLD: ẤP BUNĞ THUỐC Đ.DH619-XÃ LONG NGUYÊN-BẦU BÀNG

Mã số thuế KH: 3700148529

Danh bộ		Kỳ/Năm	Khoản	Chỉ số cũ	Chỉ số mới	M ³ Tiêu thụ
8807.0300.04		06/2024	0	2.188	2.265	77
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
SX: 77	13.800	1.062.600		Tiền nước: 1.062.600 Tiền thuế GTGT 5%: 53.130 Phí BV môi trường 10%: 106.260		
Tổng số tiền phải trả: 1.221.990				Ngày 18 tháng 06 năm 2024 TỔNG GIÁM ĐỐC Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 18/06/2024 09:12:17		
Bằng chữ: Một triệu hai trăm hai mươi một ngàn chín trăm chín mươi đồng						



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

SX

Từ ngày: 7/6/2024 đến ngày: 6/7/2024

CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
11 Ngõ Văn Trĩ - P. Phú Lợi
TP. TDM - T. Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3535338 -
3838333

Ký hiệu: 1K24TTN

Số: 2455202

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC BẦU BÀNG -
CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI
TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Số BL: 2473227

Tên Khách Hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ KH: SỐ 306, ĐƯỜNG ĐT743, PHƯỜNG BÌNH THẮNG, THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM
DCLD: ẤP BUNĞ THUỐC Đ.DH619-XÃ LONG NGUYÊN-BẦU BÀNG

Mã số thuế KH: 3700148529

Danh bộ		Kỳ/Năm	Khoản	Chỉ số cũ	Chỉ số mới	M ³ Tiêu thụ
8807.0300.04		07/2024	0	2.265	2.347	82
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
SX: 82	13.800	1.131.600		Tiền nước: 1.131.600 Tiền thuế GTGT 5%: 56.580 Phí BV môi trường 10%: 113.160		
Tổng số tiền phải trả: 1.301.340				Ngày 12 tháng 07 năm 2024 TỔNG GIÁM ĐỐC Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 12/07/2024 08:37:58		
Bằng chữ: Một triệu ba trăm lẻ một ngàn ba trăm bốn mươi đồng						



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

SX

Từ ngày: 7/7/2024 đến ngày: 6/8/2024

CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
11 Ngõ Văn Trĩ - P. Phú Lợi
TP. TDM - T. Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3535338 -
3838333

Ký hiệu: 1K24TTN

Số: 2807232

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC BẦU BÀNG -
CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI
TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Số BL: 2851799

Tên Khách Hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ KH: SỐ 306, ĐƯỜNG ĐT743, PHƯỜNG BÌNH THẮNG, THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM
DCLD: ẤP BUNĞ THUỐC Đ.DH619-XÃ LONG NGUYÊN-BẦU BÀNG

Mã số thuế KH: 3700148529

Danh bộ		Kỳ/Năm	Khoản	Chỉ số cũ	Chỉ số mới	M ³ Tiêu thụ
8807.0300.04		08/2024	0	2.347	2.412	65
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
SX: 65	13.800	897.000		Tiền nước: 897.000 Tiền thuế GTGT 5%: 44.850 Phí BV môi trường 10%: 89.700		
Tổng số tiền phải trả: 1.031.550 Bằng chữ: Một triệu không trăm ba mươi một ngàn năm trăm năm mươi đồng				Ngày 13 tháng 08 năm 2024 TỔNG GIÁM ĐỐC Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 13/08/2024 08:47:01		



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

SX

Từ ngày: 7/8/2024 đến ngày: 6/9/2024

CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
11 Ngõ Văn Trĩ - P. Phú Lợi
TP. TDM - T. Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3535338 -
3838333

Ký hiệu: 1K24TTN

Số: 3097506

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC BẦU BÀNG -
CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI
TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Số BL: 3160497

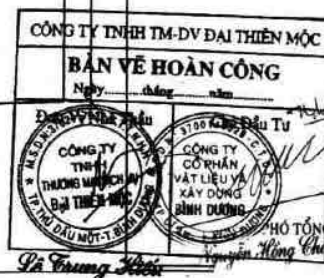
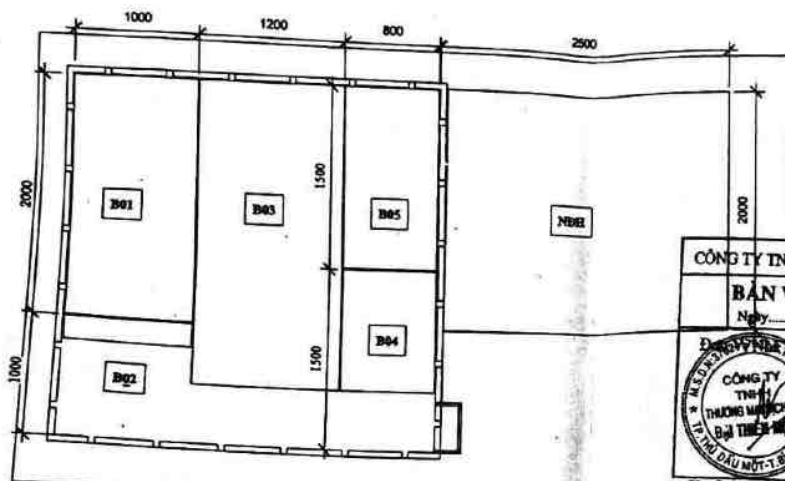
Tên Khách Hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ KH: SỐ 306, ĐƯỜNG ĐT743, PHƯỜNG BÌNH THẮNG, THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM
DCLD: ẤP BUNĞ THUỐC Đ.DH619-XÃ LONG NGUYÊN-BẦU BÀNG

Mã số thuế KH: 3700148529

Danh bộ		Kỳ/Năm	Khoản	Chỉ số cũ	Chỉ số mới	M ³ Tiêu thụ
8807.0300.04		09/2024	0	2.412	2.479	67
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
SX: 67	13.800	924.600		Tiền nước: 924.600 Tiền thuế GTGT 5% : 46.230 Phí BV môi trường 10%: 92.460		
Tổng số tiền phải trả: 1.063.290 Bằng chữ: Một triệu không trăm sáu mươi ba ngàn hai trăm chín mươi đồng				Ngày 10 tháng 09 năm 2024 TỔNG GIÁM ĐỐC Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 10/09/2024 09:32:26		

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 20 M³/NGÀY.ĐÊM

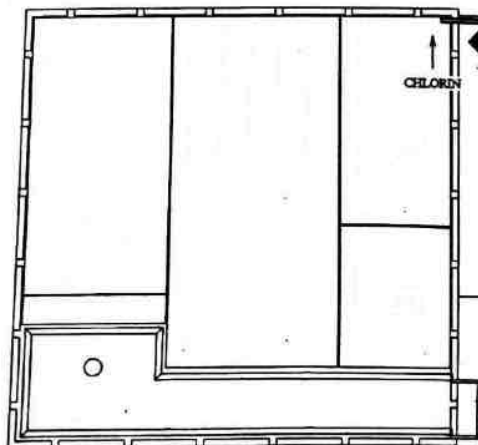


1 MẶT BẰNG TỔNG QUÁT
1:30

STT	TÊN HẠNG MỤC	KÝ HIỆU	THÔNG SỐ KỸ THUẬT
01	BỂ ĐIỀU HÒA	B01	L x B x H = 2,0 x 1,0 x 2,7 m
02	BỂ THIỂU KHÍ	B02	L x B x H = 1,0 x 1,0 x 2,7 m
03	BỂ THIỂU KHÍ	B03	L x B x H = 3,0 x 1,2 x 2,7 m
04	BỂ CHỨA BÙN	B04	L x B x H = 1,55 x 0,8 x 2,7 m
05	BỂ KHỬ TRÙNG	B05	L x B x H = 1,5 x 0,8 x 2,7 m
06	NHÀ ĐIỀU HÀNH	NEH	L x B x H = 2,5 x 2,5 x 2,8 m

CHỦ ĐẦU TƯ INVESTOR	
NHÀ MÁY GÁC NGỒI LÔNG NGUYỄN	
ĐỊA CHỈ TX. BẾN CÁT, BÌNH DƯƠNG	
GIÁM ĐỐC DIRECTOR	
BỘ VI THỰC HIỆN CONTRACTOR	
CÔNG TY TNHH TM-DV ĐẠI THIÊN MỘC	
 ĐẠI THIÊN MỘC	
3. PHẠM LUYỆN, TR. 2000 BẮC NGUYỄN HỒNG CHÁU 	
QUẢN LÝ KT AUDITTED BY	Ks. NGUYỄN TIẾN TUẤN
THIẾT KẾ DESIGNED BY	Ks. NGUYỄN TIẾN TUẤN
KIỂM TRA CHECKED BY	Ks. LÊ TRUNG HIỆU
VẼ DRAWN BY	Ks. BÙI GIA VŨ
CÔNG TRÌNH PROJECT	HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT CAPACITY	20 M ³ /NGÀY
ĐỊA ĐIỂM LOCATION	TX. BẾN CÁT
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH DRAWING TARGET	
ĐOÀN CÔNG	
HẠNG MỤC ITEM	TÊN BẢN VẼ DRAWING NAME

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 20 M³/NGÀY.ĐÊM



Chú thích

→ : Hướng di chuyển của hóa chất

1 MẶT BẰNG HÓA CHẤT

1 : 25

CÔNG TY TNHH TM-DV ĐẠI THIÊN MỘC

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày ... tháng ... năm ...

CHỖ DẤU TAY

CÔNG TY TNHH TM-DV ĐẠI THIÊN MỘC

CHỖ DẤU TAY

CÔNG TY TNHH TM-DV ĐẠI THIÊN MỘC

CHỖ DẤU TAY

CÔNG TY TNHH TM-DV ĐẠI THIÊN MỘC

CHỖ DẤU TAY

CÔNG TY TNHH TM-DV ĐẠI THIÊN MỘC

CHỖ DẤU TAY

CÔNG TY TNHH TM-DV ĐẠI THIÊN MỘC

CHỖ DẤU TAY

CÔNG TY TNHH TM-DV ĐẠI THIÊN MỘC

CHỖ DẤU TAY

CÔNG TY TNHH TM-DV ĐẠI THIÊN MỘC

CHỖ DẤU TAY

CÔNG TY TNHH TM-DV ĐẠI THIÊN MỘC

CHỖ DẤU TAY

CÔNG TY TNHH TM-DV ĐẠI THIÊN MỘC

CHỖ DẤU TAY

CÔNG TY TNHH TM-DV ĐẠI THIÊN MỘC

CHỖ DẤU TAY

CÔNG TY TNHH TM-DV ĐẠI THIÊN MỘC

CHỖ DẤU TAY

CÔNG TY TNHH TM-DV ĐẠI THIÊN MỘC

CHỖ DẤU TAY

CÔNG TY TNHH TM-DV ĐẠI THIÊN MỘC

CHỖ DẤU TAY

CÔNG TY TNHH TM-DV ĐẠI THIÊN MỘC

CHỖ DẤU TAY

CÔNG TY TNHH TM-DV ĐẠI THIÊN MỘC

CHỖ DẤU TAY

CÔNG TY TNHH TM-DV ĐẠI THIÊN MỘC

CHỖ DẤU TAY

CÔNG TY TNHH TM-DV ĐẠI THIÊN MỘC

CHỖ DẤU TAY

SIT	TÊN HÀNG MỤC	KÝ HIỆU	THÔNG SỐ KỸ THUẬT
01	BỂ ĐIỀU HÒA	B01	L x B x H = 2,0 x 1,0 x 2,7 m
02	BỂ THIẾU KHÍ	B02	L x B x H = 1,0 x 1,0 x 2,7 m
03	BỂ ĐIỀU KHI	B03	L x B x H = 3,0 x 1,2 x 2,7 m
04	BỂ CHỨA BÙN	B04	L x B x H = 1,55 x 0,8 x 2,7 m
05	BỂ CHỨ TRÙNG	B05	L x B x H = 1,5 x 0,8 x 2,7 m
06	NHÀ ĐIỀU HÀNH	NH1	L x B x H = 2,5 x 2,5 x 2,8 m

CHỦ ĐẦU TƯ

INVESTOR

NHÀ MÁY GẠCH NGỒI
LÔNG NGUYÊN

ĐỊA CHỈ
TX. BẾN CÁT, HỒM DƯƠNG

GIÁM ĐỐC

DIRECTOR

BỘN VỊ THỰC HIỆN

CONTRACTOR

CÔNG TY TNHH TM-DV
ĐẠI THIÊN MỘC



ĐẠI THIÊN MỘC

2. PHẠM LUY, TX. BẾN CÁT, HỒM DƯƠNG

CHỖ DẤU TAY

CHỖ DẤU TAY

CHỖ DẤU TAY

CHỖ DẤU TAY

CHỖ DẤU TAY

CHỖ DẤU TAY

CHỖ DẤU TAY

CHỖ DẤU TAY

CHỖ DẤU TAY

CHỖ DẤU TAY

CHỖ DẤU TAY

CHỖ DẤU TAY

CHỖ DẤU TAY

CHỖ DẤU TAY

CHỖ DẤU TAY

CHỖ DẤU TAY

CHỖ DẤU TAY

CHỖ DẤU TAY

CHỖ DẤU TAY

CHỖ DẤU TAY

CHỖ DẤU TAY

CHỖ DẤU TAY

CHỖ DẤU TAY

CHỖ DẤU TAY

CHỖ DẤU TAY

CHỖ DẤU TAY

CHỖ DẤU TAY

CHỖ DẤU TAY

CHỖ DẤU TAY

CHỖ DẤU TAY

CHỖ DẤU TAY

CHỖ DẤU TAY

CHỖ DẤU TAY

CHỖ DẤU TAY

CHỖ DẤU TAY

QUẢN LÝ KỸ

ADMINISTRATED BY

THIẾT KẾ

DESIGNED BY

KIỂM

CHECKED BY

VẼ

DRAWN BY

Ks. LÊ THỊNH HIỆU

Ks. NGUYỄN TIẾN TUẤN

Ks. LÊ THỊNH HIỆU

Ks. BÙI GIA VŨ

CÔNG TRÌNH

PROJECT

CÔNG SUẤT

CAPACITY

ĐỊA ĐIỂM

LOCATION

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

DRAWING TARGET

HOÀN CÔNG

HẠNG MỤC

ITEM

TÊN BẢN VẼ

DRAWING NAME

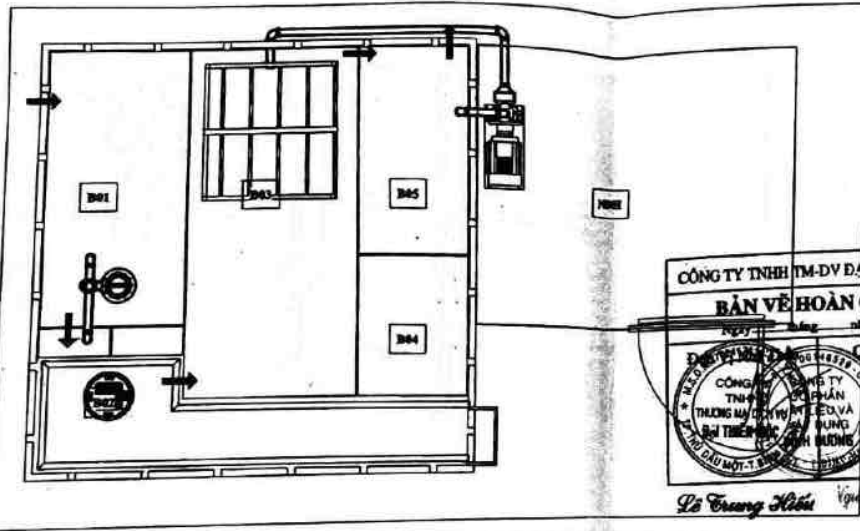
HỆ THỐNG

XỬ LÝ NƯỚC THẢI

30 NGÀY

TX. BẾN CÁT

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 20 M³/NGÀY.ĐÊM



CÔNG TY TNHH TM-DV ĐẠI THIÊN MỘC
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày... tháng... năm...
Chủ Đầu Tư
CÔNG TY TNHH TM-DV ĐẠI THIÊN MỘC
THƯỜNG MẠI CÔNG TY TNHH TM-DV ĐẠI THIÊN MỘC
HỒ TÓNG GIÁN ĐỐC
Lê Trương Hoàn Nguyễn Hồng Châu

Chú thích

→ : Hướng di chuyển của nước thải

① MẶT BẰNG ĐƯỜNG ĐI
NƯỚC THẢI
1:25

STT	TÊN HẠNG MỤC	KÝ HIỆU	THÔNG SỐ KỸ THUẬT
01	BỂ ĐIỀU HÒA	B01	L x B x H = 2,0 x 1,0 x 2,7 m
02	BỂ THIỂU KHÍ	B02	L x B x H = 1,0 x 1,0 x 2,7 m
03	BỂ ĐIỀU KHÍ	B03	L x B x H = 3,0 x 1,2 x 2,7 m
04	BỂ CHỨA BÙN	B04	L x B x H = 1,55 x 0,8 x 2,7 m
05	BỂ KHỬ TRÙNG	B05	L x B x H = 1,5 x 0,8 x 2,7 m
06	PHÂN ĐIỀU HÀNH	NBH	L x B x H = 2,5 x 2,5 x 2,8 m

CHỦ ĐẦU TƯ
INVESTOR

NHÀ MÁY GẠCH MỎN
LỘC NGUYỄN

ĐỊA CHỈ
TR. BẾN CÁT, BẾN ĐƯỜNG

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
CONTRACTOR

CÔNG TY TNHH TM-DV
ĐẠI THIÊN MỘC



ĐẠI THIÊN MỘC

2. PHẠM LUYỆN, TR. BẾN CÁT

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

TR. BẾN CÁT

LÊ THỊ THÁI

CHỦ ĐẦU TƯ

QUẢN LÝ KT

AUDITED BY

THIẾT KẾ

DESIGNED BY

KIỂM TRA

CHECKED BY

VẼ

DRAWING BY

CA. LÊ THỊ THÁI

CA. NGUYỄN TIẾN TUẤN

CA. LÊ THỊ THÁI

CA. BÙI GIA VŨ

CÔNG TRÌNH

PROJECT

HIỆU THẠNH

XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CÔNG SUẤT

CAPACITY

20 M³/NGÀY

ĐỊA ĐIỂM

LOCATION

THỊ XÃ BẾN CÁT

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

DRAWING TARGET

HOÀN CÔNG

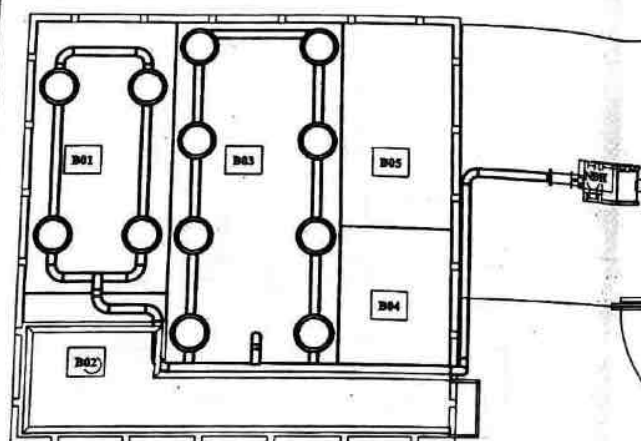
HẠNG MỤC

ITEM

TÊN BẢN VẼ

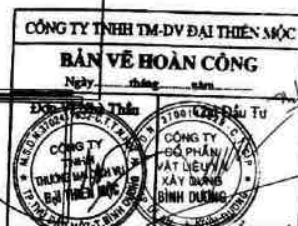
DRAWING NAME

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 20 M³/NGÀY.ĐÊM



1 MẶT BẰNG ĐƯỜNG KHÍ
1:25

STT	TÊN HẠNG MỤC	KÝ HIỆU	THÔNG SỐ KỸ THUẬT
01	BỂ THIỂU HÒA	B01	L x B x H = 2,8 x 1,0 x 2,7 m
02	BỂ THIỂU KHÍ	B02	L x B x H = 1,0 x 1,0 x 2,7 m
03	BỂ THIỂU KHÍ	B03	L x B x H = 3,0 x 1,2 x 2,7 m
04	BỂ CHỨA BÙN	B04	L x B x H = 1,55 x 0,8 x 2,7 m
05	BỂ KHỬ TRÙNG	B05	L x B x H = 1,5 x 0,8 x 2,7 m
06	NHÀ ĐIỀU HÀNH	NH	L x B x H = 2,5 x 2,5 x 2,8 m

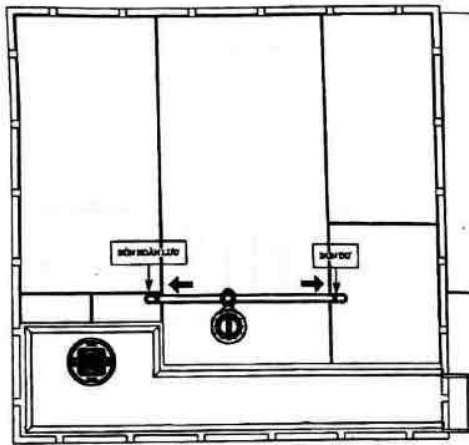


CHỦ ĐẦU TƯ INVESTOR
MIẾM MÁY GẠCH NGÔI LONG NGUYỄN
MÀ CHỈ TX BẾN CÂY, BÌNH DƯƠNG
GIÁM ĐỐC DIRECTOR

BÊN VỊ THỰC HIỆN CONTRACTOR	
CÔNG TY TNHH TM-DV ĐẠI THIÊN MỘC	
ĐẠI THIÊN MỘC	
P. PHẠM LỘC, TX. BẾN CÂY	
QUẢN LÝ KỸ ADMITTED BY	K. L. NGUYỄN VĂN TUẤN
THIẾT KẾ DESIGNED BY	K. NGUYỄN VĂN TUẤN
KIỂM TRA CHECKED BY	K. L. TRUNG HIẾU
VẼ DRAWN BY	K. B. C. GIA VŨ

CÔNG TRÌNH PROJECT	HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT CAPACITY	20 M ³ /NGÀY
MÀ BỀM LOCATION	THỊ XÃ BẾN CÂY
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH DRAWING TARGET	
HOÀN CÔNG	
HẠNG MỤC ITEM	TÊN BẢN VẼ DRAWING NAME

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 20 M³/NGÀY.ĐÊM



Chỉ dẫn
→ : Hướng di chuyển của bùn

MẶT BẰNG Bùn

1 : 25

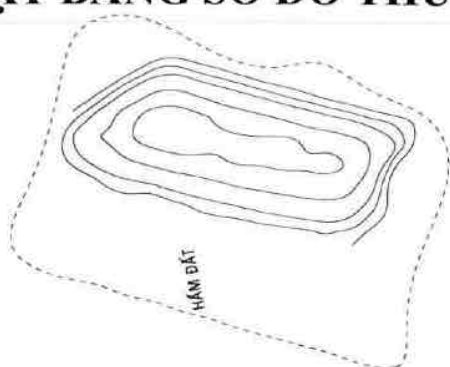


Le Trung Kiên Nguyễn Hồng Châu

STT	TÊN HẠNG MỤC	KÝ HIỆU	THÔNG SỐ KỸ THUẬT
01	BỂ ĐIỀU HÒA	B01	L x B x H = 2,0 x 1,0 x 2,7 m
02	BỂ THIỂU KHÍ	B02	L x B x H = 1,0 x 1,0 x 2,7 m
03	BỂ HƯỠ KHÍ	B03	L x B x H = 3,0 x 1,2 x 2,7 m
04	BỂ CHỨA BÓN	B04	L x B x H = 1,55 x 0,8 x 2,7 m
05	BỂ KHỬ TRÙNG	B05	L x B x H = 1,5 x 0,8 x 2,7 m
06	NHÀ ĐIỀU HÀNH	NEH	L x B x H = 2,5 x 2,5 x 2,8 m

CHỦ BẢO TỬ DYESTOR	
NHÀ MÁY GẠCH NGÓI LÔNG NGUYỄN	
ĐỊA CHỈ TX. BẾN CÁT, BẾN ĐƯƠNG	
GIÁM ĐỐC DIRECTOR	
BỘN VỊ THỰC HIỆN CONTRACTOR	
CÔNG TY TNHH TM-DV ĐẠI THIÊN MỘC	
P. TRƯỞNG LƯU TỬ. TRƯỞNG BẢO TỬ	
GIÁM ĐỐC DIRECTOR	CÔNG TY THANH MỸ
LÊ THỊ NGUYỄN	
QUẢN LÝ KỸ AUDITTED BY	Ka. LÊ THỊ NGUYỄN
THIẾT KẾ DESIGNED BY	Ka. NGUYỄN TIẾN TUẤN
KIỂM TRA CHECKED BY	Ka. LÊ TRUNG HIẾU
VẼ DRAWN BY	Ka. MÙI GIA VU
CÔNG TRÌNH PROJECT	HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT CAPACITY	20 M ³ /NGÀY
ĐỊA ĐIỂM LOCATION	THỊ XÃ BẾN CÁT
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH DRAWING TARGET	
BỘN CÔNG	
HẠNG MỤC ITEM	TÊN BẢN VẼ DRAWING NAME

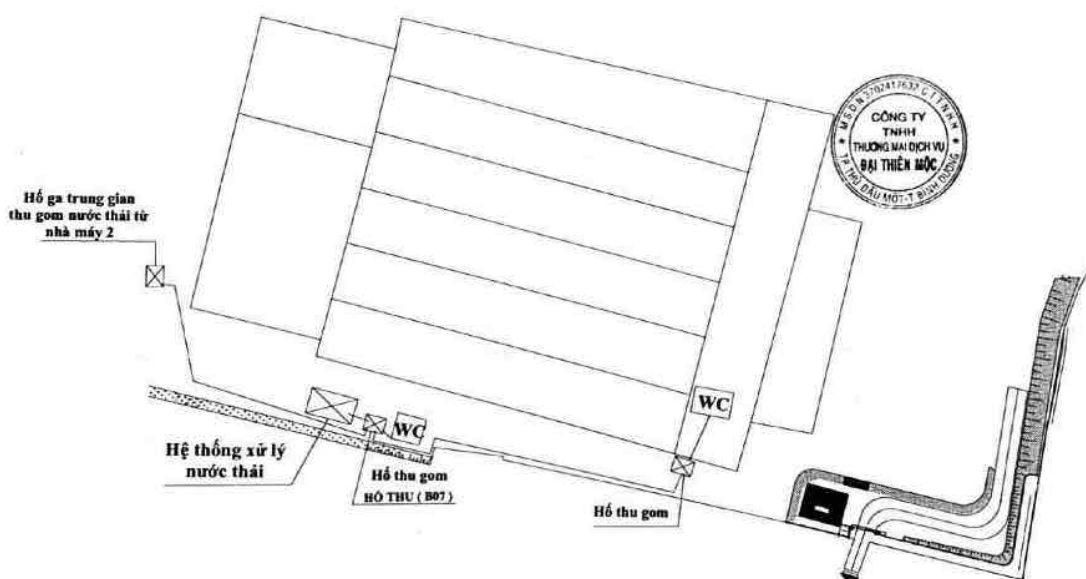
MẶT BẰNG SƠ ĐỒ THU GOM NƯỚC THẢI



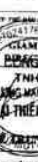
GHI CHÚ

Đoạn đường ống cắt bê tông,
chôn ống thép Ø76

Đoạn đường ống đào đất,
chôn ống nhựa uPVC Ø 60



PRODUCED BY AN AUTODESK STUDENT VERSION

CHỦ ĐẦU TƯ INVESTOR	
NHÀ MÁY GẠCH NGỒI NGUYỄN LONG	
TX. BẾN CÁT - T. BÌNH DƯƠNG	
GIÁM ĐỐC DIRECTOR	
BÊN VỊ THỰC HIỆN CONTRACTOR	
CÔNG TY TNHH TM-VN ĐẠI THIÊN MỘC	
7 PHẠM LUYỆN, T. CHÂU ĐÀNG, P. BÌNH PHƯỚC	
	
QUẢN LÝ KỸ SUPERVISOR BY	K. L. TRUNG HIỆU
THIẾT KẾ DESIGNED BY	K. T. T. TRẦN NAM
KIỂM TRA CHECKED BY	K. L. TRUNG HIỆU
VẼ DRAWING BY	K. T. T. TRẦN NAM
CÔNG TRÌNH PROJECT	
HỆ THỐNG XÂY LẬP NƯỚC THẢI	
CÔNG SUẤT CAPACITY	
ĐỊA ĐIỂM LOCATION	
TX. BẾN CÁT - T. BÌNH DƯƠNG	
HẠNG MỤC ITEM	TÊN BẢNG VẼ DRAWING NAME
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH DRAWING TARGET	
☒ THIẾT KẾ SƠ BỘ (CONCEPT DESIGN)	
☐ THIẾT KẾ CHI TIẾT (DETAIL DESIGN)	
☐ THẨM Duyệt APPROVED	
☐ BÀN CÔNG REDUCION	
TITLE SCALE	KÊNH DRAWING IN.
NGÀY DATE	TH. M.



**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514



21/03/2023

1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 140323

Đơn vị: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG - NM GẠCH
NGÔI LONG NGUYÊN**

Địa chỉ: Ấp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương

Tên mẫu: Không khí

Số lượng: 01 mẫu

Ký hiệu mẫu:

- KK.140323.082: Không khí xung quanh

Ngày lấy mẫu: 14/03/2023

Thời gian thử nghiệm: 14/03 – 21/03/2023

Kết quả thử nghiệm:

T	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 05:2013/ BTNMT	QCVN 26:2010/ BTNMT	QCVN 06:2009 /BTNMT
Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	31,4	--	--	--
Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	64,8	--	--	--
Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	62,7	--	70 (6 – 21h)	--
Bụi	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,21	0,3	--	--
SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,085	0,35	--	--
NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,070	0,2	--	--
CO	mg/m ³	HDPP-60	5,49	30	--	--
HF	mg/m ³	NIOSH Method 7906	KPH	--	--	0,02

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Công Trí



Giám đốc

ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;

Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.

(c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

PTN/Số: 2023.03.14/PT102

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

 1. Tên khách hàng: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG - NM GẠCH NGÔI LONG NGUYÊN**

Ấp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương

2. Loại mẫu: Không khí

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Phương pháp lấy mẫu
KK01	Không khí xung quanh	NIOSH Method 7906

3. Ngày nhận mẫu: 14/03/2023

Ngày trả kết quả: 21/03/2023

4. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm
01	HF(*)	mg/m ³	NIOSH Method 7906

5. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 06:2009/BTNMT
01	HF(*)	mg/m ³	KPH	0,02

Ghi chú:

(*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử.

Thời gian lưu mẫu: 5 ngày (mẫu nước) kể từ ngày trả kết quả.

Phòng thí nghiệm



Nguyễn Thị Trang



Nguyễn Thùy Diễm



**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514



21/03/2023

g: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 140323

- Đơn vị: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG - NM GẠCH NGÓI LONG NGUYÊN**
- Địa chỉ: **Ấp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương**
- Tên mẫu: **Không khí** Số lượng: **01 mẫu**
- Ký hiệu mẫu:
 - **KK.140323.083: KV ra lò**
- Ngày lấy mẫu: **14/03/2023** Thời gian thử nghiệm: **14/03 – 21/03/2023**
- Kết quả thử nghiệm:

TT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 24:2016/ BYT	QCVN 02:2019/ BYT
1	Tiếng ồn	dBA — TCVN 7878-2:2018	76,4	≤ 85	--
2	Bụi	mg/m ³ — TCVN 5067:1995	1,59	--	8

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Công Trí



ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.

(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;

(c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

7.8/01

	TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514	  
	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Mã số: 140323	

Ngày: 21/03/2023
 Trang: 1/1

Đơn vị: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG - NM GẠCH NGÔI LONG NGUYÊN**

Địa chỉ: Ấp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương

Tên mẫu: Không khí

Số lượng: 01 mẫu

Ký hiệu mẫu:

- KK.140323.084: KV xay than

Ngày lấy mẫu: 14/03/2023

Thời gian thử nghiệm: 14/03 – 21/03/2023

Kết quả thử nghiệm:

TT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 26:2016/ BYT	QCVN 24:2016/ BYT	QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 03:2019/ BYT
1	Độ ẩm %	QCVN 46:2012/BTNMT	65,2	40 – 80	--	--	--
2	Tiếng ồn dBA	TCVN 7878-2:2018	78,1	--	≤ 85	--	--
3	Bụi mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,98	--	--	8	--
4	SO ₂ mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,173	--	--	--	5
5	NO ₂ mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,159	--	--	--	5
6	CO mg/m ³	HDPP-60	6,64	--	--	--	20

P. Phòng thí nghiệm



Nguyễn Công Trí

Giám đốc
 TRUNG TÂM
 NGHIÊN CỨU
 DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ
 VÀ MÔI TRƯỜNG

ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.

Tất cả kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimecerts công nhận;

Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.

(c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.



**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514



Ngày: 21/03/2023
Số: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 140323

- Đơn vị: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG - NM GẠCH NGÔI LONG NGUYÊN**
- Địa chỉ: **Ấp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương**
- Tên mẫu: **Không khí** Số lượng: **01 mẫu**
- Ký hiệu mẫu:
 - **KK.140323.085: KV tạo hình**
- Ngày lấy mẫu: **14/03/2023** Thời gian thử nghiệm: **14/03 – 21/03/2023**
- Kết quả thử nghiệm:

TT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 26/2016/ BYT	QCVN 24:2016/ BYT	QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 03:2019/ BYT
1	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	64,2	40 – 80	--	--
2	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	74,8	--	≤ 85	--
3	Bụi	mg/m ³	TCVN 5067:1995	1,17	--	8	--
4	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,149	--	--	5
5	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,135	--	--	5
6	CO	mg/m ³	HDPP-60	5,96	--	--	20

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Công Trí



Giám đốc

ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimecerts công nhận;
(c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.



**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514



21/03/2023

g: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 140323

1. Đơn vị: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG - NM GẠCH
NGÓI LONG NGUYÊN**

2. Địa chỉ: **Ấp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương**

3. Tên mẫu: **Không khí** Số lượng: **01 mẫu**

4. Ký hiệu mẫu:

- KK.140323.086: KV lò nung

5. Ngày lấy mẫu: **14/03/2023**

Thời gian thử nghiệm: **14/03 – 21/03/2023**

6. Kết quả thử nghiệm:

TT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 24:2016/ BYT	QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 03:2019/ BYT
1	Độ ẩm %	QCVN 46:2012/BTNMT	63,5	40 – 80	--	--
2	Tiếng ồn dBA	TCVN 7878-2:2018	74,6	≤ 85	--	--
3	Bụi mg/m ³	TCVN 5067:1995	1,42	--	8	--
4	SO ₂ mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,184	--	--	5
5	NO ₂ mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,170	--	--	5
6	CO mg/m ³	HDPP-60	6,83	--	--	20

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Công Trí



ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimecerts công nhận;

Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.

(c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

7.8/01



**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514



Ngày: 21/03/2023

Trang: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 140323

1. Đơn vị: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG - NM GẠCH
NGÓI LONG NGUYÊN**

2. Địa chỉ: **Áp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương**

3. Tên mẫu: **Không khí** Số lượng: **01 mẫu**

4. Ký hiệu mẫu:

- KK.140323.087: KV lò sấy

5. Ngày lấy mẫu: **14/03/2023**

Thời gian thử nghiệm: **14/03 – 21/03/2023**

6. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 24:2016/ BYT	QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 03:2019/ BYT
1	Độ ẩm %	QCVN 46:2012/BTNMT	63,1	40 – 80	--	--
2	Tiếng ồn dBA	TCVN 7878-2:2018	68,3	≤ 85	--	--
3	Bụi mg/m ³	TCVN 5067:1995	1,62	--	8	--
4	SO ₂ mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,179	--	--	5
5	NO ₂ mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,167	--	--	5
6	CO mg/m ³	HDPP-60	6,76	--	--	20

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Công Trí



ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimecerts công nhận;

Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.

(c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.



**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 140323

Ngày: 21/03/2023

Trang: 1/1

Đơn vị: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG - NM GẠCH
NGÔI LONG NGUYÊN**

Địa chỉ: Ấp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương

Tên mẫu: Khí thải

Số lượng: 01 mẫu

Ký hiệu mẫu:

- KT. 140323.060: Khí thải ống khói lò nung và lò sấy (1)

Ngày lấy mẫu: 14/03/2023

Thời gian thử nghiệm: 14/03 – 21/03/2023

Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 19: 2009/ BTNMT Cột B
1	Nhiệt độ $^{\circ}\text{C}$	HDPP-47	98,3	--
2	Lưu lượng m^3/h	US EPA Method 2	8.469	--
3	Bụi mg/Nm^3	US EPA Method 5	142	200
4	SO_2 mg/Nm^3	HDPP-47	175	500
5	NO_2 mg/Nm^3	HDPP-47	397	850
6	CO mg/Nm^3	HDPP-47	784	1000
7	HF mg/Nm^3	US EPA Method 26	7,56	20

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Công Trí



Giám đốc

ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;

Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.

(c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

7.8/01



**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514



Ngày: 21/03/2023
Số: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 140323

- Đơn vị: CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG - NM GẠCH NGÔI LONG NGUYÊN
- Địa chỉ: Ấp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương
- Tên mẫu: Khí thải Số lượng: 01 mẫu
- Ký hiệu mẫu:
 - KT. 140323.061: Khí thải ống khói lò nung và lò sấy (2)
- Ngày lấy mẫu: 14/03/2023 Thời gian thử nghiệm: 14/03 – 21/03/2023
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 19: 2009/ BTNMT Cột B
1	Nhiệt độ $^{\circ}\text{C}$	HDPP-47	98,5	--
2	Lưu lượng m^3/h	US EPA Method 2	9.418	--
3	Bụi mg/Nm^3	US EPA Method 5	172	200
4	SO_2 mg/Nm^3	HDPP-47	196	500
5	NO_2 mg/Nm^3	HDPP-47	273	850
6	CO mg/Nm^3	HDPP-47	759	1000
7	HF mg/Nm^3	US EPA Method 26	9,41	20

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Công Trí



ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.

(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimecerts công nhận;
(c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

PTN/Số: 2023.03.14/PT102

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên khách hàng: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG - NM GẠCH NGÔI LONG NGUYÊN**

Ấp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương

2. Loại mẫu: Khí thải

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Phương pháp lấy mẫu
KT01	Khí thải ống khói lò nung và lò sấy (1)	US EPA Method 26A
KT02	Khí thải ống khói lò nung và lò sấy (2)	

3. Ngày nhận mẫu: 14/03/2023

Ngày trả kết quả: 21/03/2023

4. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm
01	HF (*)	mg/Nm ³	US EPA Method 26

5. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm		QCVN 19: 2009/ BTNMT Cột B
			KT01	KT02	
01	HF (*)	mg/Nm ³	7,56	9,41	20

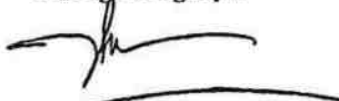
Ghi chú:

(*) : Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử.

Thời gian lưu mẫu: 5 ngày (mẫu nước) kể từ ngày trả kết quả.

Phòng thí nghiệm



Nguyễn Thị Trang



Nguyễn Thuý Diễm



**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514



Ngày: 21/03/2023
Trang: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 140323

Đơn vị: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG - NM GẠCH
NGÔI LONG NGUYÊN**

Địa chỉ: Ấp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương

Tên mẫu: Nước thải

Số lượng: 01 mẫu

Ký hiệu mẫu:

- NT.140323.075: Nước thải tại hồ gas tập trung sau HTXLNT

Ngày lấy mẫu: 14/03/2023

Thời gian thử nghiệm: 14/03 – 21/03/2023

Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	QCVN 40:2011/ BTNMT, CỘT B
1	pH	TCVN 6492:2011	6,94	5,5 – 9
2	TSS mg/L	TCVN 6625:2000	38,0	100
3	BOD ₅ mg/L	TCVN 6001-1,2:2008	30,7	50
4	COD mg/L	SMEWW 5220C:2017	56,2	150
5	Tổng Nito mg/L	TCVN 6638:2000	13,5	40
6	Tổng Phospho mg/L	TCVN 6202:2008	0,71	6
7	Tổng Coliform MPN/100 ml	TCVN 6187-2:2020	2.700	5.000

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Công Trí



Giám đốc

ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.

(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimecerts công nhận;

(c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

7.8/01

	TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM Dt: 028.39162814 Fax: 028.39162514	   VILAS 495
	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Mã số: 140323	

Ngày: 21/03/2023
 Trang: 1/1

- Đơn vị: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG - NM GẠCH NGÔI LONG NGUYÊN**
- Địa chỉ: **Ấp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương**
- Tên mẫu: **Nước ngầm** Số lượng: **01 mẫu**
- Ký hiệu mẫu:
 - NN.140323.076: Chất lượng nước ngầm
- Ngày lấy mẫu: **14/03/2023** Thời gian thử nghiệm: **14/03 – 21/03/2023**
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	QCVN 09MT:2015/ BTNMT
1	Asen	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH	0,05
2	Kẽm	mg/L	SMEWW 3111B:2012	KPH	3
3	Đồng	mg/L	SMEWW 3111B:2012	KPH	1
4	pH	--	TCVN 6492:2011	7,24	5,5 - 8,5
5	Độ màu	Pt _Co	SMEWW 2120C:2017	KPH	--
6	Độ cứng tổng	mgCaCO ₃ /l	TCVN 6224:1996	85,1	500
7	TDS	mg/L	HDPP-03	269	1.500
8	Nitrat	mg/L	US EPA Method 352.1	1,37	15
9	Sunfat	mg/L	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ E:2017	47,3	400
10	Clorua	mg/L	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2017	75,6	250

Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
 Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.

(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimecerts công nhận;
 (c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.



**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514



Ngày: 21/03/2023
Số: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 140323

STT	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	QCVN 09MT:2015/ BTNMT
11	Sắt tổng	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,93	5
12	Mangan	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH	0,5
13	Florua	mg/L	SMEWW 4500-F - B&D:2017	KPH	1
14	Coliform	MPN/100ml	TCVN 6187-2:2020	KPH	3

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Công Trí

Giám đốc

ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.

(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;

(c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.



**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 280623

Ngày: 05/07/2023
Số: 1/1

Đơn vị: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG - NM GẠCH
NGÔI LONG NGUYÊN**

Địa chỉ: Ấp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương

Tên mẫu: Không khí

Số lượng: 01 mẫu

Ký hiệu mẫu:

- KK. 280623.194: Không khí xung quanh

Ngày lấy mẫu: 28/06/2023

Thời gian thử nghiệm: 28/06 - 05/07/2023

Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 05:2013/ BTNMT	QCVN 26:2010/ BTNMT	QCVN 06:2009 /BTNMT
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT 31,7	--	--	--
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT 63,4	--	--	--
3	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018 61,8	--	70 (6 - 21h)	--
4	Bụi	mg/m ³	TCVN 5067:1995 0,25	0,3	--	--
5	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995 0,088	0,35	--	--
6	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009 0,080	0,2	--	--
7	CO	mg/m ³	HDPP-60 5,65	30	--	--
8	HF	mg/m ³	NIOSH Method 7906 KPH	--	--	0,02

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Công Trí



ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.

(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;

(c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

17.8/01

PTN/Số: 2023.06.28/PT159

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 07 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên khách hàng: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG - NM GẠCH NGÓI LONG NGUYÊN**

Áp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương

2. Loại mẫu: Không khí

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Phương pháp lấy mẫu
KK01	Không khí xung quanh	NIOSH Method 7906

3. Ngày nhận mẫu: 28/06/2023

Ngày trả kết quả: 05/07/2023

4. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm
01	HF(*)	mg/m ³	NIOSH Method 7906

5. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 06:2009/BTNMT
01	HF(*)	mg/m ³	KPH	0,02

Ghi chú:

(*) : Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử.

Thời gian lưu mẫu: 5 ngày (mẫu nước) kể từ ngày trả kết quả.

Phòng thí nghiệm



Nguyễn Thị Trang





**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514



Ngày: 05/07/2023

Trang: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 280623

- Đơn vị: CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG - NM GẠCH NGÓI LONG NGUYÊN
- Địa chỉ: Ấp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương
- Tên mẫu: Không khí Số lượng: 01 mẫu
- Ký hiệu mẫu:
 - KK. 280623.195: KV ra lò
- Ngày lấy mẫu: 28/06/2023 Thời gian thử nghiệm: 28/06 - 05/07/2023
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 24:2016/ BYT	QCVN 02:2019/ BYT
1	Tiếng ồn	dBA TCVN 7878-2:2018	73,4	≤ 85	--
2	Bụi	mg/m ³ TCVN 5067:1995	1,48	--	8

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Công Trí



ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;

Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.

(c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

7.8/01



**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514



VILAS 495

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 280623

Ngày: 05/07/2023
Số: 1/1

- Đơn vị: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG - NM GẠCH NGÔI LONG NGUYÊN**
- Địa chỉ: **Ấp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương**
- Tên mẫu: **Không khí** Số lượng: **01 mẫu**
- Ký hiệu mẫu:
 - KK. 280623.199: KV lò sấy
- Ngày lấy mẫu: **28/06/2023** Thời gian thử nghiệm: **28/06 - 05/07/2023**
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 24:2016/ BYT	QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 03:2019/ BYT	TCVSLĐ 3733/2002/ QĐ-BYT
1	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT 64,3	40 - 80	--	--	--
2	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018 67,1	≤ 85	--	--	--
3	Bụi	mg/m ³	TCVN 5067:1995 1,58	--	8	--	--
4	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995 0,172	--	--	5	--
5	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009 0,162	--	--	5	--
6	CO	mg/m ³	HDPP-60 6,55	--	--	20	--

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Công Trí



ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;

Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.

(c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.



**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM
Điện thoại: 028.39162814 Fax: 028.39162514



Ngày: 05/07/2023
Số: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 280623

- Đơn vị: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG - NM GẠCH NGÔI LONG NGUYÊN**
- Địa chỉ: Ấp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương
- Tên mẫu: Không khí Số lượng: 01 mẫu
- Ký hiệu mẫu:
 - KK. 280623.197: KV tạo hình
- Ngày lấy mẫu: 28/06/2023 Thời gian thử nghiệm: 28/06 - 05/07/2023
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 26:2016/ BYT	QCVN 24:2016/ BYT	QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 03:2019/ BYT
1	Độ ẩm %	QCVN 46:2012/BTNMT	63,4	40 - 80	--	--	--
2	Tiếng ồn dBA	TCVN 7878-2:2018	73,2	--	≤ 85	--	--
3	Bụi mg/m ³	TCVN 5067:1995	1,23	--	--	8	--
4	SO ₂ mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,150	--	--	--	5
5	NO ₂ mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,140	--	--	--	5
6	CO mg/m ³	HDPP-60	5,85	--	--	--	20

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Công Trí



ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;

Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.

(c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.



**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514



Ngày: 05/07/2023
Số: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

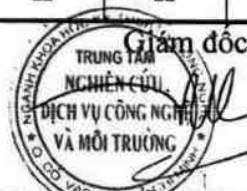
Mã số: 280623

- Đơn vị: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG - NM GẠCH NGÔI LONG NGUYÊN**
- Địa chỉ: **Áp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương**
- Tên mẫu: **Không khí** Số lượng: **01 mẫu**
- Ký hiệu mẫu:
 - KK. 280623.198: KV lò nung
- Ngày lấy mẫu: **28/06/2023** Thời gian thử nghiệm: **28/06 - 05/07/2023**
- Kết quả thử nghiệm:

ST	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 24:2016/ BYT	QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 03:2019/ BYT	TCVSLĐ 3733/2002/ QĐ-BYT
1	Độ ẩm	%	65,7	40 - 80		--	--
2	Tiếng ồn	dBA	76,2	≤ 85		--	--
3	Bụi	mg/m ³	1,50	--	8	--	--
4	SO ₂	mg/m ³	0,192	--	--	5	--
5	NO ₂	mg/m ³	0,182	--	--	5	--
6	CO	mg/m ³	6,70	--	--	20	--

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Công Trí



ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;

Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng. (c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.



**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514



05/07/2023

1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 280623

Đơn vị: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG - NM GẠCH
NGÓI LONG NGUYÊN**

Địa chỉ: Ấp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương

Tên mẫu: Không khí

Số lượng: 01 mẫu

Ký hiệu mẫu:

- KK. 280623.196: KV xây than

Ngày lấy mẫu: 28/06/2023

Thời gian thử nghiệm: 28/06 - 05/07/2023

Kết quả thử nghiệm:

TT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 26/2016/ BYT	QCVN 24/2016/ BYT	QCVN 02/2019/ BYT	QCVN 03/2019/ BYT
1	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	64,7	40 - 80	--	--
2	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	76,5	--	≤ 85	--
3	Bụi	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,95	--	8	--
4	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,178	--	--	5
5	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,170	--	--	5
6	CO	mg/m ³	HDPP-60	6,52	--	--	20

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Công Trí



Giám đốc

ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.

(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;

(c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

7.8/01

	TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514	  
	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Mã số: 280623	

Đơn vị: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG - NM GẠCH
NGÓI LONG NGUYÊN**

Địa chỉ: Ấp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương

Tên mẫu: Khí thải

Số lượng: 01 mẫu

Ký hiệu mẫu:

- KT. 280623.182: Khí thải ống khói lò nung và lò sấy (1)

Ngày lấy mẫu: 28/06/2023

Thời gian thử nghiệm: 28/06 - 05/07/2023

Kết quả thử nghiệm:

T	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 19: 2009/ BTNMT Cột B
1	Nhiệt độ $^{\circ}\text{C}$	HDPP-47	96,7	--
2	Lưu lượng m^3/h	US EPA Method 2	8.352	--
3	Bụi mg/Nm^3	US EPA Method 5	150	200
4	SO_2 mg/Nm^3	HDPP-47	148	500
5	NO_2 mg/Nm^3	HDPP-47	412	850
6	CO mg/Nm^3	HDPP-47	763	1000
7	HF mg/Nm^3	US EPA Method 26	7,40	20

P. Phòng thí nghiệm



Nguyễn Công Trí



Giám đốc

ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

Bản được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.

Ấp kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimecerts công nhận;

Điền mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.

(c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.



**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514



Ngày: 05/07/2023
Số: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 280623

Đơn vị: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG - NM GẠCH
NGÔI LONG NGUYÊN**

Địa chỉ: Ấp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương

Tên mẫu: Khí thải

Số lượng: 01 mẫu

Ký hiệu mẫu:

- KT. 280623.183: Khí thải ống khói lò nung và lò sấy (2)

Ngày lấy mẫu: 28/06/2023

Thời gian thử nghiệm: 28/06 - 05/07/2023

Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 19: 2009/ BTNMT Cột B
1	Nhiệt độ $^{\circ}\text{C}$	HDPP-47	96,7	--
2	Lưu lượng m^3/h	US EPA Method 2	9.326	--
3	Bụi mg/Nm^3	US EPA Method 5	165	200
4	SO_2 mg/Nm^3	HDPP-47	185	500
5	NO_2 mg/Nm^3	HDPP-47	262	850
6	CO mg/Nm^3	HDPP-47	795	1000
7	HF mg/Nm^3	US EPA Method 26	9,20	20

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Công Trí



Chức danh

ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.

(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimecerts công nhận;

(c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

PTN/Số: 2023.06.28/PT159

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 07 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên khách hàng: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG - NM GẠCH NGÔI LONG NGUYÊN**

Áp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương

2. Loại mẫu: Khí thải

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Phương pháp lấy mẫu
KT01	Khí thải ống khói lò nung và lò sấy (1)	US EPA Method 26A
KT02	Khí thải ống khói lò nung và lò sấy (2)	

3. Ngày nhận mẫu: 28/06/2023

Ngày trả kết quả: 05/07/2023

4. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm
01	HF (*)	mg/Nm ³	US EPA Method 26

5. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm		QCVN 19: 2009/ BTNMT Cột B
			KT01	KT02	
01	HF (*)	mg/Nm ³	7,40	9,20	20

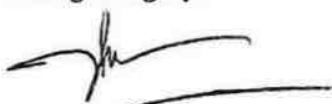
Ghi chú:

(*) : Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử.

Thời gian lưu mẫu: 5 ngày (mẫu nước) kể từ ngày trả kết quả.

Phòng thí nghiệm



Nguyễn Thị Trang



**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 280623

05/07/2023

1/1

Đơn vị: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG - NM GẠCH
NGÔI LONG NGUYÊN**

Địa chỉ: Ấp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương

Tên mẫu: Nước thải

Số lượng: 01 mẫu

Ký hiệu mẫu:

- NT. 280623.178: Nước thải tại hồ gas tập trung sau HTXLNT

Ngày lấy mẫu: 28/06/2023

Thời gian thử nghiệm: 28/06 - 05/07/2023

Kết quả thử nghiệm:

TT	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	QCVN 40:2011/ BTNMT, CỘT B
1	pH	TCVN 6492:2011	6,85	5,5 – 9
2	TSS mg/L	TCVN 6625:2000	37,0	100
3	BOD ₅ mg/L	TCVN 6001-1,2:2008	29,8	50
4	COD mg/L	SMEWW 5220C:2017	54,7	150
5	Tổng Nito mg/L	TCVN 6638:2000	12,8	40
6	Tổng Phospho mg/L	TCVN 6202:2008	0,78	6
7	Tổng Coliform MPN/100 ml	TCVN 6187-2:2020	2.500	5.000

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Công Trí



ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.

(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;

(c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.



**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514



VILAS 495

05/07/2023

1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 280623

Đơn vị: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG - NM GẠCH
NGÔI LONG NGUYÊN**

Địa chỉ: Ấp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương

Tên mẫu: Nước ngầm

Số lượng: 01 mẫu

Ký hiệu mẫu:

- NN. 280623.179: Chất lượng nước ngầm

Ngày lấy mẫu: 28/06/2023

Thời gian thử nghiệm: 28/06 - 05/07/2023

Kết quả thử nghiệm:

TT	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	QCVN 09MT:2015/ BTNMT
1	Asen	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH	0,05
2	Kẽm	mg/L	SMEWW 3111B:2012	KPH	3
3	Đồng	mg/L	SMEWW 3111B:2012	KPH	1
4	pH	--	TCVN 6492:2011	7,18	5,5 - 8,5
5	Độ màu	Pt _Co	SMEWW 2120C:2017	KPH	--
6	Độ cứng tổng	mgCaCO ₃ /l	TCVN 6224:1996	83,4	500
7	TDS	mg/L	HDPP-03	252	1.500
8	Nitrat	mg/L	US EPA Method 352.1	1,26	15
9	Sunfat	mg/L	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ E:2017	45,6	400
10	Clorua	mg/L	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2017	73,8	250

Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.

(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;

(c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

7.8/01



**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514



5/07/2023

1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 280623

THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	QCVN 09MT:2015/ BTNMT
Sắt tổng	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,95	5
Mangan	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH	0,5
Florua	mg/L	SMEWW 4500-F - B&D:2017	KPH	1
Coliform	MPN/100ml	TCVN 6187-2:2020	KPH	3

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Công Trí

Giám đốc

ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

Ông được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.

Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

Mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.

(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;

(c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

5/01



**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514



12/09/2023

1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 050923

Đơn vị: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG - NM GẠCH
NGÔI LONG NGUYÊN**

Địa chỉ: Ấp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương

Tên mẫu: Không khí

Số lượng: 01 mẫu

Ký hiệu mẫu:

- KK. 050923.025: Không khí xung quanh

Ngày lấy mẫu: 05/09/2023

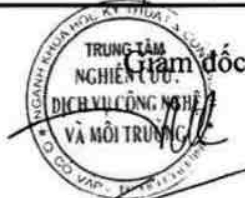
Thời gian thử nghiệm: 05/09 - 12/09/2023

Kết quả thử nghiệm:

TT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 05:2023/ BTNMT	QCVN 26:2010/ BTNMT
1	Nhiệt độ °C	QCVN 46:2012/BTNMT	31,4	--	--
2	Độ ẩm %	QCVN 46:2012/BTNMT	64,2	--	--
3	Tiếng ồn dBA	TCVN 7878-2:2018	62,3	--	70 (6 - 21h)
4	Bụi mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,253	0,3	--
5	SO ₂ mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,090	0,35	--
6	NO ₂ mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,082	0,2	--
7	CO mg/m ³	HDPP-60	5,75	30	--
8	HF mg/m ³	NIOSH Method 7906	KPH	0,02	--

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Công Trí



ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

Thông được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.

Mọi kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

Trên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.

(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimecerts công nhận;

(c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

PTN/Số: 2023.09.05/PT048

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

 1. Tên khách hàng: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG - NM GẠCH NGÔI LONG NGUYÊN**

Ấp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương

2. Loại mẫu: Không khí

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Phương pháp lấy mẫu
KK01	Không khí xung quanh	NIOSH Method 7906

3. Ngày nhận mẫu: 05/09/2023

Ngày trả kết quả: 12/09/2023

4. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm
01	HF(*)	mg/m ³	NIOSH Method 7906

5. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 05:2023/ BTNMT
01	HF(*)	mg/m ³	KPH	0,02

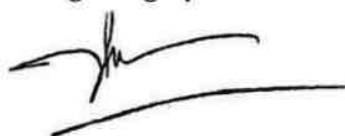
Ghi chú:

(*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử.

Thời gian lưu mẫu: 5 ngày (mẫu nước) kể từ ngày trả kết quả.

Phòng thí nghiệm



Nguyễn Thị Trang



**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 050923

12/09/2023

1/1

Đơn vị: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG - NM GẠCH
NGÔI LONG NGUYÊN**

Địa chỉ: Ấp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương

Tên mẫu: Không khí

Số lượng: 01 mẫu

Ký hiệu mẫu:

- KK. 050923.026: KV ra lò

Ngày lấy mẫu: 05/09/2023

Thời gian thử nghiệm: 05/09 - 12/09/2023

Kết quả thử nghiệm:

TT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 24:2016/ BYT	QCVN 02:2019/ BYT	
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	71,8	≤ 85	--
2	Bụi	mg/m ³	TCVN 5067:1995	1,42	--	8

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Công Trí

Giám đốc
TRUNG TÂM
NGHIÊN CỨU
DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ
VÀ MÔI TRƯỜNG
ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

Mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.

(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;
(c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

2/01



**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**
Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514




12/09/2023

1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 050923

Đơn vị: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG - NM GẠCH NGÓI LONG NGUYÊN**

Địa chỉ: **Áp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương**

Tên mẫu: **Không khí**

Số lượng: **01 mẫu**

Ký hiệu mẫu:

- KK. 050923.030: KV lò sấy

Ngày lấy mẫu: **05/09/2023**

Thời gian thử nghiệm: **05/09 - 12/09/2023**

Kết quả thử nghiệm:

T	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 24:2016/ BYT	QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 03:2019/ BYT
	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	63,1	40 - 80	--
	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7378-2:2018	65,5	≤ 85	--
	Bụi	mg/m ³	TCVN 5067:1995	1,54	8	--
	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,176	--	5
	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,166	--	5
	CO	mg/m ³	HDPP-60	6,48	--	20

P. Phòng thí nghiệm



Nguyễn Công Trí



ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

Được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.

Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

Nếu mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.

(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimecerts công nhận;

(c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.



**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**
Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514





2/09/2023

1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 050923

Đơn vị: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG - NM GẠCH
NGÓI LONG NGUYÊN**

Địa chỉ: Ấp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương

Tên mẫu: Không khí

Số lượng: 01 mẫu

Ký hiệu mẫu:

- KK. 050923.028: KV tạo hình

Ngày lấy mẫu: 05/09/2023

Thời gian thử nghiệm: 05/09 - 12/09/2023

Kết quả thử nghiệm:

THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 26/2016/ BYT	QCVN 24/2016/ BYT	QCVN 02/2019/ BYT	QCVN 03/2019/ BYT
Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT 64,5	40 - 80	--	--	--
Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018 72,7	--	≤ 85	--	--
Bụi	mg/m ³	TCVN 5067:1995 1,18	--	--	8	--
SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995 0,158	--	--	--	5
NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009 0,148	--	--	--	5
CO	mg/m ³	HDPP-60 5,92	--	--	--	20

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Công Trí

ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

ng được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.

(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimecerts công nhận;

(c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 050923

Đơn vị: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG - NM GẠCH
NGÓI LONG NGUYÊN**

Địa chỉ: Ấp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương

Tên mẫu: Không khí

Số lượng: 01 mẫu

Ký hiệu mẫu:

- KK. 050923.029: KV lò nung

Ngày lấy mẫu: 05/09/2023

Thời gian thử nghiệm: 05/09 - 12/09/2023

Kết quả thử nghiệm:

THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 24:2016/ BYT	QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 03:2019/ BYT
Độ ẩm	%	66,7	40 - 80	--	--
Tiếng ồn	dBA	74,3	≤ 85	--	--
Bụi	mg/m ³	1,45	--	8	--
SO ₂	mg/m ³	0,195	--	--	5
NO ₂	mg/m ³	0,185	--	--	5
CO	mg/m ³	6,75	--	--	20

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Công Tri

ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

Được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.

Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

Thời hạn lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

Mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.

(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;

(c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.



**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514



12/09/2023

1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 050923

Đơn vị: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG - NM GẠCH
NGÓI LONG NGUYÊN**

Địa chỉ: Ấp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương

Tên mẫu: Không khí

Số lượng: 01 mẫu

Ký hiệu mẫu:

- KK. 050923.027: KV xay than

Ngày lấy mẫu: 05/09/2023

Thời gian thử nghiệm: 05/09 - 12/09/2023

Kết quả thử nghiệm:

THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 26/2016/ BYT	QCVN 24:2016/ BYT	QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 03:2019/ BYT
Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	65,5	40 - 80	--	--
Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	74,6	--	≤ 85	--
Bụi	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,92	--	8	--
SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,180	--	--	5
NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,172	--	--	5
CO	mg/m ³	HDPP-60	6,65	--	--	20

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Công Trí

Giám đốc
TRUNG TÂM
NGHIÊN CỨU
DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ
VÀ MÔI TRƯỜNG

ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

g được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.

ết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

nếu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.

(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;

(c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 050923

12/09/2023

1/1

Đơn vị: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG - NM GẠCH
NGÔI LONG NGUYÊN**

Địa chỉ: Ấp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương

Tên mẫu: Khí thải

Số lượng: 01 mẫu

Ký hiệu mẫu:

- KT. 050923.031: Khí thải ống khói lò nung và lò sấy (1)

Ngày lấy mẫu: 05/09/2023

Thời gian thử nghiệm: 05/09 - 12/09/2023

Kết quả thử nghiệm:

T	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 19: 2009/ BTNMT Cột B
	Nhiệt độ $^{\circ}\text{C}$	HDPP-47	98,3	—
	Lưu lượng m^3/h	US EPA Method 2	8.455	—
	Bụi mg/Nm^3	US EPA Method 5	158	200
	SO_2 mg/Nm^3	HDPP-47	162	500
	NO_2 mg/Nm^3	HDPP-47	434	850
	CO mg/Nm^3	HDPP-47	750	1000
	HF mg/Nm^3	US EPA Method 26	7,32	20

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Công Trí



Giám đốc

ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

Được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.

Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

Mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.

(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;
(c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.



**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514



12/09/2023

1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 050923

Đơn vị: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG - NM GẠCH
NGÔI LONG NGUYÊN**

Địa chỉ: Ấp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương

Tên mẫu: Khí thải

Số lượng: 01 mẫu

Ký hiệu mẫu:

- KT. 050923.032: Khí thải ống khói lò nung và lò sấy (2)

Ngày lấy mẫu: 05/09/2023

Thời gian thử nghiệm: 05/09 - 12/09/2023

Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 19: 2009/ BTNMT Cột B
1	Nhiệt độ °C	HDPP-47	94,5	--
2	Lưu lượng m ³ /h	US EPA Method 2	9.210	--
3	Bụi mg/Nm ³	US EPA Method 5	159	200
4	SO ₂ mg/Nm ³	HDPP-47	176	500
5	NO ₂ mg/Nm ³	HDPP-47	282	850
6	CO mg/Nm ³	HDPP-47	810	1000
7	HF mg/Nm ³	US EPA Method 26	9,35	20

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Công Trí



ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

Kết quả thử nghiệm này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. (a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;

Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả. (c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

Trong mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.

8/01

PTN/Số: 2023.09.05/PT048

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

 1. Tên khách hàng: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG - NM GẠCH NGÔI LONG NGUYÊN**

Ấp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương

2. Loại mẫu: Khí thải

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Phương pháp lấy mẫu
KT01	Khí thải ống khói lò nung và lò sấy (1)	US EPA Method 26A
KT02	Khí thải ống khói lò nung và lò sấy (2)	

3. Ngày nhận mẫu: 05/09/2023

Ngày trả kết quả: 12/09/2023

4. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm
01.	HF (*)	mg/Nm ³	US EPA Method 26

5. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm		QCVN 19: 2009/ BTNMT Cột B
			KT01	KT02	
01	HF (*)	mg/Nm ³	7,32	9,35	20

Ghi chú:

(*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử.

Thời gian lưu mẫu: 5 ngày (mẫu nước) kể từ ngày trả kết quả.

Phòng thí nghiệm



Nguyễn Thị Trang



Nguyễn Thủy Diễm

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 050923

Đơn vị: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG - NM GẠCH
GÓI LONG NGUYÊN**

Địa chỉ: **Áp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương**

Loại mẫu: **Nước thải**

Số lượng: **01 mẫu**

Yêu cầu hiệu mẫu:

- NT. 050923.033: Nước thải tại hồ gas tập trung sau HTXLNT

Ngày lấy mẫu: **05/09/2023**

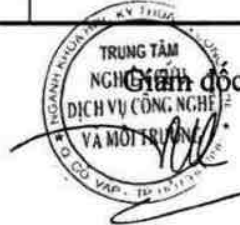
Thời gian thử nghiệm: **05/09 - 12/09/2023**

Kết quả thử nghiệm:

THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	QCVN 40:2011/ BTNMT, CỘT B
pH	TCVN 6492:2011	6,92	5,5 – 9
TSS mg/L	TCVN 6625:2000	35,0	100
BOD ₅ mg/L	TCVN 6001-1,2:2008	27,7	50
COD mg/L	SMEWW 5220C:2017	52,3	150
Tổng Nito mg/L	TCVN 6638:2000	11,4	40
Tổng Phospho mg/L	TCVN 6202:2008	0,75	6
Tổng Coliform MPN/100 ml	TCVN 6187-2:2020	2.300	5.000

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Công Trí



ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

Được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.

Quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

Thời hạn mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

Đơn vị khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.

(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;

(c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 050923

02/09/2023

/1

Đơn vị: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG - NM GẠCH
NGÓI LONG NGUYÊN**

Địa chỉ: Ấp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương

Tên mẫu: Nước ngầm

Số lượng: 01 mẫu

Ký hiệu mẫu:

- NN. 050923.034: Chất lượng nước ngầm

Ngày lấy mẫu: 05/09/2023

Thời gian thử nghiệm: 05/09 - 12/09/2023

Kết quả thử nghiệm:

THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	QCVN 09:2023/BTNMT
Asen	mg/L SMEWW 3113B:2017	KPH	0,05
Kẽm	mg/L SMEWW 3111B:2012	KPH	3
Đồng	mg/L SMEWW 3111B:2012	KPH	1
pH	-- TCVN 6492:2011	7,12	5,5 - 8,5
Độ màu	Pt _Co SMEWW 2120C:2017	KPH	--
Độ cứng tổng	mgCaCO ₃ /l TCVN 6224:1996	81,3	500
TDS	mg/L HDPP-03	262	1.500
Nitrat	mg/L US EPA Method 352.1	1,30	15
Sunfat	mg/L SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ E:2017	42,5	400
Clorua	mg/L SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2017	71,3	250

Được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.

Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

Giữ mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;

Các yêu cầu ghi theo yêu cầu của khách hàng.

(c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 050923

12/09/2023
1/1

T	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	QCVN 09:2023/BTNMT
1	Sắt tổng	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,92	5
2	Mangan	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH	0,5
3	Florua	mg/L	SMEWW 4500-F - B&D:2017	KPH	1
4	Coliform	MPN/100ml	TCVN 6187-2:2020	KPH	3

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Công Trí



ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

Công được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
Giữ mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.
Mẫu, tiền khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.

- (a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;
(c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 181223

25/12/2023

1/1

Đơn vị: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG - NM GẠCH
NGÔI LONG NGUYÊN**

Địa chỉ: Ấp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương

Tên mẫu: Không khí

Số lượng: 01 mẫu

Ký hiệu mẫu:

- KK. 181223.215: Không khí xung quanh

Ngày lấy mẫu: 18/12/2023

Thời gian thử nghiệm: 18/12 - 25/12/2023

Kết quả thử nghiệm:

T	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 05:2023/ BTNMT	QCVN 26:2010/ BTNMT
	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	31,8	--
	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	65,6	--
	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	63,8	70 (6-21h)
	Bụi	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,24	0,3
	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,087	0,35
	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,077	0,2
	CO	mg/m ³	HDPP-60	5,43	30
	HF	mg/m ³	NIOSH Method 7906	KPH	0,02

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Thúy Lan



Giám đốc

ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

Chúng tôi được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.

Phiếu kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

Trên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.

(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;

(c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

8/01

STN/Số: 2023.12.18 /PT075

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 12 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên khách hàng: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG - NM GẠCH NGÔI LONG NGUYÊN**
 Ấp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương
- Loại mẫu: Không khí

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Phương pháp lấy mẫu
KK01	Không khí xung quanh	NIOSH Method 7906

3. Ngày nhận mẫu: 18/12/2023

Ngày trả kết quả: 25/12/2023

4. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm
01	HF(°)	mg/m ³	NIOSH Method 7906

5. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 05:2023/ BTNMT
01	HF(°)	mg/m ³	KPH	0,02

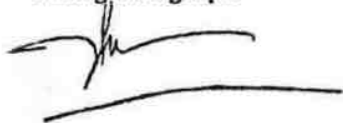
Ghi chú:

(*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử.

Thời gian lưu mẫu: 5 ngày (mẫu nước) kể từ ngày trả kết quả.

Phòng thí nghiệm



Nguyễn Thị Trang



Nguyễn Thùy Diễm

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 181223

Ngày: 25/12/2023

Trang: 1/1

1. Đơn vị: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG - NM GẠCH
NGÓI LONG NGUYÊN**

2. Địa chỉ: **Ấp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương**

3. Tên mẫu: **Không khí**

Số lượng: **01 mẫu**

4. Ký hiệu mẫu:

- KK.181223.216: KV ra lò

5. Ngày lấy mẫu: **18/12/2023**

Thời gian thử nghiệm: **18/12 - 25/12/2023**

6. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 24:2016/ BYT	QCVN 02:2019/ BYT
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	73,6	≤ 85
2	Bụi	mg/m ³	TCVN 5067:1995	1,55	8

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Thúy Lan



Giám đốc

ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.
Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.

(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;
(c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 181223

Đơn vị: CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG - NM GẠCH
NGÔI LONG NGUYÊN

Địa chỉ: Ấp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương

Tên mẫu: Không khí

Số lượng: 01 mẫu

Ký hiệu mẫu:

- KK. 181223.217: KV xây than

Ngày lấy mẫu: 18/12/2023

Thời gian thử nghiệm: 18/12 - 25/12/2023

Kết quả thử nghiệm:

TT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 26/2016/ BYT	QCVN 24:2016/ BYT	QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 03:2019/ BYT
1	Độ ẩm %	QCVN 46:2012/BTNMT	67,8	40 - 80	--	--	--
2	Tiếng ồn dBA	TCVN 7878-2:2018	75,5	--	≤ 85	--	--
3	Bụi mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,96	--	--	8	--
4	SO ₂ mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,188	--	--	--	5
5	NO ₂ mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,178	--	--	--	5
6	CO mg/m ³	HDPP-60	6,89	--	--	--	20

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Thúy Lan



Giám đốc

ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.
(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;
(c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 181223

25/12/2023

1/1

Đơn vị: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG - NM GẠCH
NGÔI LONG NGUYÊN**

Địa chỉ: Ấp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương

Tên mẫu: Không khí

Số lượng: 01 mẫu

Ký hiệu mẫu:

- KK. 181223.218: KV tạo hình

Ngày lấy mẫu: 18/12/2023

Thời gian thử nghiệm: 18/12 - 25/12/2023

Kết quả thử nghiệm:

T	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 26/2016/ BYT	QCVN 24/2016/ BYT	QCVN 02/2019/ BYT	QCVN 03/2019/ BYT
Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	65,6	40 - 80	--	--	--
Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	73,2	--	≤ 85	--	--
Bụi	mg/m ³	TCVN 5067:1995	1,26	--	--	8	--
SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,164	--	--	--	5
NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,154	--	--	--	5
CO	mg/m ³	HDPP-60	6,12	--	--	--	20

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Thúy Lan



Giám đốc

ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

Chúng tôi được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.
(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;
(c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.
Mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.

 5/12/2023 /1	TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514	  
	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Mã số: 181223	

Đơn vị: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG - NM GẠCH NGÓI LONG NGUYÊN**

Địa chỉ: **Ấp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương**

Tên mẫu: **Không khí**

Số lượng: **01 mẫu**

Ký hiệu mẫu:

- **KK. 181223.219: KV lò nung**

Ngày lấy mẫu: **18/12/2023**

Thời gian thử nghiệm: **18/12 - 25/12/2023**

Kết quả thử nghiệm:

THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 24:2016/ BYT	QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 03:2019/ BYT
Độ ẩm	%	65,4	40 - 80	--	--
Tiếng ồn	dBA	72,3	≤ 85	--	--
Bụi	mg/m ³	1,32	--	8	--
SO ₂	mg/m ³	0,185	--	--	5
NO ₂	mg/m ³	0,175	--	--	5
CO	mg/m ³	6,63	--	--	20

P. Phòng thí nghiệm



Nguyễn Thị Thúy Lan


 Giám đốc

ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

ng được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
 kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
 gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.
 mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.

(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;
 (c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 181223

25/12/2023
1/1

Đơn vị: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG - NM GẠCH
NGÓI LONG NGUYÊN**

Địa chỉ: Ấp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương

Tên mẫu: Không khí

Số lượng: 01 mẫu

Ký hiệu mẫu:

- KK. 181223.220: KV lò sấy

Ngày lấy mẫu: 18/12/2023

Thời gian thử nghiệm: 18/12 - 25/12/2023

Kết quả thử nghiệm:

THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 24:2016/ BYT	QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 03:2019/ BYT
Độ ẩm	%	QCMV 46:2012/BTNMT	65,4	40 - 80	—
Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	66,8	≤ 85	—
Bụi	mg/m ³	TCVN 5067:1995	1,59	8	—
SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,182	—	5
NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,173	—	5
CO	mg/m ³	HDPP-60	6,55	—	20

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Thúy Lan



ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

g được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
ết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.
nẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.

(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;
(c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 181223

5/12/2023
/1

Đơn vị: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG - NM GẠCH
NGÔI LONG NGUYÊN**

Địa chỉ: Ấp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương

Tên mẫu: Khí thải

Số lượng: 01 mẫu

Ký hiệu mẫu:

- KT. 181223.221: Khí thải ống khói lò nung và lò sấy (1)

Ngày lấy mẫu: 18/12/2023

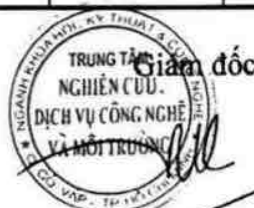
Thời gian thử nghiệm: 18/12 - 25/12/2023

Kết quả thử nghiệm:

THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 19: 2009/ BTNMT Cột B
Nhiệt độ $^{\circ}\text{C}$	HDBP-47	99,9	—
Lưu lượng m^3/h	US EPA Method 2	8.556	—
Bụi mg/Nm^3	US EPA Method 5	163	200
SO_2 mg/Nm^3	HDPP-47	187	500
NO_2 mg/Nm^3	HDPP-47	455	850
CO mg/Nm^3	HDPP-47	778	1000
HF mg/Nm^3	US EPA Method 26	7,48	20

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Thúy Lan



ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

Được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.

Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

Nếu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.

(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;

(c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 181223

25/12/2023

1/1

Đơn vị: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG - NM GẠCH
NGÔI LONG NGUYÊN**

Địa chỉ: Ấp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương

Tên mẫu: Khí thải

Số lượng: 01 mẫu

Ký hiệu mẫu:

- KT. 181223.222: Khí thải ống khói lò nung và lò sấy (2)

Ngày lấy mẫu: 18/12/2023

Thời gian thử nghiệm: 18/12 - 25/12/2023

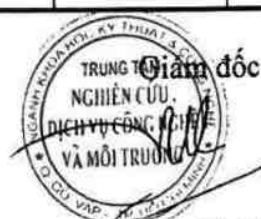
Kết quả thử nghiệm:

T	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 19: 2009/ BTNMT Cột B
	Nhiệt độ $^{\circ}\text{C}$	HDPP-47	96,7	--
	Lưu lượng m^3/h	US EPA Method 2	9.315	--
	Bụi mg/Nm^3	US EPA Method 5	163	200
	SO_2 mg/Nm^3	HDPP-47	185	500
	NO_2 mg/Nm^3	HDPP-47	298	850
	CO mg/Nm^3	HDPP-47	826	1000
	HF mg/Nm^3	US EPA Method 26	9,60	20

P. Phòng thí nghiệm

[Signature]

Nguyễn Thị Thúy Lan



ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

Được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.
(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;
(c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.
Mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.

PTN/Số: 2023.12.18 /PT076

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 12 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

 1. Tên khách hàng: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG - NM GẠCH NGÓI LONG NGUYÊN**

Ấp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương

 2. Loại mẫu: **Khí thải**

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Phương pháp lấy mẫu
KT01	Khí thải ống khói lò nung và lò sấy (1)	US EPA Method 26A
KT02	Khí thải ống khói lò nung và lò sấy (2)	

3. Ngày nhận mẫu: 18/12/2023

Ngày trả kết quả: 25/12/2023

4. Phương pháp thử nghiệm:

Số	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm
01	HF (*)	mg/Nm ³	US EPA Method 26

Kết quả thử nghiệm:

Số	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm		QCVN 19: 2009/ BTNMT Cột B
			KT01	KT02	
01	HF (*)	mg/Nm ³	7,48	9,60	20

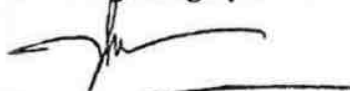
Ghi chú:

(*): Chỉ tiêu được chứng nhận VIMCERTS

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử.

Thời gian lưu mẫu: 5 ngày (mẫu nước) kể từ ngày trả kết quả.

Phòng thí nghiệm



Nguyễn Thị Trang



P. Giám đốc

Nguyễn Thùy Diễm

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 181223

Đơn vị: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG - NM GẠCH
NGÔI LONG NGUYÊN**

Địa chỉ: Ấp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương

Tên mẫu: Nước thải

Số lượng: 01 mẫu

Ký hiệu mẫu:

- NT. 181223.223: Nước thải tại hồ gas tập trung sau HTXLNT

Ngày lấy mẫu: 18/12/2023

Thời gian thử nghiệm: 18/12 - 25/12/2023

Kết quả thử nghiệm:

ST	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	QCVN 40:2011/ BTNMT, CỘT B
pH		TCVN 6492:2011	6,75	5,5 – 9
TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	37,0	100
BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1,2:2008	29,3	50
COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	55,6	150
Tổng Nito	mg/L	TCVN 6638:2000	12,3	40
Tổng Phospho	mg/L	TCVN 6202:2008	0,79	6
Tổng Coliform	MPN/100 ml	TCVN 6187-2:2020	2.600	5.000

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Thúy Lan



ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

Mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.

(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;

(c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 181223

Ngày: 25/12/2023
Số: 1/1

Đơn vị: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG - NM GẠCH
NGÓI LONG NGUYÊN**

Địa chỉ: Ấp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương

Tên mẫu: Nước ngầm

Số lượng: 01 mẫu

Ký hiệu mẫu:

- NN. 181223.224: Chất lượng nước ngầm

Ngày lấy mẫu: 18/12/2023

Thời gian thử nghiệm: 18/12 - 25/12/2023

Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	QCVN 09:2023/BTNMT
1	Asen	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH	0,05
2	Kẽm	mg/L	SMEWW 3111B:2012	KPH	3
3	Đồng	mg/L	SMEWW 3111B:2012	KPH	1
4	pH	-	TCVN 6492:2011	7,19	5,8 - 8,5
5	Độ màu	Pt _Co	SMEWW 2120C:2017	KPH	--
6	Độ cứng tổng	mgCaCO ₃ /l	TCVN 6224:1996	84,5	500
7	TDS	mg/L	HDPP-03	278	1.500
8	Nitrat	mg/L	US EPA Method 352.1	1,42	15
9	Sunfat	mg/L	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ E:2017	44,8	400
10	Clorua	mg/L	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2017	73,9	250

Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.

(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;

(c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

7/8/01

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 181223

25/12/2023

1/1

TT	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	QCVN 09:2023/BTNMT
11	Sắt tổng	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,94	5
12	Mangan	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH	0,5
13	Florua	mg/L	SMEWW 4500-F - B&D:2017	KPH	1
14	Coliform	MPN/100ml	TCVN 6187-2:2020	KPH	3

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Thủy Lan

Giám đốc

ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.
Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.

(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;
(c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

	TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514	   VILAS 495
Ngày: 27/03/2024 Số: 1/1	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Mã số: 200324	

- Đơn vị: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG –
NM GẠCH NGÔI LONG NGUYÊN**
- Địa chỉ: Ấp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương
- Tên mẫu: Không khí Số lượng: 01 mẫu
- Ký hiệu mẫu:
- KK. 200324.129: Không khí xung quanh
- Ngày lấy mẫu: 20/03/2024 Thời gian thử nghiệm: 20/03 - 27/03/2024
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 05:2023/ BTNMT	QCVN 26:2010/ BTNMT
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	31,1	--	--
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	65,5	--	--
3	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	64,2	--	70 (6 – 21h)
4	Bụi	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,27	0,3	--
5	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,096	0,35	--
6	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,087	0,2	--
7	CO	mg/m ³	HDPP-60	5,90	30	--
8	HF	mg/m ³	NIOSH Method 7906	KPH	0,02	--

P. Phòng thí nghiệm



Nguyễn Thị Thúy Lan

Giám đốc



ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả. (a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;
Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng. (c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

PTN/Số: 2024.03.20/PT063

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên khách hàng: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG - NM GẠCH NGÔI LONG NGUYÊN**

Áp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương

2. Loại mẫu: Không khí

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Phương pháp lấy mẫu
KK01	Không khí xung quanh	NIOSH Method 7906

3. Ngày nhận mẫu: 20/03/2024

Ngày trả kết quả: 27/03/2024

4. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm
01	HF(*)	mg/m ³	NIOSH Method 7906

5. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 05:2023/ BTNMT
01	HF(*)	mg/m ³	KPH	0,02

Ghi chú:

(*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts

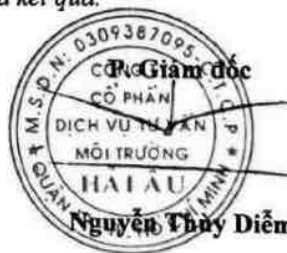
Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử.

Thời gian lưu mẫu: 5 ngày (mẫu nước) kể từ ngày trả kết quả.

Phòng thí nghiệm



Nguyễn Thị Trang





**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514



Ngày: 27/03/2024

Trang: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 200324

- Đơn vị: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG –
NM GẠCH NGÓI LONG NGUYÊN**
- Địa chỉ: Ấp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương
- Tên mẫu: Không khí Số lượng: 01 mẫu
- Ký hiệu mẫu:
 - KK. 200324.130: KV ra lò
- Ngày lấy mẫu: 20/03/2024 Thời gian thử nghiệm: 20/03 - 27/03/2024
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 24:2016/BYT	QCVN 02:2019/BYT
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	72,7	≤ 85	—
2	Bụi	mg/m ³	TCVN 5067:1995	1,47	—	8

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Thúy Lan



Giám đốc

ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.

(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimecerts công nhận;

(c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.



**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514



Ngày: 27/03/2024
Trang: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 200324

- Đơn vị: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG –
NM GẠCH NGÔI LONG NGUYÊN**
- Địa chỉ: **Ấp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương**
- Tên mẫu: **Không khí** Số lượng: **01 mẫu**
- Ký hiệu mẫu:
 - **KK. 200324.131: KV xây than**
- Ngày lấy mẫu: **20/03/2024** Thời gian thử nghiệm: **20/03 - 27/03/2024**
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 26:2016/ BYT	QCVN 24:2016/ BYT	QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 03:2019/ BYT
1	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	67,2	40 – 80	--	--	--
2	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	76,1	--	≤ 85	--	--
3	Bụi	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,98	--	--	8	--
4	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,186	--	--	--	5
5	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,178	--	--	--	5
6	CO	mg/m ³	HDPP-60	6,82	--	--	--	20

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Thúy Lan



ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vincerts công nhận;

Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.

(c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ****CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM

ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514



Ngày: 27/03/2024

Trang: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 200324

- Đơn vị: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG – NM GẠCH NGÓI LONG NGUYÊN**
- Địa chỉ: Ấp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương
- Tên mẫu: Không khí Số lượng: 01 mẫu
- Ký hiệu mẫu:
 - KK. 200324.132: KV tạo hình
- Ngày lấy mẫu: 20/03/2024 Thời gian thử nghiệm: 20/03 - 27/03/2024
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 26:2016/ BYT	QCVN 24:2016/ BYT	QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 03:2019 BYT
1	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	66,2	40 – 80	--	--	--
2	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	73,5	--	≤ 85	--	--
3	Bụi	mg/m ³	TCVN 5067:1995	1,22	--	--	8	--
4	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,162	--	--	--	5
5	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,155	--	--	--	5
6	CO	mg/m ³	HDPP-60	6,06	--	--	--	20

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Thúy Lan**ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo**

Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;

Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.

(c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.



**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514



Ngày: 27/03/2024
Trang: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 200324

- Đơn vị: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG – NM GẠCH NGÓI LONG NGUYÊN**
- Địa chỉ: **Ấp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương**
- Tên mẫu: **Không khí** Số lượng: **01 mẫu**
- Ký hiệu mẫu:
 - **KK. 200324.133: KV lò nung**
- Ngày lấy mẫu: **20/03/2024** Thời gian thử nghiệm: **20/03 - 27/03/2024**
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 26:2016/ BYT	QCVN 24:2016/ BYT	QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 03:2019/ BYT
1	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	65,1	40 – 80	--	--	--
2	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	75,7	--	≤ 85	--	--
3	Bụi	mg/m ³	TCVN 5067:1995	1,50	--	--	8	--
4	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,188	--	--	--	5
5	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,178	--	--	--	5
6	CO	mg/m ³	HDPP-60	6,56	--	--	--	20

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Thúy Lan



ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.

(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimecerts công nhận;

(c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.



**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514



Ngày: 27/03/2024
Trang: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 200324

1. Đơn vị: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG –
NM GẠCH NGÓI LONG NGUYÊN**

2. Địa chỉ: Ấp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương

3. Tên mẫu: Không khí Số lượng: 01 mẫu

4. Ký hiệu mẫu:

- KK. 200324.134: KV lò sấy

5. Ngày lấy mẫu: 20/03/2024

Thời gian thử nghiệm: 20/03 - 27/03/2024

6. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 26:2016/ BYT	QCVN 24:2016/ BYT	QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 03:2019/ BYT
1	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	64,3	40 – 80	--	--	--
2	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	67,2	--	≤ 85	--	--
3	Bụi	mg/m ³	TCVN 5067:1995	1,60	--	--	8	--
4	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,182	--	--	--	5
5	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,176	--	--	--	5
6	CO	mg/m ³	HDPP-60	6,56	--	--	--	20

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Thúy Lan

Giám đốc



ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.
Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.

(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimecerts công nhận;
(c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.



**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514



Ngày: 27/03/2024
Trang: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 200324

- Đơn vị: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG –
NM GẠCH NGÔI LONG NGUYÊN**
- Địa chỉ: Ấp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương
- Tên mẫu: Khí thải Số lượng: 01 mẫu
- Ký hiệu mẫu:
 - KT. 200324.135: Khí thải ống khói lò nung và lò sấy (1)
- Ngày lấy mẫu: 20/03/2024 Thời gian thử nghiệm: 20/03 - 27/03/2024
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 19: 2009/ BTNMT Cột B
1	Nhiệt độ °C	HDPP-47	90,4	--
2	Lưu lượng m ³ /h	US EPA Method 2	8.322	--
3	Bụi mg/Nm ³	US EPA Method 5	150	200
4	SO ₂ mg/Nm ³	HDPP-47	178	500
5	NO ₂ mg/Nm ³	HDPP-47	466	850
6	CO mg/Nm ³	HDPP-47	762	1000
7	HF mg/Nm ³	US EPA Method 26	7,44	20

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Thúy Lan



Giám đốc

ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;

Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.

(c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.



**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514



Ngày: 27/03/2024
Trang: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 200324

- Đơn vị: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG – NM GẠCH NGÔI LONG NGUYÊN**
- Địa chỉ: Ấp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương
- Tên mẫu: Khí thải Số lượng: 01 mẫu
- Ký hiệu mẫu:
 - KT. 200324.136: Khí thải ống khói lò nung và lò sấy (2)
- Ngày lấy mẫu: 20/03/2024 Thời gian thử nghiệm: 20/03 - 27/03/2024
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 19: 2009/ BTNMT Cột B
1	Nhiệt độ	°C	HDPP-47	96,5	--
2	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	9.326	--
3	Bụi	mg/Nm ³	US EPA Method 5	162	200
4	SO ₂	mg/Nm ³	HDPP-47	180	500
5	NO ₂	mg/Nm ³	HDPP-47	299	850
6	CO	mg/Nm ³	HDPP-47	856	1000
7	HF	mg/Nm ³	US EPA Method 26	9,42	20

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Thúy Lan



ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.

(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimecerts công nhận;
(c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

PTN/Số: 2024.03.20/PT064

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên khách hàng: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG - NM GẠCH NGÔI LONG NGUYÊN**
Ấp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương
2. Loại mẫu: **Khí thải**

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Phương pháp lấy mẫu
KT01	Khí thải ống khói lò nung và lò sấy (1)	US EPA Method 26A
KT02	Khí thải ống khói lò nung và lò sấy (2)	

3. Ngày nhận mẫu: 20/03/2024

Ngày trả kết quả: 27/03/2024

4. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm
01	HF (*)	mg/Nm ³	US EPA Method 26

5. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm		QCVN 19: 2009/ BTNMT Cột B
			KT01	KT02	
01	HF (*)	mg/Nm ³	7,44	9,42	20

Ghi chú:

(*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử.

Thời gian lưu mẫu: 5 ngày (mẫu nước) kể từ ngày trả kết quả.

Phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Trang

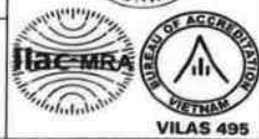






**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514



Ngày: 27/03/2024

Trang: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 200324

- Đơn vị: **CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG –
NM GẠCH NGÓI LONG NGUYÊN**
- Địa chỉ: Ấp 09, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương
- Tên mẫu: Nước ngầm Số lượng: 01 mẫu
- Ký hiệu mẫu:
 - NN. 200324.138: Chất lượng nước ngầm
- Ngày lấy mẫu: 20/03/2024 Thời gian thử nghiệm: 20/03 - 27/03/2024
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	QCVN 09:2023/BTNMT
1	Asen	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH	0,05
2	Kẽm	mg/L	SMEWW 3111B:2012	KPH	3
3	Đồng	mg/L	SMEWW 3111B:2012	KPH	1
4	pH	--	TCVN 6492:2011	7,20	5,5 - 8,5
5	Độ màu	Pt _Co	SMEWW 2120C:2017	KPH	--
6	Độ cứng tổng	mgCaCO ₃ /l	TCVN 6224:1996	84,5	500
7	TDS	mg/L	HDPP-03	276	1.500
8	Nitrat	mg/L	US EPA Method 352.1	1,44	15
9	Sunfat	mg/L	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ E:2017	43,8	400
10	Clorua	mg/L	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2017	72,5	250

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
 - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
 - Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.
 - Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- (a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;
(c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.



**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514



Ngày: 27/03/2024
Trang: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 200324

STT	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	QCVN 09:2023/BTNMT
11	Sắt tổng	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,95	5
12	Mangan	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH	0,5
13	Florua	mg/L	SMEWW 4500-F - B&D:2017	KPH	1
14	Coliform	MPN/100ml	TCVN 6187-2:2020	KPH	3

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Thúy Lan



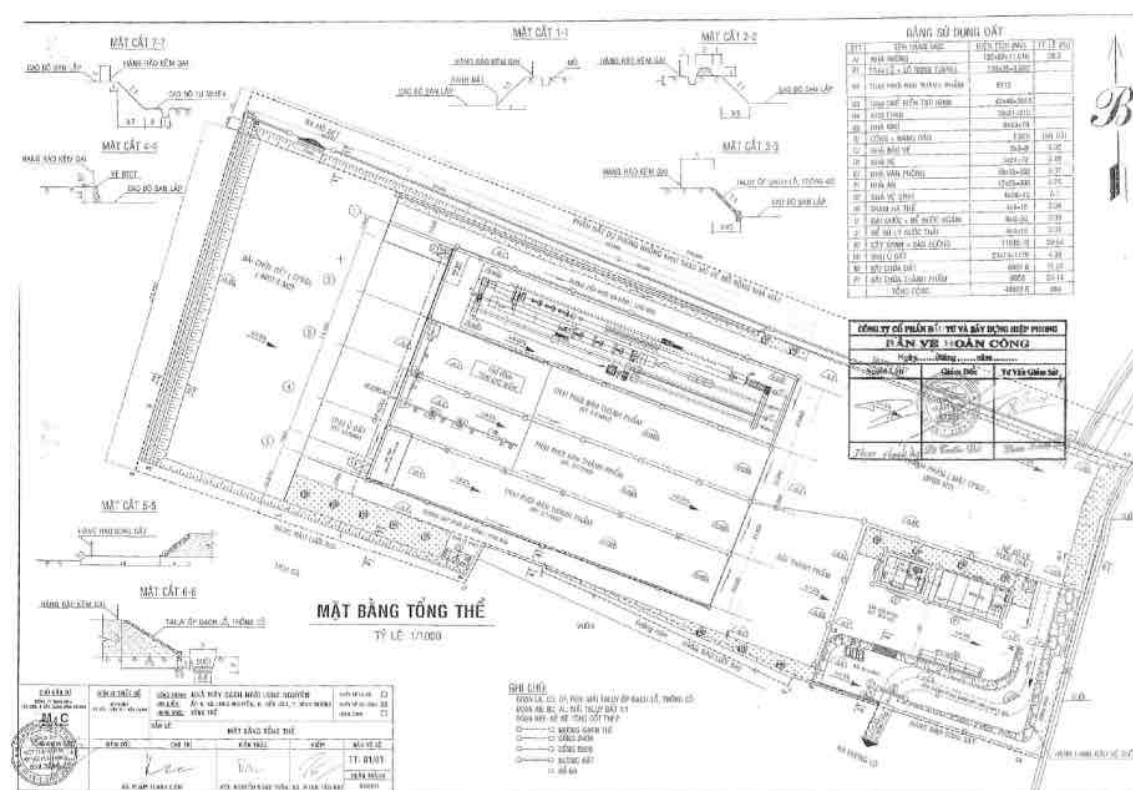
ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

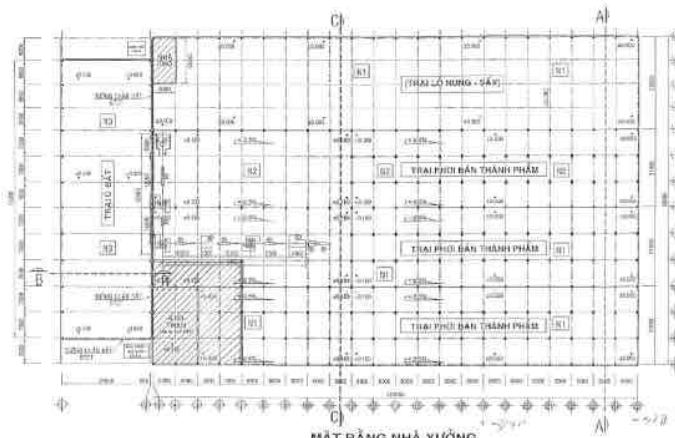
Hàng được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

Mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.

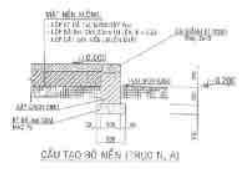
(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimecerts công nhận;
(c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.





CÔNG TY CỔ PHẦN BẮC TỰ VÀ KỸ THUẬT THIẾT KẾ		
BẢN VẼ MÔ AN CÔNG		
Ngày... tháng... năm...		
Người vẽ	Người duyệt	Tên Việt Nam

MẶT BẰNG NHÀ XƯỞNG



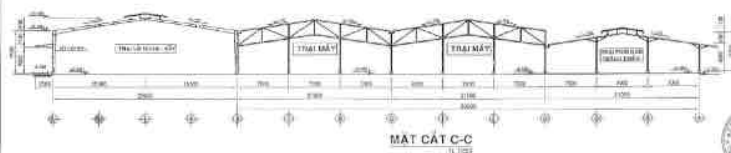
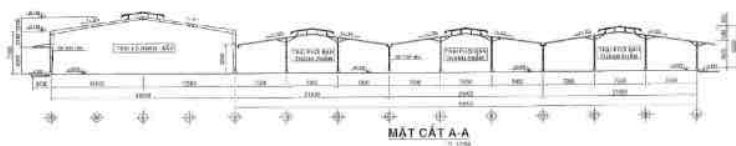
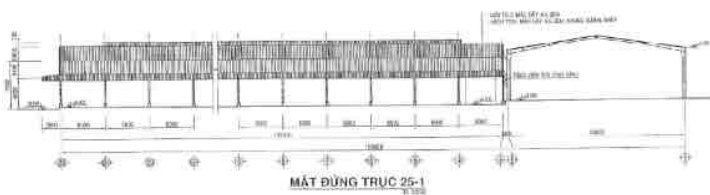
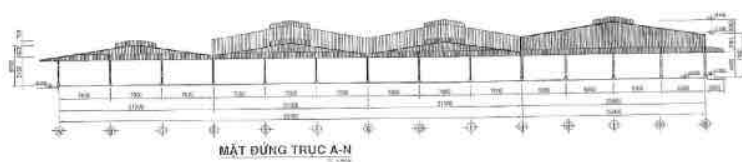
CẤU TẠO NỀN XƯỞNG

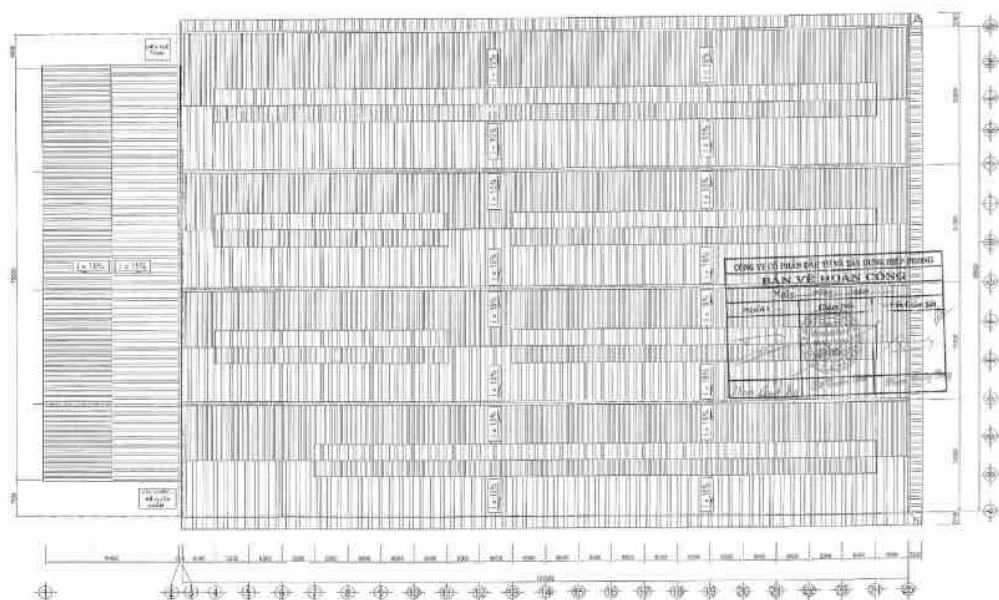
- N1** : LƯỚI MESH SỢI KÉO DẪN
- N2** : LƯỚI MESH SỢI KÉO DẪN
- N3** : LƯỚI MESH SỢI KÉO DẪN

CHỈ CHỨC

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN BẮC TỰ VÀ KỸ THUẬT THIẾT KẾ

THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	THIẾT KẾ
THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	THIẾT KẾ
THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	THIẾT KẾ
THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	THIẾT KẾ

[illegible]

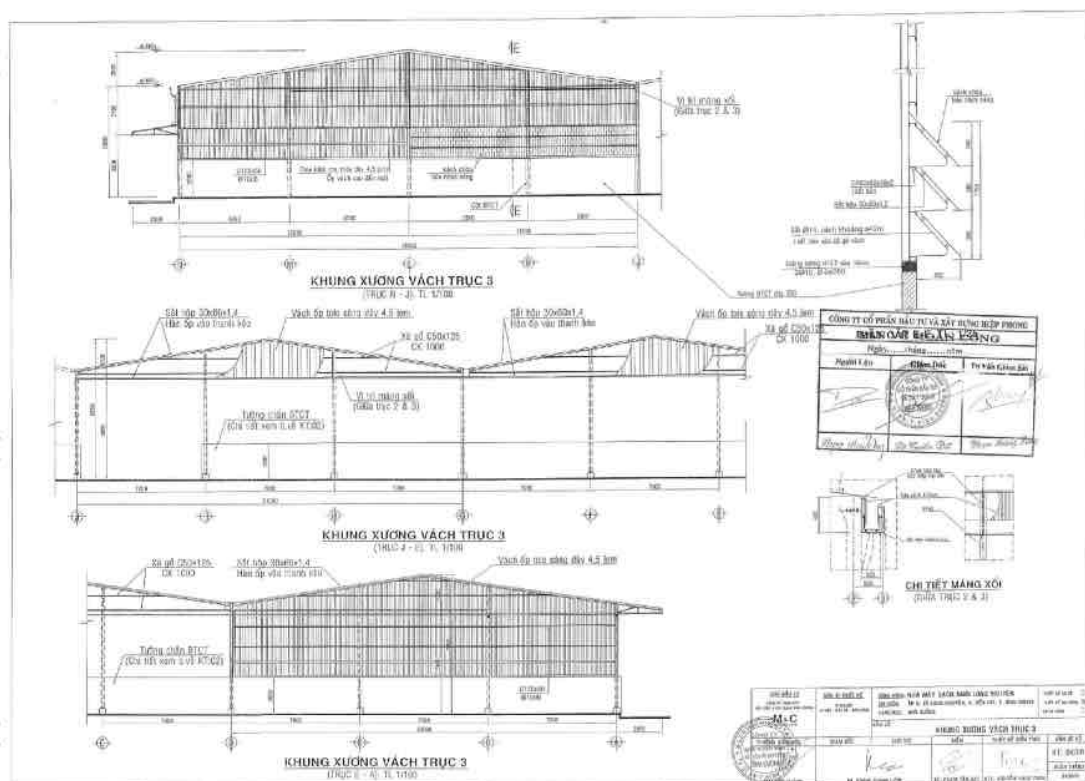


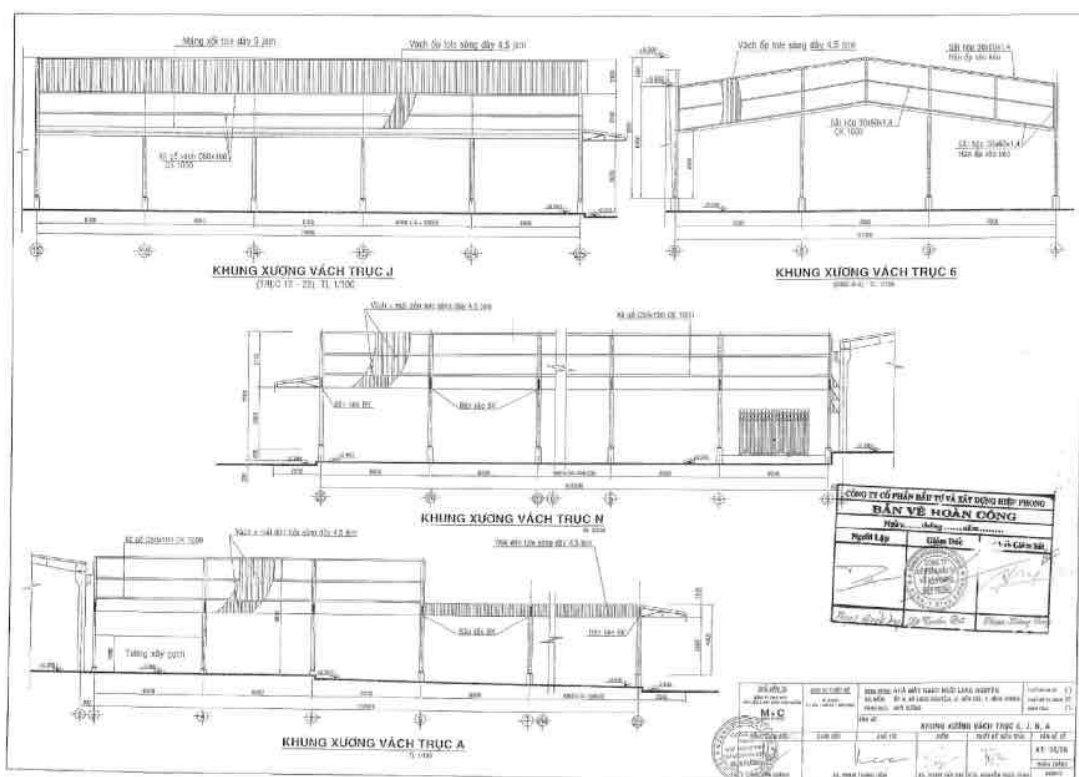
MẶT BẰNG MÃI

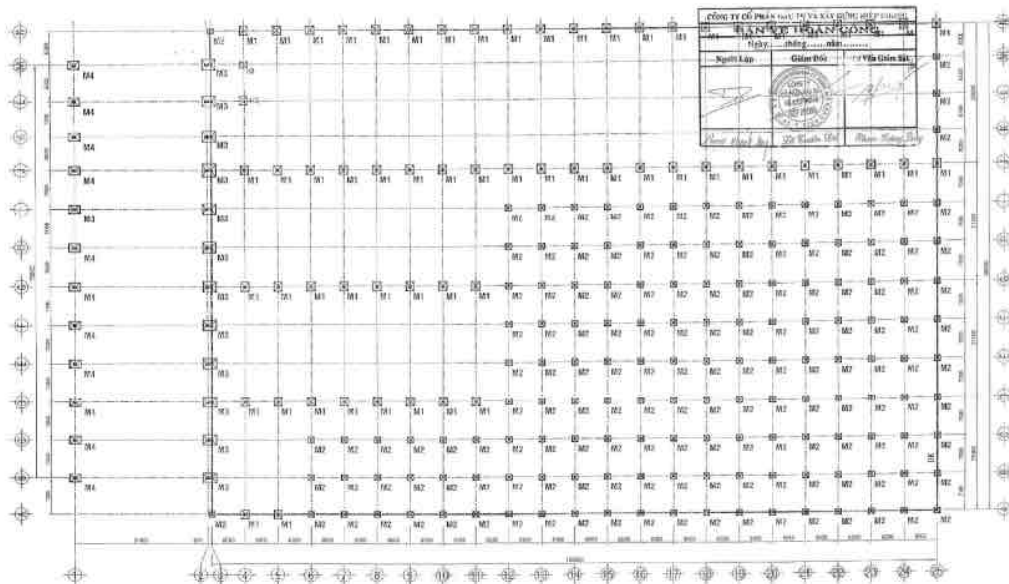
GHI CHÚ:

Mô tả: tổng hợp bằng kẽm mạ dày 4,5 μm.
 Thời gian mạ: tổng cộng sẽ tùy theo 6 μm.
 Độ dẫn điện: 2, 4, 6, 8, 10.
 Độ dẫn điện sẽ tăng khi tăng lượng mạ.
 Độ dẫn điện D92 tại mức độ cao.

HỌ TÊN QUÂN QUÂN SỐ QUÂN QUÂN ĐỘI QUÂN	HỌ TÊN LÍNH QUÂN QUÂN SỐ LÍNH QUÂN QUÂN ĐỘI LÍNH QUÂN	HỌ TÊN QUÂN QUÂN SỐ QUÂN QUÂN ĐỘI QUÂN	HỌ TÊN QUÂN QUÂN SỐ QUÂN QUÂN ĐỘI QUÂN	HỌ TÊN QUÂN QUÂN SỐ QUÂN QUÂN ĐỘI QUÂN
HỌ TÊN QUÂN QUÂN SỐ QUÂN QUÂN ĐỘI QUÂN	HỌ TÊN QUÂN QUÂN SỐ QUÂN QUÂN ĐỘI QUÂN	HỌ TÊN QUÂN QUÂN SỐ QUÂN QUÂN ĐỘI QUÂN	HỌ TÊN QUÂN QUÂN SỐ QUÂN QUÂN ĐỘI QUÂN	HỌ TÊN QUÂN QUÂN SỐ QUÂN QUÂN ĐỘI QUÂN





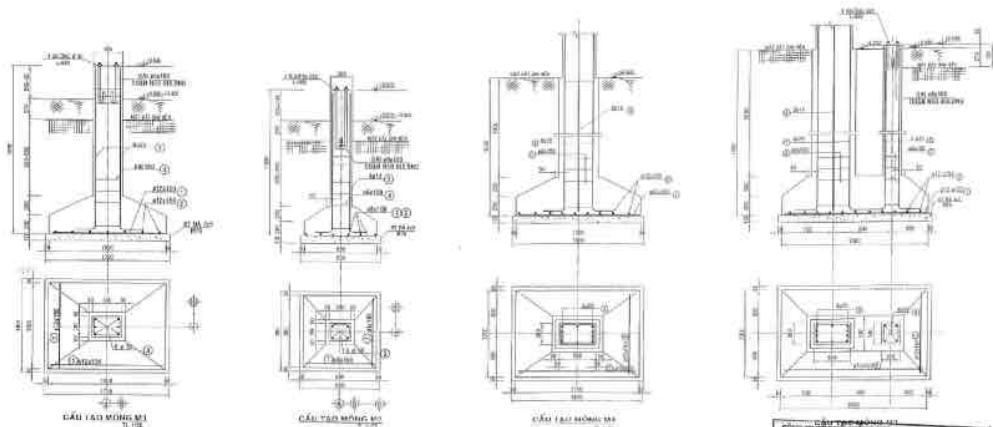


MẶT BẰNG MÓNG

GHI CHÚ:

1. MẶT BẰNG MÓNG
 2. MẶT BẰNG MÓNG
 3. MẶT BẰNG MÓNG
 4. MẶT BẰNG MÓNG
 5. MẶT BẰNG MÓNG
 6. MẶT BẰNG MÓNG
 7. MẶT BẰNG MÓNG
 8. MẶT BẰNG MÓNG
 9. MẶT BẰNG MÓNG
 10. MẶT BẰNG MÓNG
 11. MẶT BẰNG MÓNG
 12. MẶT BẰNG MÓNG
 13. MẶT BẰNG MÓNG
 14. MẶT BẰNG MÓNG

	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ XÁC ĐỊNH MẶT BẰNG MÓNG MẶT BẰNG MÓNG	NGÀY: .../.../... KÝ: ... CHỖ: ...	KÝ: ... CHỖ: ...
	KÝ: ... CHỖ: ...	KÝ: ... CHỖ: ...	KÝ: ... CHỖ: ...



DẤU TẠO MÓNG M1

CẤU TẠO MÓNG M2

CẤU TẠO MÓNG M3

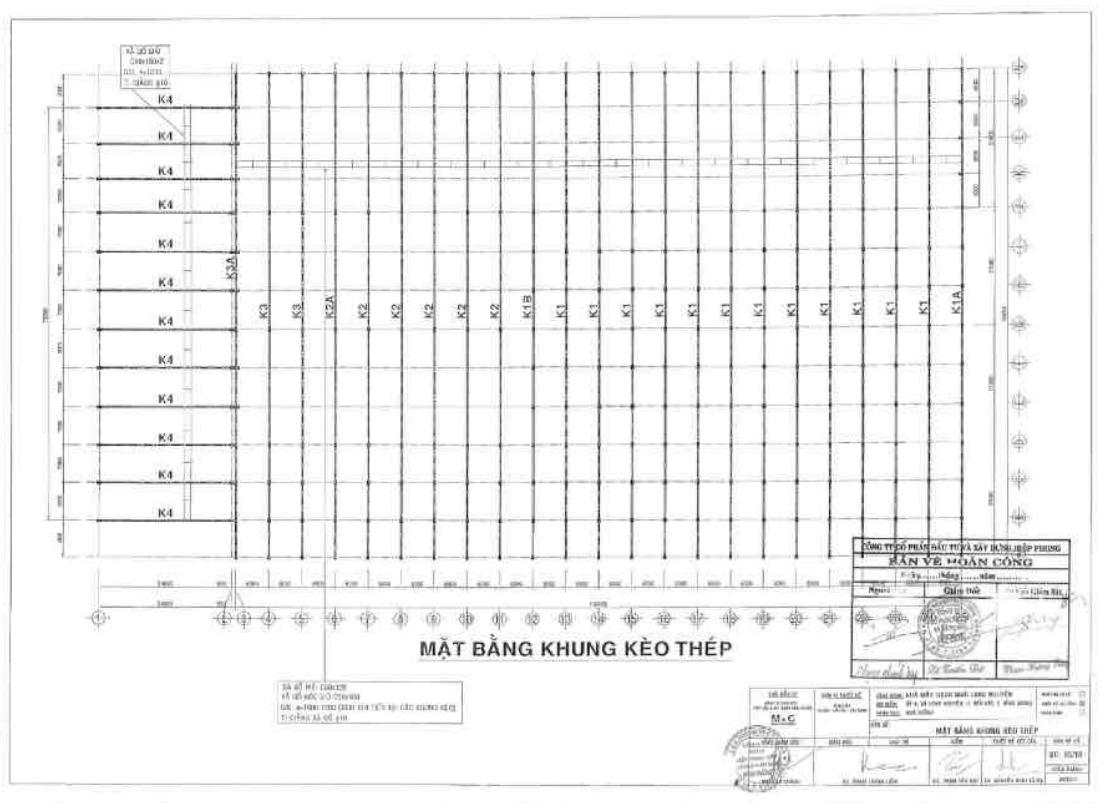
CẤU TẠO MÓNG M4

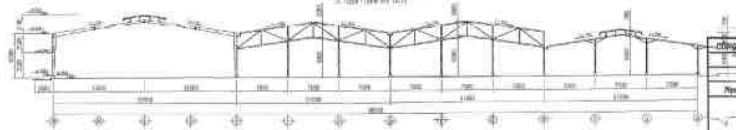
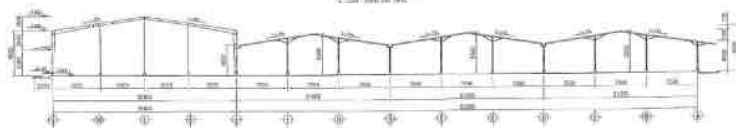
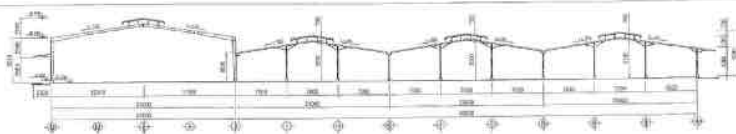
GHI CHÚ

KẾT CẤU VÀ CHỌN
THIẾT KẾ CÔNG TRÌNH (CÁI TẠO MÓNG MÓNG)
KẾP LẮP MÓNG VÀ CHỌN THIẾT KẾ CÔNG TRÌNH VÀ CHỌN THIẾT KẾ CÔNG TRÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BIỂN PHƯƠNG	
BAN VẼ HOÀN CÔNG	
Họ và tên: ...	Chức vụ: ...
Ngày: ...	
Chữ ký: ...	

HỌ TÊN: ...	CHỨC VỤ: ...	CHỮ KÝ: ...	CHỖ: ...
CHỖ TỰ SỬA: ...			
CHỖ TỰ SỬA: ...			





CÔNG TY CỔ PHẦN BẮC TỰA VÀ XÂY DỰNG VIỆT-PM2002

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

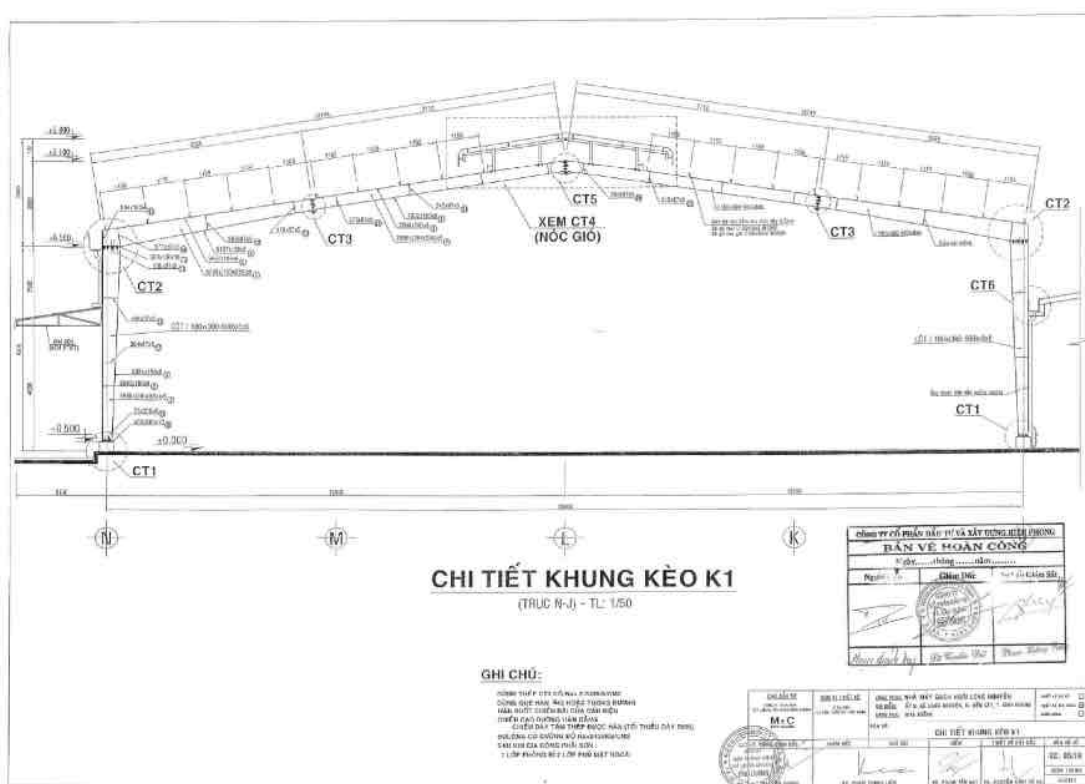
Ngày.....tháng.....năm.....

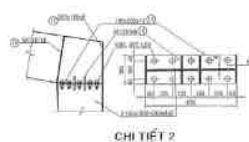
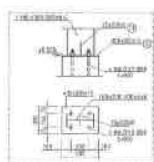
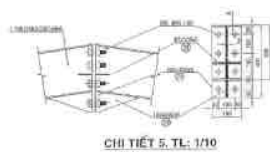
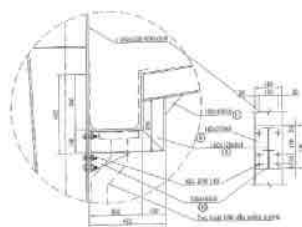
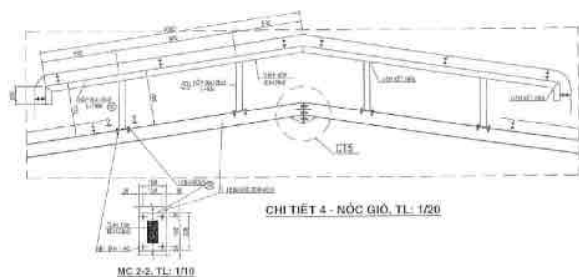
Người vẽ	Giám đốc	Tư vấn Giám sát
		
Hạng cấp vẽ	Đã hoàn công	Hạng cấp vẽ

GHI CHÚ:

NGÀY THÁNG CỬ CỐ M. - 2. HỌ TÊN NGƯỜI
 ĐÓNG KÝ HỮU QUÊ HƯỚNG TỰ THỰC HIỆN HƯỚNG
 HẠNH THỰC CHỈ ĐẠO VÀ CHỈ ĐẠO CẤP
 CHỈ ĐẠO ĐƠN VỊ HƯỚNG HẠNH HƯỚNG
 CHỈ ĐẠO HỮU QUÊ TỰ THỰC HIỆN HƯỚNG
 HẠNH HƯỚNG HỮU QUÊ HƯỚNG HỮU QUÊ
 HỮU QUÊ HỮU QUÊ HỮU QUÊ HỮU QUÊ
 HỮU QUÊ HỮU QUÊ HỮU QUÊ HỮU QUÊ

001.001.01 001.001.01 M&C 001.001.01	001.001.01 001.001.01 001.001.01	001.001.01 001.001.01 001.001.01	001.001.01 001.001.01 001.001.01
001.001.01 001.001.01 001.001.01	001.001.01 001.001.01 001.001.01	001.001.01 001.001.01 001.001.01	001.001.01 001.001.01 001.001.01

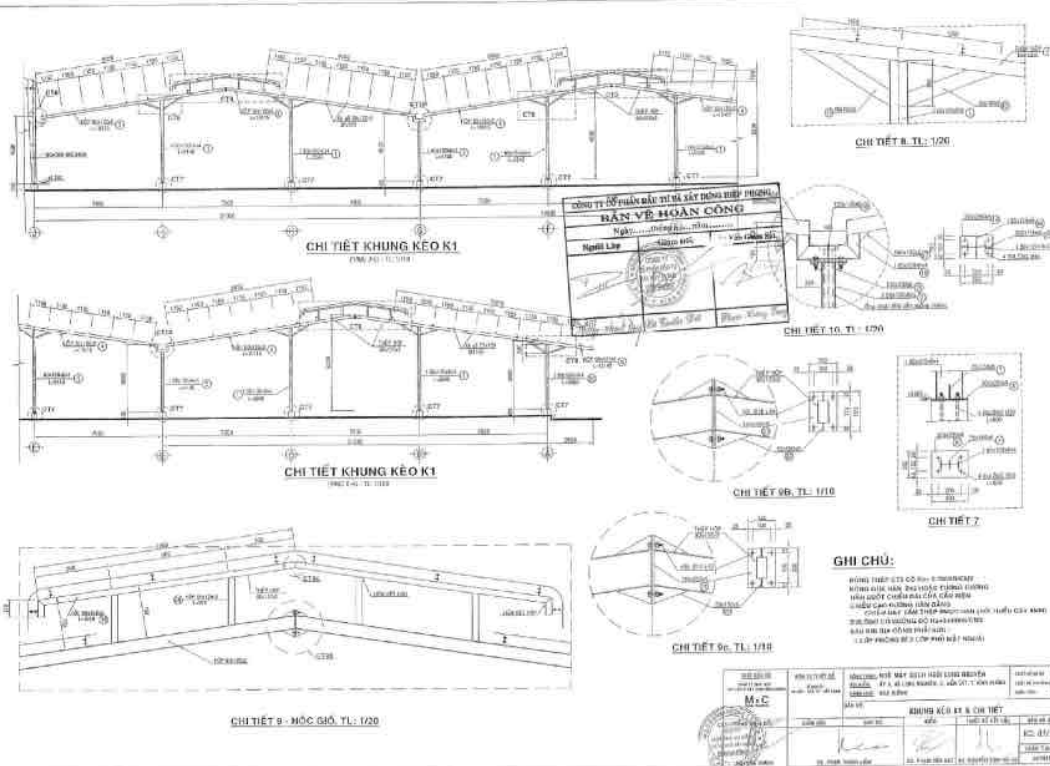


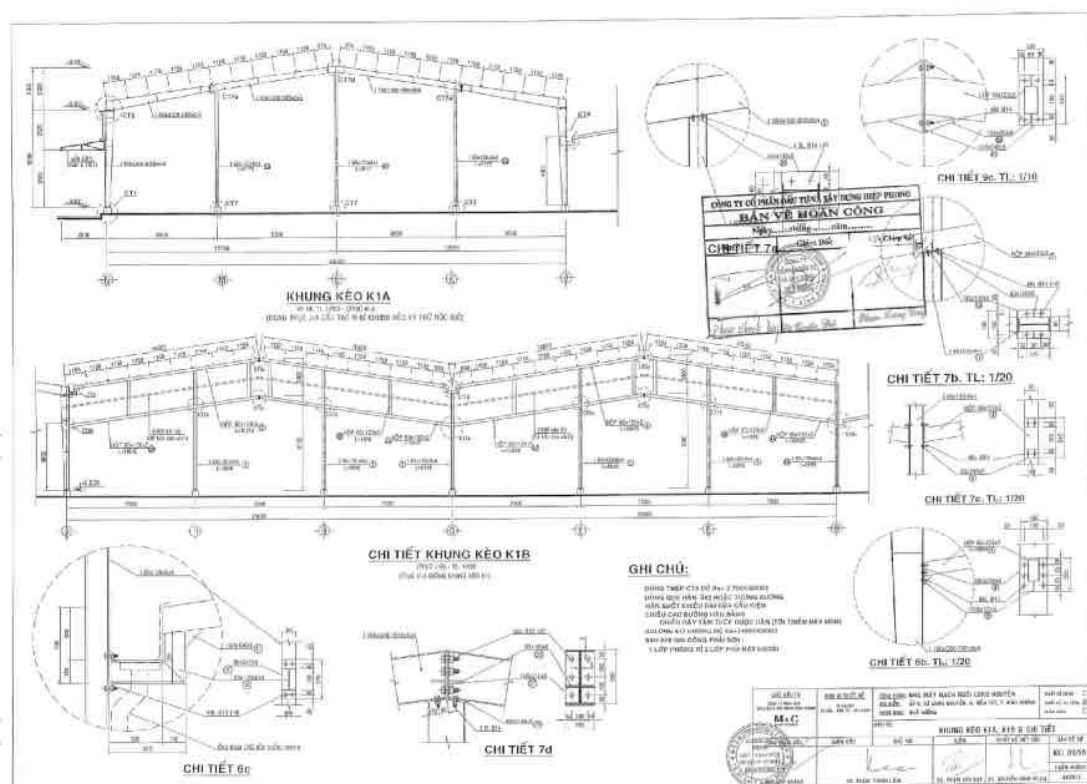


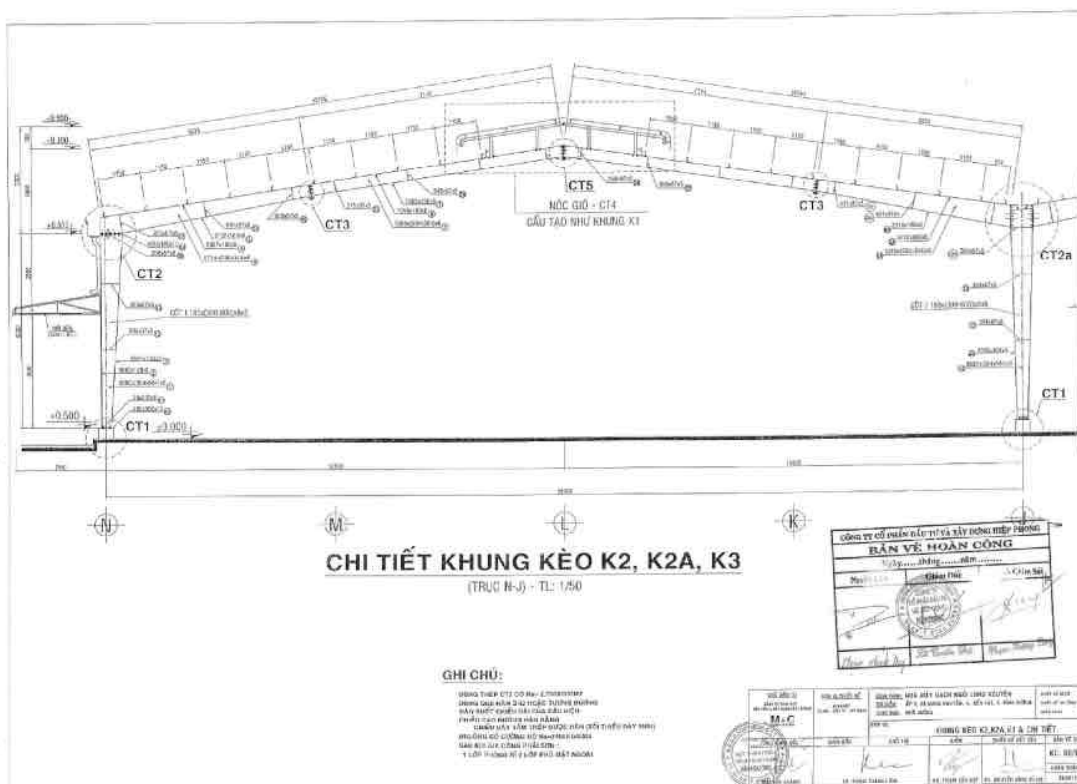
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO TỬ VÀ XÂY DỰNG HIỆP PHƯƠNG		
BẢN VOUCHER CÔNG		
Số: _____ Ngày: _____ Nơi: _____		
		
Phản ánh tại:	Số phiếu:	Ngày:

GHI CHÚ:

[illegible][illegible]

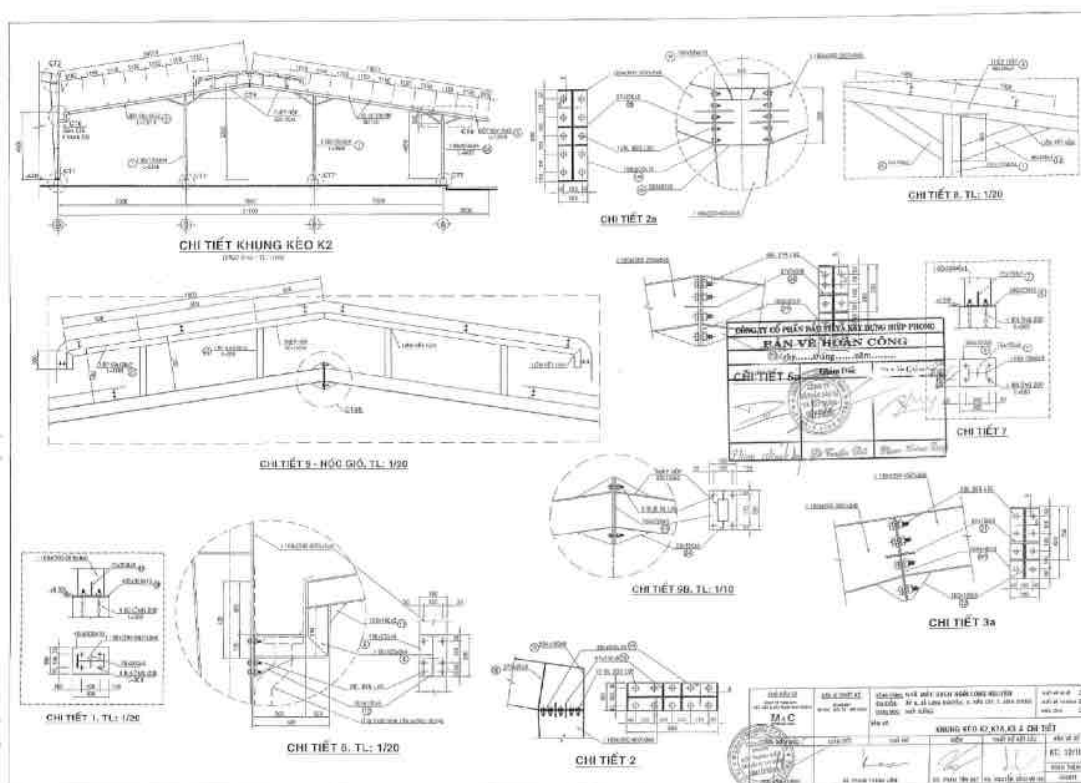


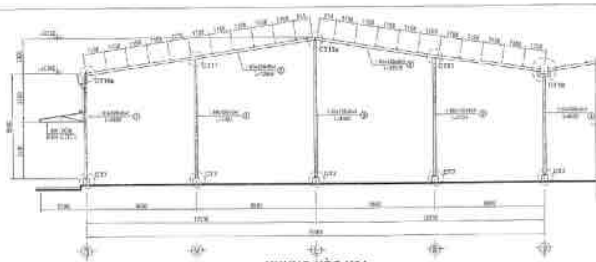




[illegible]

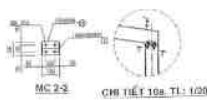
The image shows a sample of a Vietnamese passport page. It includes fields for name, date of birth, gender, height, weight, eye color, hair color, skin tone, blood type, and place of origin. There are also sections for marital status, education level, occupation, and social security number. The page features a circular official stamp on the left side and a small portrait photograph on the right side.





KHUNG KÉO K3A

1: 1/100 (1/100 K3A)



CHI TIẾT 10A. TL: 1/100



CHI TIẾT 10. TL: 1/100

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HIỆP PHƯƠNG		
DANH SÁCH HOÀN CÔNG		
Ngày: 15/05/2018		
Người Lập	Người Kiểm tra	Người Giám sát
Nguyễn Văn A	Nguyễn Văn B	Nguyễn Văn C



KHUNG KÉO K3A

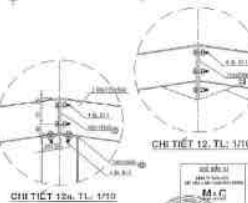
1: 1/100 (1/100 K3A)

CHI TIẾT 11. TL: 1/200



KHUNG KÉO K3A

1: 1/100 (1/100 K3A)



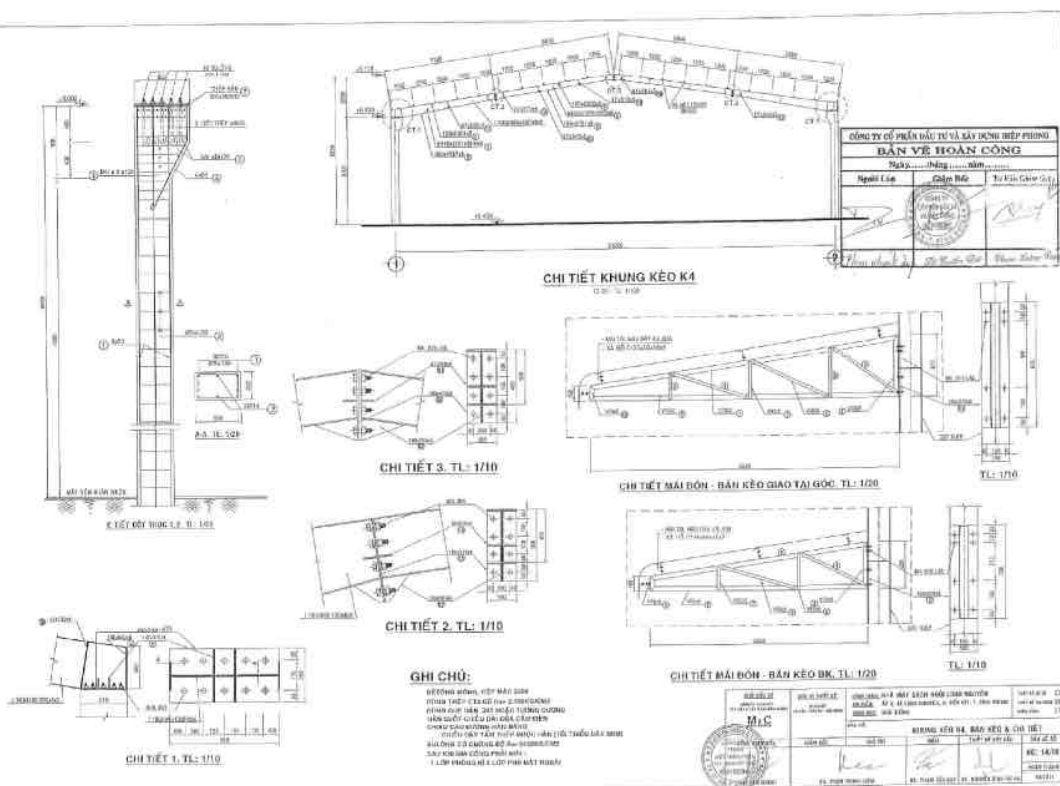
CHI TIẾT 12. TL: 1/100

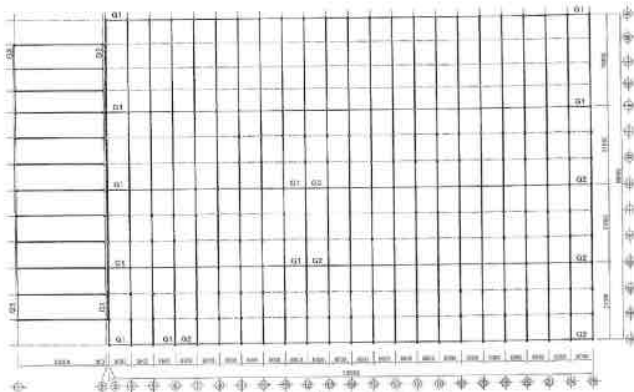
CHI TIẾT 12a. TL: 1/100



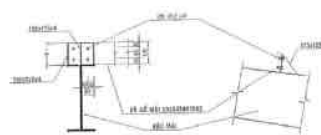
CHI TIẾT 7.

HỌ TÊN: NGUYỄN VĂN A CHỨC VỤ: KỸ SƯ CHỮ CHỮ: NGUYỄN VĂN A	HỌ TÊN: NGUYỄN VĂN B CHỨC VỤ: KỸ SƯ CHỮ CHỮ: NGUYỄN VĂN B	HỌ TÊN: NGUYỄN VĂN C CHỨC VỤ: KỸ SƯ CHỮ CHỮ: NGUYỄN VĂN C	HỌ TÊN: NGUYỄN VĂN D CHỨC VỤ: KỸ SƯ CHỮ CHỮ: NGUYỄN VĂN D
HỌ TÊN: NGUYỄN VĂN E CHỨC VỤ: KỸ SƯ CHỮ CHỮ: NGUYỄN VĂN E		HỌ TÊN: NGUYỄN VĂN F CHỨC VỤ: KỸ SƯ CHỮ CHỮ: NGUYỄN VĂN F	

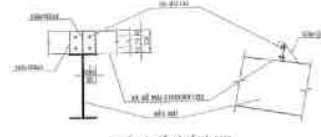




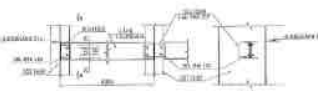
MẶT BẰNG BỐ TRÍ GIẢNG ĐẦU CỘT



CỘT LƯỚI KẾT XÀ GỖ MẶT CỘT



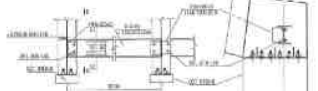
CỘT LƯỚI KẾT XÀ GỖ MẶT CỘT



CHI TIẾT KẾT DẪM GIẢNG Q1



CHI TIẾT KẾT DẪM GIẢNG Q2



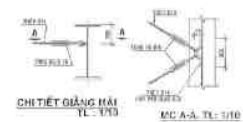
CHI TIẾT KẾT DẪM GIẢNG Q3

GHI CHÚ:

1. Hình thức kết cấu và kích thước chi tiết phải tuân thủ theo quy định của tiêu chuẩn hiện hành.
2. Vật liệu và quy trình thi công phải tuân thủ theo quy định của tiêu chuẩn hiện hành.
3. Các chi tiết kết cấu phải được kiểm tra và nghiệm thu theo quy định của tiêu chuẩn hiện hành.

KHOẢNG CÁCH GIỮA CÁC CỘT VÀ KẾT CẤU KHÁC	
BẢNG KẾT QUẢ KIỂM TRA	
Ngày kiểm tra:	Ngày:
Địa điểm:	Địa điểm:
Người kiểm tra:	Người kiểm tra:

MẶT BẰNG GIẢNG ĐẦU CỘT	
Ngày:	Ngày:
Địa điểm:	Địa điểm:
Người:	Người:

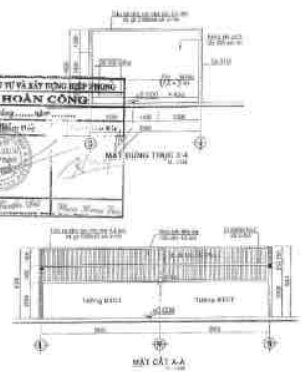
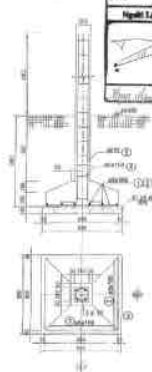
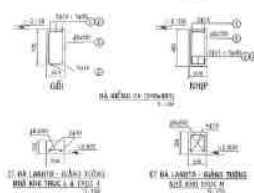
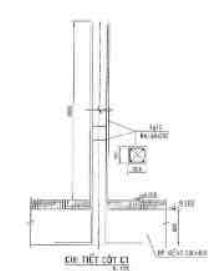
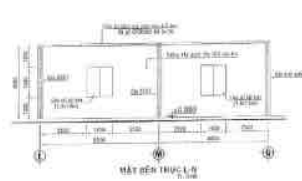
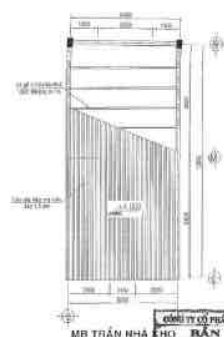


GHI CHÚ:

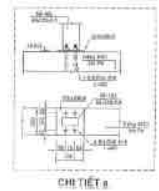
ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA NĂM 2018
Môn thi: Văn
Thời gian làm bài: 150 phút
ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA NĂM 2018
Môn thi: Văn
Thời gian làm bài: 150 phút

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HIỆP PHƯƠNG
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày _____ tháng _____ năm _____
 (Người lập) _____ (Người làm) _____


001.000000 001.000000 001.000000 M.C 001.000000	001.000000 001.000000 001.000000 001.000000	001.000000 001.000000 001.000000 001.000000	001.000000 001.000000 001.000000 001.000000	001.000000 001.000000 001.000000 001.000000
--	--	--	--	--

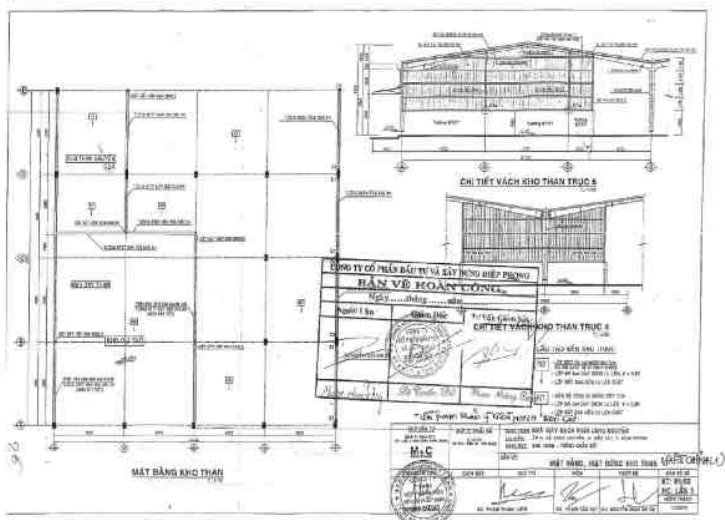


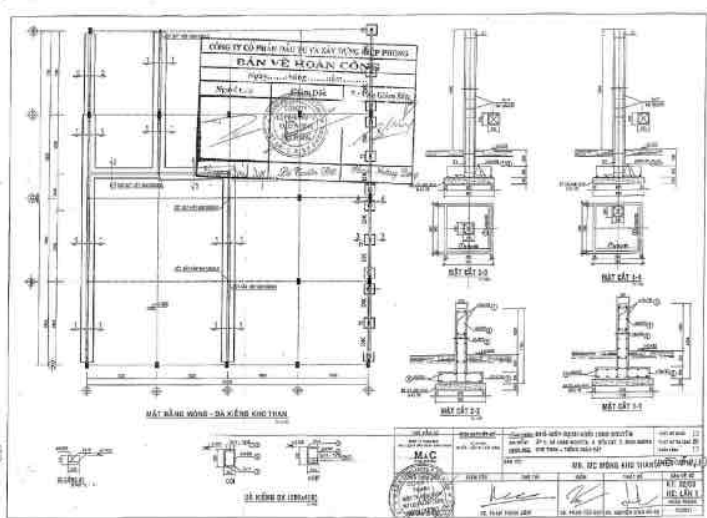
CẤU TẠO NỀN NHÀ KHÔ:
 1. BÊ TÔNG V. MÓNG CÂY TRÁI
 2. BÊ TÔNG V. MÓNG CÂY TRÁI
 3. BÊ TÔNG V. MÓNG CÂY TRÁI



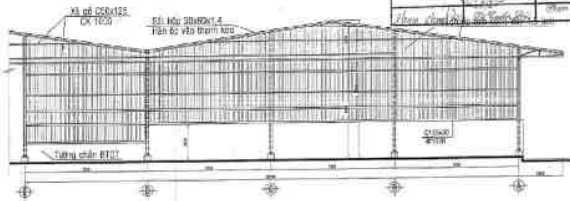
CẤU TẠO MÓNG MỎ

1. BÊ TÔNG V. MÓNG CÂY TRÁI 2. BÊ TÔNG V. MÓNG CÂY TRÁI 3. BÊ TÔNG V. MÓNG CÂY TRÁI	1. BÊ TÔNG V. MÓNG CÂY TRÁI 2. BÊ TÔNG V. MÓNG CÂY TRÁI 3. BÊ TÔNG V. MÓNG CÂY TRÁI	1. BÊ TÔNG V. MÓNG CÂY TRÁI 2. BÊ TÔNG V. MÓNG CÂY TRÁI 3. BÊ TÔNG V. MÓNG CÂY TRÁI	1. BÊ TÔNG V. MÓNG CÂY TRÁI 2. BÊ TÔNG V. MÓNG CÂY TRÁI 3. BÊ TÔNG V. MÓNG CÂY TRÁI
---	---	---	---



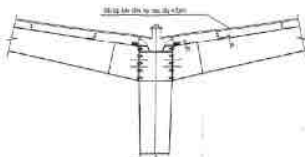


CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HIẾP PHƯƠNG	
HẠNH VỆ HOÀN CÔNG	
Ngày: 10/05/2018	Địa điểm: 19/19A Xuân Hòa
Người lập:	Người duyệt:



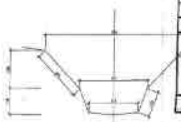
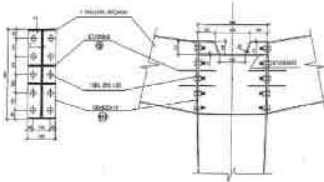
CHI TIẾT VÁCH KHO THÂN TRỤC 3

CHỖ TẮT VÁCH KHO THÂN TRỤC 3	CHỖ TẮT VÁCH KHO THÂN TRỤC 3	CHỖ TẮT VÁCH KHO THÂN TRỤC 3	CHỖ TẮT VÁCH KHO THÂN TRỤC 3



ĐẦU KÈO K2, K2A, K3

(TRỤC J-G-D) - TL: 1/25



CHI TIẾT MĂNG XỐI

(TRỤC J-G-D) - TL: 1/5

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM	
BẢN VẼ HOẠCH ĐỊNH	
Hạng mục: ...	Thi công: ...
Ngày: ...	Chức vụ: ...
 	

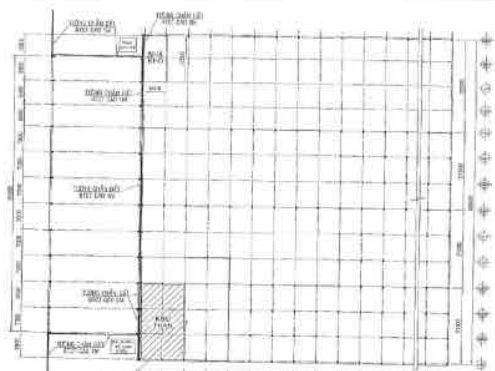
ĐẦU KÈO K2, K2A, K3

(TRỤC J-G-D) - TL: 1/10

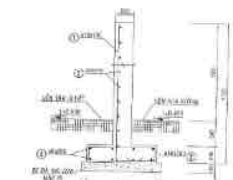
CHÚ:

Chỉ tiết măng xối được vẽ ở vị trí lắp đặt để
chỉ tiết măng xối được vẽ ở vị trí lắp đặt để
chỉ tiết măng xối được vẽ ở vị trí lắp đặt để
chỉ tiết măng xối được vẽ ở vị trí lắp đặt để

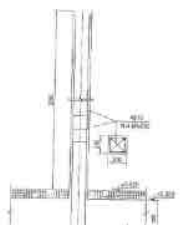
			
			



MẶT BẰNG BỐ THÍ THƯỜNG CHẨN DÂY



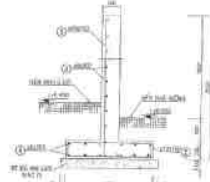
CHI TIẾT TƯỜNG CHẨN DÂY D1



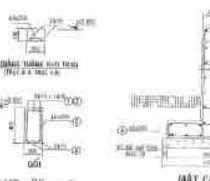
CHI TIẾT CỘT C1



CHI TIẾT TƯỜNG CHẨN DÂY J1



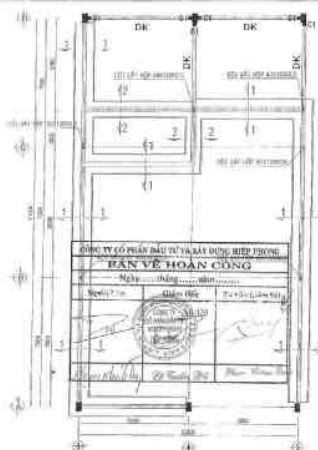
CHI TIẾT TƯỜNG CHẨN DÂY L1



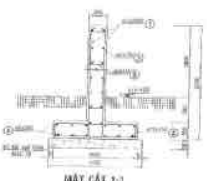
CHI TIẾT TƯỜNG CHẨN DÂY M1



CHI TIẾT TƯỜNG CHẨN DÂY N1



MẶT BẰNG MÔNH - DÀ KIẾNG KHO THIAN



MẶT CẮT 1-1



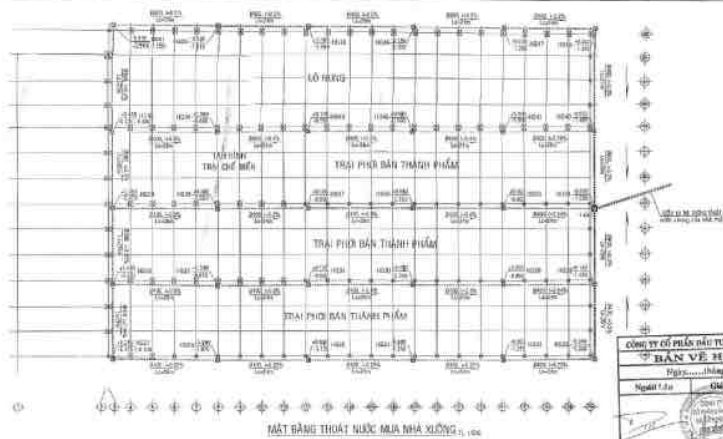
MẶT CẮT 2-2

THIẾT KẾ
TÊN CÔNG TRÌNH: NHÀ Ở DẠNG NHÀ MỘT TẦNG
THIẾT KẾ: NGUYỄN VĂN A, NGUYỄN VĂN B, NGUYỄN VĂN C
THIẾT KẾ: NGUYỄN VĂN D, NGUYỄN VĂN E, NGUYỄN VĂN F

DÀ KIẾNG D1 (200x200)



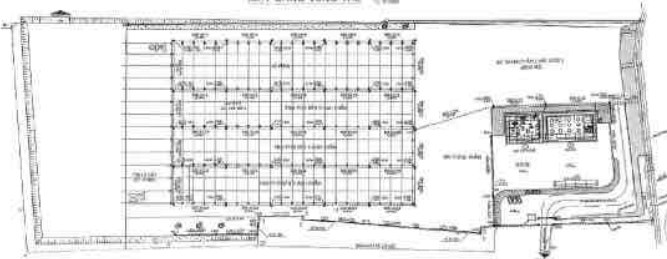
THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN A	THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN B
THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN C	THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN D
THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN E	THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN F
THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN G	THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN H
THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN I	THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN J



MẶT BẰNG THẢO NƯỚC MƯA NHÀ XƯỞNG 1/100

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HIỆP PHƯƠNG
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày... tháng... năm...
 Người...
 Giám...
 (Seal and signature area)

MẶT BẰNG TỔNG THỂ 1/1000



LEGEND:
 (Symbol) Đường trục chính
 (Symbol) Đường trục phụ
 (Symbol) Đường trục ngang
 (Symbol) Đường trục dọc
 (Symbol) Đường trục chéo
 (Symbol) Đường trục khác

HỌ TÊN: ... CHỨC VỤ: ... CHỮ KÝ: ... CHỖ: ...	HỌ TÊN: ... CHỨC VỤ: ... CHỮ KÝ: ... CHỖ: ...	HỌ TÊN: ... CHỨC VỤ: ... CHỮ KÝ: ... CHỖ: ...
--	--	--

